

ích mà lại còn thành hại! Chánh nghĩa của Phật giáo hoàn toàn khế hợp luân thường đạo lý.

Trong đời có kẻ ngoại đạo thường hay xén trộm những danh từ Phật giáo để thực hành đạo vận khí, luyện đan, rồi gọi hoa mỹ là Tam Giáo Đồng Nguyên (Nho, Thích, Đạo cùng nguồn). Nguồn cố nhiên là đồng, nhưng cành nhánh thì khác! Nếu chấp nhận kiểu “đồng nguyên” ngoài miệng của bọn dị kiến là nguồn cội của Tam Giáo sẽ đắc tội lớn với thánh nhân Tam Giáo! Nay dốc sức nơi luân thường và pháp môn Tịnh Độ thì tương lai ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ gặp được nguồn. Nếu bỏ điều này, coi pháp bí mật truyền dạy cách luyện đan là nguồn cội, sẽ trở thành vĩnh viễn mê mất nguồn cội chân thật, đi mãi trong nẻo tà! Hãy nên đem điều này nói với những tín sĩ có tấc căn nhưng chưa biết cội nguồn của Phật pháp thì lợi ích lớn lao lắm. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2*)

* Cư sĩ niên kỷ đã sáu mươi lăm, một con một cháu đều bị chết yểu. Luận theo nhân tình thế gian, thật đáng đau lòng. Nếu luận theo pháp môn Tịnh Độ liễu sanh tử thì thật là nhân duyên tối thắng để siêu phàm nhập thánh! Người thế gian sanh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi không biết sẽ về đâu, thật là một đại sự trọng yếu trong đời người; chỉ vì tâm niệm coi trọng con cháu nên đâm ra coi thường, bỏ qua đại sự sanh tử của chính mình. Nếu con cháu của cư sĩ trường thọ, làm quan, chắc sẽ bị phú quý phước lộc làm mê, sợ rằng khó phát được cái tâm “quy y Tam Bảo, xin thọ Ngũ Giới” này, bất quá chỉ mong “phước, thọ, chết tốt lành” là cùng, đôi với Pháp Thân huệ mạng vẫn không nghe không tin! Nếu như chuyện gì cũng vừa ý, há có thể nào vượt ra ngoài chuyện sống uổng chết phí được hay chăng?

Cảnh ngộ hiện thời chẳng tốt đẹp, biết đời người không gì chẳng phải là khổ, lại được đọc tường tận các sách Tịnh Độ, biết chúng ta vốn sẵn có chốn quê cũ An Lạc để yên thân lập mạng, suốt ngày chỉ nghĩ đến Phật, chỉ cầu Tịnh Độ, mãi cho đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đến tột cùng đời vị lai hưởng diệu lạc thù thắng. Do vậy, mới nói “*con ấy, cháu ấy quả thật đã thành tựu đại sự liễu sanh tử cho ông nên mới mất trước!*”

Hãy nên sanh tâm cảm kích lớn lao, nguyện dùng công đức niệm Phật của chính mình để tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn cho họ,

ngõ hầu họ cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương khiến cho người con, người cháu ấy chẳng uổng công chết sớm! Người khéo đạt lợi ích thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện lợi ích; người cam lòng chịu bị tổn hại thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện tổn hại, tùy theo kiến giải của mỗi người như thế nào! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường*)

* Nội công (công phu tu hành bên trong) là tự tu; ngoại công là rộng hành các phương tiện, như: giúp đỡ kẻ ngặt nghèo, cứu người khốn đốn, cứu giúp tai nạn v.v... Đây gọi là Trợ Đạo. Những điều này nên dựa theo sức lực, khả năng của chính mình [mà làm]. Nếu không có sức thì hoặc dùng lời nói để chỉ điểm cho kẻ mê, hoặc dùng lời lẽ khuyên lơn đại chúng, khiến cho mọi người đều thành tựu chuyện của họ. Nếu do được người ta thỉnh mà niệm kinh, niệm Phật thì phần nào vẫn là kẻ lười nhác, mang hành vi dựa dẫm vào Phật để kiếm sống. Sao ông lại chen lẫn vào đó, chẳng sợ đánh mất phẩm cách của chính mình hay sao?

Chỉ có một sự đáng làm, nhưng ông đã có nghề nghiệp, nên cũng chẳng thuận tiện lắm; [tức là] hễ [gặp lúc] có người thường ngày niệm Phật, hoặc con cháu người ấy tin Phật, khi người ấy lâm chung, thỉnh các vị cư sĩ đến trợ niệm, lợi ích ấy rất lớn. Hãy xem sách Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết. Người niệm Phật hãy thường đối trước cha mẹ của chính mình và những quyến thuộc khác nói cho họ nghe [lợi ích của sự trợ niệm], để đến khi có người mạng chung, quyến thuộc trong nhà đều cùng niệm Phật thì người [sắp mất] ấy ắt nương theo Phật lực sanh về Tây Phương. Dầu chẳng sanh về Tây Phương, ắt cũng sanh vào đường lành, có lợi ích rất lớn, chẳng tổn thương mảy may! Nếu chẳng biết điều này, khi chưa chết đã lo tắm rửa, thay quần áo sẵn, nếu [người sắp mất ấy] do bị đời động mà đau đớn, sân tâm liền nổi lên. Dầu chẳng đến nỗi nổi sân, nhưng qua một phen đời động, tâm cũng chẳng được thanh tịnh. Nếu là người bình thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trải qua một phen như thế, chắc chắn bị mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh!

Nếu chưa chết đã khóc lóc trước khiến cho người [sắp mất] ấy sanh tâm ái luyến thì cũng là lôi kéo khiến cho người ấy bị đọa lạc. Một cửa ải lâm chung khẩn yếu tốt bậc, do vậy phải nên trợ niệm. Người trợ niệm cần đọc kỹ sách Sức Chung Tân Lương, bảo con cái quyến thuộc trong nhà đều tuân theo chỉ dạy của người trợ niệm, mới hòng chẳng đến nỗi do tâm hiếu lại đâm ra làm cho cha mẹ phải chịu nỗi khổ đọa lạc!

Ngoài việc trợ niệm ra, mọi chuyện đều chẳng nên làm. Nếu phong cách này (*tức cách ứng phó này*) được lưu hành thì chuyện thiện nam tín nữ niệm Phật chẳng trở thành một nếp xử sự phổ biến hay sao? Người hiểu lý chọn lấy chuyện tốt lành để làm, người không hiểu lý chỉ thấy lợi bèn theo, người có nghề nghiệp lỡ làng công việc, kẻ lười nhác bèn dựa vào đó để chòng gheo, chẳng những gây trở ngại cho Tăng chúng mà còn gây trở ngại cho chính tang gia. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 2*)

* Người niệm Phật nên đi, đứng, nằm, ngồi, tâm thường nghĩ nhớ [đức Phật]. Lúc bình thời, ở nơi sạch sẽ, hoặc lúc áo mũ chỉnh tề thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Chỉ lúc ngủ, đại tiểu tiện, trần truồng tắm gội thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu gặp tai nạn đao binh, nước, lửa, thì ở bất cứ chỗ nào, trong bất cứ trạng thái nào đều nên niệm ra tiếng, vì niệm ra tiếng so với niệm thầm càng đắc lực hơn. Nếu khi nữ nhân sanh con, nên niệm ngay từ lúc chưa sanh và đến khi lâm bồn, tuy trần truồng chẳng sạch sẽ, vẫn nên niệm ra tiếng. Lúc ấy [là lúc] có liên quan đến tánh mạng, như té trong lửa nước cầu được cứu giúp, chẳng thể luận trên dáng vẻ chẳng đoan trang, ô uế, bất tịnh v.v...

Nữ nhân khó sanh chẳng phải là có oán thù với đấng con sắp sanh mà chính là oan gia đời trước, gây trở ngại hầu [sản phụ] không sanh được, khiến cho bị đau khổ. [Sản phụ hãy] niệm Phật và những người chăm sóc chung quanh đều cùng vì sản phụ ấy niệm Phật thì những kẻ oan gia kia nghe tiếng niệm Phật sẽ liền tháo lui, chẳng dám cản trở! Do vậy, càng phải nên dạy con gái niệm Phật từ nhỏ ngõ hầu diệt sạch cái nạn này.

Nếu là người lúc bình thường luôn niệm Phật chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi mắc sự nguy nan này. Dầu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật mà [lúc ấy] có thể chí tâm niệm thì chắc chắn cũng được dễ sanh! Kẻ ngu chấp lý hẹp hòi, cho là hễ đàn bà trong nhà sanh con thì cả nhà đều chẳng được cúng Phật, cũng chẳng được niệm Phật; nếu không, sẽ mắc tội! Đây là chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chúng, chỉ biết lẽ thường, chẳng biết quyền biến, đáng thương vậy thay! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Tụ Giác*)

3. Luận về sự giáo dục trong gia đình

* Sanh con không khó, dạy con rất khó. Rất nhiều kẻ chẳng hiểu việc, không có con bèn cầu Bồ Tát, đến khi có con chỉ biết quý báu; do đây nuôi thành hạng hư hỏng nhiều lắm. Ví như trồng lúa, chỉ biết tìm hạt giống tốt và ươm cho lên mạ rồi thôi, tất cả những chuyện trừ cỏ dại, bón, tưới v.v... đều nhất loạt chẳng ngó ngàng tới. Giống lúa ấy tuy tốt, còn mong chi thân hoạch được chẳng? Như Quang hiểu biết, đến chín mươi chín phần trăm những kẻ không con và đông con đều là loại kết quả này.

Chỉ có mình cha của Diêm Đan Sơ (Kính Minh) là người thương yêu con bậc nhất từ xưa đến nay. Cho nên, ông ta nhờ các vị hương thân trưởng thượng [kèm cặp] khiến cho con ông ta được bỏ vào Hàn Lâm, rồi làm quan to. Ông ta dạy con nghiêm ngặt cũng là thiên hạ xưa nay chưa hề có. Một mặt vun bồi đức hạnh, một mặt tận lực dạy dỗ. Nguyên do là vì yêu thương con thật sự. Lòng thương yêu của những kẻ khác thường là còn tệ hơn giết con, bởi giết con thì chỉ có một người chết. Đứa con không dạy dỗ sẽ chẳng nghiệp gì không làm, vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. So với nỗi thảm khóc của một lần chết nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô*)

* Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời, liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt - xấu, sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ dâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nỗi giống yếu ớt v.v... Với đứa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đứa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đứa hết chín đứa phạm phải tật này, đáng sợ vô cùng!

Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử dạy: “*Phụ mẫu duy kỳ tât nhi ưu*” (Cha mẹ chỉ lo về tât ấy). Những tât khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ dâm, tham ân ái, quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất! Vì thế, Khổng Tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Khổng Tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Giáo dục trong gia đình thì mẹ dạy con là quan trọng nhất. Nếu lúc con cái vừa mới hiểu biết, mẹ liền đem nhân quả báo ứng và sự lý làm người ra giáo huấn, khi lớn lên chúng sẽ biết tốt - xấu, chẳng bị ác

đảng, tà thuyết mê hoặc, sẽ trở thành hiền nhân, thiện nhân. Nếu lúc nhỏ mặc cho nó kiêu ngạo thành thói, lớn lên không tự chủ được, sẽ ngã theo tà thuyết, muốn quay lại đường chánh thì trăm kẻ khó thể được một! Trong thời hiện nay, nếu chẳng lấy nhân quả báo ứng làm thuốc chuyên trị để cứu nước cứu dân, dù có làm gì đi nữa, vẫn chẳng có hiệu quả lớn lao cho được! Do bọn họ chẳng chú trọng thực hành, chỉ là dùng lời nói xuông bày vẽ cho xong chuyện. Nhân quả chính là cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Phạm phu sơ phát tâm, Như Lai thành Chánh Giác đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ cuồng coi nhân quả là Tiểu Thừa rồi khinh miệt, tự tiện buông lung, làm ác chẳng kiêng dè, và thơn thớt nói xuông những lời lẽ lớn lối! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4*)

* Dạy trẻ nhỏ nên dạy cận kề “làm người phải tự lập chí hướng”, đừng nên quở trách nghiêm khắc! Bởi lẽ, những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt, [con cái] sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ, mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi - hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mảy may nào! [Làm] như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ, đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh, địa ngục chẳng thể thoát ra!

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thông thả! Muốn thành tựu học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý “*từ hiện tượng biết được pháp tắc*”. Phần Đại Tượng¹⁹⁹ thuộc sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, [nội dung bài minh ấy] cực rõ ràng, rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phế kinh như thế nào?

Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa! Lễ Ký²⁰⁰ và Tả

¹⁹⁹ Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của sáu mươi bốn quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

²⁰⁰ Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho Giáo, Khổng Tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo

Truyện²⁰¹ nên chọn đọc những phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: “Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy! Nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dẫu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ôm nỗi thẹn thùng. Huống chi thiên địa, quý thần, Phật, Bồ Tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao người chẳng biết tự gắng sức, lại làm chuyện hạ lưu ấy? Từ rày, nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn người đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện [người] lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà chẳng chịu nói, đến nỗi người ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khẩn yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm!

Người hãy thử nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hẳn sẽ vui vẻ; chê hẳn dờ, hẳn không vui. Sao người lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu diếm, che chở cho người, tức là ta dạy người làm giặc. Sau này, chắc chắn người hoàn toàn chẳng thể thành người được! Vì vậy, ta bảo với người, từ rày trở đi, nếu người ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh người! Nếu ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem người tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những người mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn người nữa! Do mong

130 thiên do Lưu Hướng thâu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm “thế giới đại đồng” cũng phát xuất từ Lễ Ký.

²⁰¹ Tả Truyện, gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho Gia xếp bộ sách này vào mười ba bộ kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho Sĩ.

ngươi thành người, bắt đắ dĩ ta phải kiềm chế ngươi như vậy.

Ngươi biết lỗi phải gắng sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng ngươi; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ ngươi! Nếu ngươi vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như ngươi hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy! Sấm sẽ đánh ngươi! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương, che chở ngươi, nếu ngươi biết tốt - xấu như vậy thì may ra có hiệu quả”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo, mánh khéo dạy con. Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư quen nét ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phận thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng thì vẫn chưa khản yếu lắm, bắt quá chúng nó không hiểu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời, nếu không dạy con cho đàng hoàng, mỗi họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được! Hãy nên đem lời này nói với hết thầy mọi người. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1*)

* Con em của kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được! Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhắc chân động tay, một là tập làm lụng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhân rồi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý Học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý Học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho Tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (*Thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế, một chữ Từ cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ tự thái bình*). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư*

* Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than: “Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?” Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận?

Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường, ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh, hèn tẻ; dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu! Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung (*Dung là “dung chỉ” (容止) tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng “dung” là dung mạo xinh đẹp; đáng than thay*), phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). [Dạy cho con] đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn [dạy cho chúng nó] biết nhân, rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng sẽ nêu gương trong chôn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra! Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng: Dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô, lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư? Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chẳng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thờ

kê tổ tông²⁰² thì cháu trai²⁰³ cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa.

Huông chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa Bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã [bận lòng] như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng? Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay! Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đây chính là quyền thuộc Bồ Đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đây là Hiếu, là lòng Từ lớn lao. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 11 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Ngô Trân - 2*)

* Hiện nay muốn xưng minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành [điều đó] thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể. Bởi lẽ, đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bả́m chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng, dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Châu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Châu.

Tôi thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa*”. Lại nói: “*Dạy con gái là cái gốc để tề gia, trị quốc*” tức là nói đến chuyện “trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con”. Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lõi làm lớn lao ấy²⁰⁴, thật đáng cảm khái sâu xa!

²⁰² Nguyên văn “tông diêu”, nói đủ là “tông diêu thừa kế”: Tông là nhà thờ Tổ, Diêu (祧: đứng ra theo chánh âm phải đọc là Thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành Diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: “*Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ!*”

²⁰³ Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác. Con trai của chị hay em gái ta sẽ được gọi là Sanh (甥)

Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hề dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng *Cảm Ứng Thiên*²⁰⁵ và *Âm Chất Văn*²⁰⁶. Hai cuốn sách ấy phải thường giảng nói, ắt sẽ tự có lợi ích không chi lớn bằng!

²⁰⁴ Câu nói này vốn dựa theo ý một câu nói của La Thiệu Uy vào cuối đời Đường. Theo Tư Trị Thông Giám, nguyên văn câu nói của La Thiệu Uy là: “*Hợp lục châu tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác*” (Gộp sáu châu cũng không đúc được lỗi lầm này). Nguyên lai, vào cuối đời Đường, các phiên trấn (những tướng lãnh nắm giữ binh quyền tại các địa phương) thế lực rất lớn. Khi Điền Thừa Tự giữ chức Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác (bao gồm sáu châu Ngụy, Bác, Tương, Vệ, Bôi, Đản, nay thuộc vùng duyên hải của Bột Hải thuộc phía Bắc Hoàng Hà) đã tuyển lựa những quân sĩ thân tín, chu cấp hậu hĩnh, huấn luyện kỹ càng, tổ chức thành một đội quân tự vệ, gọi là Nha Quân. Đến khi La Thiệu Uy làm Tiết Độ Sứ vùng Ngụy Bác, Nha Quân thế lực quá lớn, kiêu binh tung hoành không thể kiềm chế được, thậm chí đôi khi còn làm loạn, giết cả Tiết Độ Sứ. Năm Thiên Hựu thứ hai đời Đường Chiêu Tông, một viên chỉ huy của Nha Quân là Lý Công Toàn gây binh biến, La Thiệu Uy bèn cầu cứu viên Tiết Độ Sứ có thế lực mạnh nhất thời ấy là Vũ Châu Ôn (Ông này làm Tiết Độ Sứ vùng Tuyên Vũ, nay thuộc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Châu Ôn liền phái bảy vạn nhân mã tiến vào Ngụy Bác, giết được tám ngàn Nha Quân, dần dần dẹp tan sự đối kháng của Nha Quân. Để cung cấp cho quân đội của Châu Ôn, La Thiệu Uy đã phải tốn hơn nửa ức tiền, giết đến gần bảy chục vạn trâu dê cho quân Châu Ôn ăn trong nửa năm, tốn kém lương thảo vô số. Lúc quân Châu Ôn rút đi, lại còn phải biếu tặng cả trăm vạn quan tiền. Từ đấy, vùng Ngụy Bác suy sụp, kiệt quệ, hoàn toàn không còn sức đối kháng ngoại địch. Như vậy, tuy La Thiệu Uy trừ được mối lo do Nha Quân gây ra, nhưng cũng đồng thời tự diệt sạch lực lượng chính bảo vệ vùng Ngụy Bác, hoàn toàn chịu sự chi phối của Châu Ôn. Do đó, La Thiệu Uy mới hối hận thốt lên thời than thở như vậy. Từ câu nói ấy đã phát sanh thành ngữ ‘*chú thành đại thác*’ vốn thường được dùng để chỉ lỗi lầm chết người do ham mỗi lợi nhỏ trước mắt mà ra.

²⁰⁵ Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tổng Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giảng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đông đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

²⁰⁶ Âm Chất Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chưa rõ ai là tác giả. Châu Khuê đời Thanh khi giảng cuốn Âm Chất Văn Chú đã nhận định:

Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lời lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Gốc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đây! Vì thế, kinh Dịch chép: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*” (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy! Bởi lẽ, đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để nhắc nhở lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan, chẳng thể nào thu thập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiểu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến [tình cảnh] bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt [như] nước lũ cuộn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dầu Khổng Tử, Thích Ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú

“Âm Chất Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn”. Học giả Từ Tĩnh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa ra bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chất Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừng ác trong Âm Chất Văn. Âm Chất Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giáng cơ.

Văn Xương Đế Quân vốn còn gọi là Tử Đồng Đế Quân, theo truyền thuyết vốn là Trương Á Tử, làm quan đời Tấn, chết trận, được dân chúng lập miếu thờ, rất hiển linh. Do các đạo sĩ đời Tống - Nguyên viết truyện nói ông Trương được Thượng Đế sắc phong làm Tử Đồng Đế Quân và đã nhiều lần giáng thế, được thiên đình giao cho nhiệm vụ chương quản phủ Văn Xương chuyên coi về việc học hành, thi cử, quan chức của thế gian nên Tử Đồng Đế Quân còn có tên là Văn Xương Đế Quân. Do vậy, năm Diên Hựu thứ ba (1316) đời Nguyên, vua đã sắc phong cho Văn Xương Đế Quân một tước hiệu thật dài “Tử Đồng Thần Vi Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lộc Hoằng Nhân Đế Quân”.

Chữ Âm Chất phát xuất từ thiên Hồng Phạm sách Thượng Thư: “*Duy thiên âm chất hạ dân*” thường được giải thích là “trời ngấm ngấm bảo vệ, che chở muôn dân”. Từ đó, Âm Chất được hiểu là làm những việc công đức ngấm ngấm, không khoe khoang, rêu rao cho người khác biết. Đặc điểm của Âm Chất Văn là dung thông những quan điểm của Tam Giáo, đặc biệt đề cao nhân quả, luân hồi, báo ứng, nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy mẹ con ông Án Đức Tăng - 2*)

* Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay! Những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn văn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ủa nhau vâng theo như gió lửa cỏ rạp.

Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đặng gốc, có bệnh đặng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi; nếu chỉ dựa trên mặt Sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách đốc sức nơi căn bản được! Nói đến chuyện đốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thấy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về “phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn” để tự tu, lại còn [dùng những điều ấy] dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dựa vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế, Khổng Tử nói: “*Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân*” (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà tất phụ tất phụ đều cùng mang trách nhiệm này! Cổ nhân đã nói: “*Thiên hạ bất trị, tất phụ hữu trách*” (Thiên hạ chẳng yên, tất phụ có trách nhiệm). Bởi lẽ, nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra. Gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện. Gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nét bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia, xã hội!

Do vậy, biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình

thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phạm lẫn thánh đều phải tuân theo. Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyên những ai có chí giác thế yên dân văn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc [sẽ được thỏa nguyện] vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyển Thế Bạch Thoại Văn*)

* Giữ vẹn luân thường chính là tận lực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si. Cần phải thực hiện thật sự giữa cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn; nhưng bản phận làm con còn dễ trọn, dễ biết, chứ bản phận làm cha mẹ của người khác thì khó trọn, khó biết!

Rất nhiều kẻ mù quáng quấy rối ngày nay tuy là tội của bọn họ, nhưng xét đến cội nguồn thì đều vì cha mẹ họ chưa hề đem đạo lý làm người và sự thật nhân quả báo ban. Những gì họ được dạy dỗ đều là chú trọng suy nghĩ mưu mẹo, lòng gạt, nên mới đến nỗi xấu hèn như thế! Do vậy, nói rằng: “*Nếu con người khéo dạy dỗ con cái thì gia đạo tự được hưng vượng, thiên hạ thái bình!*”

Khi con cái vừa mới hiểu biết, xin hãy đem ngay những chuyện con người nên làm và những điều chứng nghiệm thật sự về thiện - ác, nhân - quả thường nói với chúng thì con cháu nhiều đời về sau đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Do vậy, đây là nguyên do tại sao bản phận của người làm cha mẹ so với bản phận của kẻ làm con cái khó thể trọn hết được vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trầm Lai Văn*)

* Trong đời có kẻ nữ chẳng hiểu chí lý (lý tốt cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, [chẳng biết những điều ấy] quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đây đủ công đức này, do tu tập

Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen.

Phải biết: Có nhân chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế, phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật - trời cùng soi xét (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

* Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, lễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngộ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ, cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngắt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên, không thành hạng tâm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì!

Cổ nhân nói: “*Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài*” (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về), bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viễn vông, không quan hệ, khẩn yếu chi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khắp*)

* Con gái xuất giá, giảm nhẹ gánh nặng rất nhiều. Xin hãy khuyên nó nên trọn hết đạo làm vợ, hiếu thảo với bố mẹ chồng, kính trọng chồng, hòa thuận với chị em dâu, rộng rãi với tôi tớ, vẫn giữ đạo niệm Phật, chớ lấy chồng rồi bỏ luôn [không niệm Phật]. Lại phải mềm mỏng khuyên chồng niệm Phật và Quán Thế Âm để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Làm được như thế thì người tôn kính, thần che chở, chẳng gặp tai chướng, điều phước chuyện lành đều cùng tụ họp. Chẳng những chính người được vẻ vang mà người ta cũng vì người mà kính trọng lây

cả cha mẹ sanh ra người; cho là nhà ấy có gia giáo, cho nên cô gái ấy từ nhỏ đã quy y Phật pháp, ăn chay, niệm Phật, nay được tốt lành như thế. Nào phải chỉ cha mẹ được nở mày nở mặt, mà vị thầy [người] quy y cũng được vẻ vang! Nếu chẳng hiền hiếu, ắt người bị người ta ghét; đây vẫn còn là chuyện nhỏ! Ất người ta sẽ nói cha mẹ người không có đức hạnh nên mới sanh ra đứa con gái chẳng hiền chẳng hiếu ấy, ắt cha mẹ người thường bị người khác nhục mạ, vị thầy người quy y cũng bị người ta chê trách là chẳng thể giáo hóa người hành hiếu kính.

Mong cho bọn họ hiện tại làm con gái hiền, xuất giá làm vợ hiền của người ta, sau này trở thành hiền mẫu của người khác thì may mắn nào hơn! Xin hãy sáng suốt suy xét, bảo tòng tận cùng cô ta (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa*)

* Không ai chẳng mong sanh ra con cái tốt lành, nhưng mười người hết tám chín người dạy con cái ngoan thành hư, về sau bại hoại tiếng tăm gia đình, phá tan tổ nghiệp, trở thành hạng tầm thường, bướng bỉnh, hoặc thành phường giặc cướp, tệ hại. Chỗ sai làm căn bản, nói chung là do chẳng biết cách yêu thương con. Từ nhỏ mặc kệ cho nó quen thói thì lớn lên chuyện gì nó cũng tự tung tự tác, chẳng nghe răn dạy, đa phần cạy kè, gằn gỏi bọn xấu xa, gây hại cho xã hội. Thiên tai nhân họa hiện thời phần nhiều là do những người chẳng biết cách làm cha mẹ uơm thành! Nếu như những kẻ không được dạy dỗ đó, từ thuở ban đầu được cha mẹ hiền khéo dạy thì những kẻ làm hại [cho xã hội] đều là những người tạo lợi ích [cho nước nhà], những kẻ chỉ vẽ điều ác đều thành những người khuyến thiện hết, cõi đời chẳng mong thái bình mà tự thái bình. Đây chính là đạo căn bản trọng yếu để thất phu, thất phụ dựa vào việc bồi đắp cho cõi đời bình yên vậy.

Lúc ông đề xướng Phật pháp, hãy nên vì hết thảy những người hữu duyên nói kèm thêm nghĩa này cho tòng tận, khiến cho bọn họ ai nấy đều tự trọn hết đạo làm cha mẹ thì lợi ích lớn lao lắm! Con gái càng quan hệ lớn hơn nữa, trọn chẳng được nuôi mà không dạy khiến cho hiện thời nó gây trở ngại cho gia đình nó ("*không dạy*" là ngược ngạo để cho anh em, chị em đều chẳng tuân theo quy củ, mặc lòng phóng túng), tương lai quấy rối nhà chồng. Về sau, dạy hư con cái, khiến cho con cháu nhiễm phải thói xấu ấy. Nghĩa lý này nhiều người coi thường chẳng xét đến. Muốn gia đạo tốt lành, con cháu tốt lành, đều phải tìm ở chỗ khéo dạy con cái! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế*)

* Diệu (妙) nghĩa là hợp lẽ, thích đáng. Nếu sử dụng trí thông minh vào chuyện vô ích tổn hại thì trở thành trí huệ hèn tẻ, chẳng gọi là Diệu Huệ (妙慧). Nếu áp dụng trí ấy hợp lẽ thì mới gọi là Diệu Huệ. Những người thông minh hiện thời thường đem trí thông minh của chính mình sử dụng trong [việc viết ra] những chuyện tiểu thuyết kêu gọi trộm cắp, dâm dật, vượt lý, khinh miệt luân thường để khoe khoang văn tài, chẳng biết: Một hơi thở ra không hít vào được, thân sau trải qua bao nhiêu kiếp chẳng biết có được nghe những danh từ “thiên địa phụ mẫu” nữa hay không? Nếu những kẻ đó không có cái trí huệ hèn tẻ ấy, sao lại đến nỗi khổ sở cùng cực như thế? Vì vậy, hãy nên vun quén sao cho cô ta nhất cử, nhất động đều hợp với chánh đạo, đối với địa vị mẫu nghi chôn khuê các hay bậc thầy nêu gương cho nữ giới trong tương lai đều có thể dự đoán được từ nơi đây. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành -1*)

* Cõi đời ít có người lành là do trong gia đình không khéo dạy dỗ, nhưng trong một gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ quan trọng nhất. Bởi lẽ, con người lúc bé hằng ngày ở bên mẹ, được hun đúc tánh tình nhiều nhất từ nơi mẹ! Do vậy, thiên chức của phụ nữ là giúp chồng dạy con. Nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền thê, hiền mẫu cho được? Vì thế, nói rằng: Khéo dạy cho con cái biết nhân quả ba đời chính là cái đạo “gốc chánh nguồn trong” để bình trị thiên hạ vậy! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy càng nên đau đầu sấm hối để tiêu túc nghiệp. Lại phải tận lực kiêng chuyện ăn nằm để bệnh khỏi nặng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu chẳng kiêng ăn nằm, chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng Tử đã nói: “*Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu giả*” (Cha mẹ chỉ lo lắng về cái tật ấy²⁰⁷) là vì chuyện ăn nằm là căn bản của hết thảy bệnh vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tung Bình ở Tương Âm*)

* Bán thân bất toại sợ rằng cũng là do tham sắc mà ra. Chớ nên tham tà sắc, dẫu vợ chồng sống với nhau cũng chớ nên tham đắm. Hễ

²⁰⁷ Thông thường chữ Tật ở đây thường được các nhà chú giải hiểu là những thói hư tật xấu như không giữ luân thường, lễ nghĩa; riêng Tổ giải thích chữ Tật ở đây phải hiểu là thói tham mê tình dục quá đáng. Tổ giảng rất rõ về ý nghĩa này trong lá thư 141 trong bộ Án Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 1, tức lá thư gởi cho cư sĩ Niệm Phật.

tham thì sẽ bị mất mạng hay sanh bệnh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn*)

* Đòi người muốn được không bệnh khỏe mạnh ắt phải cực lực tiết dục. Hễ lảm dục sự thì đủ mọi bệnh tật đều phát sanh. Người đòi cho làm chuyện dâm dục là vui, chẳng biết vui chỉ trong khoảng khảy ngón tay, khổ cả đời thường chịu! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ*)

4. Khuyên nên tại gia hoằng pháp

* Con người và trời đất cùng xung là Tam Tài, chẳng phải là chuyện xuong, mà ắt phải có công tham dự, giúp đỡ sự sanh trưởng, thì mới chẳng thẹn! Nếu không, thịt đi thây chạy, suốt đời ô uế trời đất, sao có thể gọi là Tam Tài cho được? Nếu lãnh hội được ý này, đem [áp dụng vào việc] dạy dỗ bọn trẻ, ắt sẽ có thể tận tâm kiệt lực, đem tài năng ra dạy dỗ, trước hết lấy đạo đức làm gốc, rồi mới đến văn chương là ngọn. Thường luôn giảng nói hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, khiến cho chúng nó biết đạo làm người, khởi tâm, động niệm, cư xử, nói năng đều thuần thiện, tạo thành cơ sở có thể dựa vào bậc thánh. Kinh Dịch nói: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*” (Dạy cho bọn trẻ nhỏ lễ chánh sẽ có công lao [bằng với công lao] của bậc thánh nhân) tức là nói về điều này vậy!

Nếu có thể dùng cái tâm này để dạy người thì học vấn lẫn phẩm đức của chính mình ngày càng tươi sáng, con người sẽ được cảm hóa, chẳng đợi phải đốc thúc, quả trách mong cho họ sẽ thuận theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Hiện thời nước loạn, dân khốn đốn, anh em cùng một nhà đánh nhau, tranh đua muốn tàn hại lẫn nhau, dân không lẽ sống đều do cha mẹ trong gia đình không khéo dạy, thầy giáo trong nhà trường không khéo dạy, đến nỗi kẻ có thiên tư quen thói làm xằng, đứa không có thiên tư cam lòng làm kẻ giặc bướng bỉnh. Ông giữ được tấm lòng “gốc chánh, nguồn trong” để làm chuyện vun trồng nhân tài, tức là chẳng có địa vị mà nắm quyền cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp vậy, còn vui nào hơn? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập*)

* Ông làm nghề Y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi. Người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui thì

không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dầu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyên nguy thành an rồi mới qua đời. Tôi thường nói: *“Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt”*. Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 8 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dầu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thần thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phạm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nằm mới chóng lành bệnh!

Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay. Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này biết đâu do đây sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì đối với người ấy, đối với ông đều có ích lợi lớn lao.

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vạn chớ nên dính đến chuyện ăn nằm. Hễ nhiễm vào chuyện ăn nằm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dầu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bậy bốt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe.

Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô “y sĩ chẳng có bản lĩnh thật sự!” Bất luận nam hay nữ (*đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì*), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đấy cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thường là y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đấy chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống hồ là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích “sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc” ư!

Cổ nhân nói: “*Bát vi lương tướng, tất vi lương y*” (Chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là “*đại quốc thủ*”. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghiệp. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư? Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán [bệnh nhân sẽ] tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ háms lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu lợi ích kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo.

Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (*quá khứ, hiện tại, vị lai*), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý giả vờ như vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là “dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi y sĩ Mã Tình Tiều*)

* Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lon cha mẹ và con cái ta cùng tu Tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thảy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nữ nào chẳng làm cho anh em trai, chị

em gái, thân thích, xóm giềng, hết thấy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoàng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu*)

* Đây tứ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đây gọi là “dùng đức khuất phục người” vậy. Cổ nhân nói: “*Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tụng. Quân tử cư hương, dĩ thân suất vật, linh đức phục nhân, tương quán nhi thiện*” (Dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành) chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tinh nhân đời trước, gọi ân Phật sâu xa, để được là kẻ phàm phu triền phục đầy dẫy mà ngay trong đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh*)

* Tàn Xuyên chính là cõi đất hoàng dương Tịnh Độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiếu, Phi Tích, Huệ Nhật²⁰⁸ v.v... xưa kia, hết thấy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời

²⁰⁸ Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh Độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi Ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), Sư ngổi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt mười ba năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhằm chán Sa Bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam Tạng pháp sư mà Sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh Độ A Di Đà thù thắng. Khi Sư đến nước Ma Kiệt Đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, Sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại Sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển.

Đường hiem có người hoằng dương pháp này đến nổi tức căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay!

Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi... thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chẳng?

Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được? Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, chẳng thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiểu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây!

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bổn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đồ ky là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người! Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mộng lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hòa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy, làm sao gây mê hoặc rồi ren cho được? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã*)

* Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụng lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu những người tu trì hiểu thấu triệt tự tâm, chẳng đến nỗi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm [đến nỗi] mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn Niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban Châu Tam Muội Tán v.v...

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện, giữ gìn tám đức “hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sĩ”, dốc chí nơi tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến “trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái”, tự làm, làm người của tiền nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn “sống trong cõi trần học đạo, tự lập, lập người”. Ba người cùng đi ắt có [người] là thầy ta; một ấp mười nhà, ắt có [nhà] trung tín. Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngõ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện*)

* Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu Tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vớt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đây, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh Độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phú*)

5. Khuyên nhủ nên sống trong cõi trần học đạo

* Không Tử dạy kẻ chánh tâm thành ý thì phải trí tri (thấu hiểu căn kẽ), [muốn] trí tri thì phải cách vật (trừ khử vật dục). Không “cách vật” thì giống như đeo kính màu xanh, đỏ v.v... phàm những màu được thấy đều chẳng phải là màu thật sự của nó. Do tâm có tư dục làm chủ nên chét chìm vào một bên, chẳng thấy chân lý của sự việc, thấy điều đúng của người khác trở thành sai! Phàm đối với những chuyện tri thể tu đạo đều

nên lấy lời này làm khuôn phép, đừng coi là hủ bại rồi xem thường!
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi*)

* Vừa thông minh vừa có tài, sử dụng chánh đáng thì có thể mong thành thánh, thành hiền, tạo công lập nghiệp; nếu sử dụng không chánh đáng sẽ tự làm, làm người, đọa trong ba ác đạo! Thiên tai, nhân họa hiện thời đại đa số đều do những kẻ thông minh có tài tạo nên. Nếu do trí huệ, phân biệt được tà - chánh, hiểu rõ nhân quả, xuôi theo điều lành, tránh điều dữ sẽ thành tài đạt đức. Có trí huệ thì tài năng sẽ giúp cho đạo, không có trí huệ thì tài năng sẽ trái đức. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn - 1*)

* Bí quyết “dùng sự khiêm tốn để thực hiện sự Thành Ý” nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý, khế cơ tốt cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Châu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được! Cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được!

Tri kiến bị thiên lệch là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc! Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo*)

* Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm, động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy! Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân! Từ đây hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh, bậc hiền! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường -2*)

* Tội lớn tày trời chẳng thể cự lại một chữ Hối. “*Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh*”. Tâm Nghiêu, Thuấn, Phật, Bồ Tát và tâm chúng ta có cùng một giác thể; nhưng do

chúng ta nghịch tánh mà tu nên chìm đắm trong loài chúng sanh nghiệp khổ. Ông đã biết sai, hãy nên tận lực sửa lỗi!

Đối với mọi chuyện, đều có thể tận lực sửa đổi sẽ đạt đến chỗ không còn lỗi lầm. Nếu chỉ sanh lòng hổ thẹn tạm thời, rồi cứ lần chân chẳng tự tu trì thì vẫn lặn hụp trầm luân trong biển tội nghiệp y như cũ, không thể thoát ra được! Xin hãy đọc cặn kẽ các sách thì sẽ lần lần đạt đến chỗ khá hơn, ngõ hầu chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, sống như gỗ, đá, cầm thú trong vòng trời đất, sống đã vô ích cho người, mà lại còn có hại cho người! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyền - 2*)

* Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu, Thuấn, chẳng thể thành Phật là vì chẳng lập chí mà ra! Không có chí sẽ chẳng sanh hổ thẹn, yên phận phạm ngu, luân hồi trong tam đồ lục đạo cả kiếp dài lâu, không thể thoát được! Ông đã phát lòng hổ thẹn, phát tâm mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, cố nhiên là do thiện căn đời trước tạo thành. Hãy nên “mỗi ngày một mới” để hoàn toàn vứt bỏ mọi ý nghĩ, hành vi chẳng chánh đáng trước kia. Một nhát dao chặt đứt làm đôi, chớ có “dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng”, vương vấn, do dự, ắt đến nỗi chẳng mấy chốc lại quay về nẻo cũ, vùi lấp trong mười thứ ác nghiệp y như cũ, khiến cho Phật tánh “sáng tỏ Minh Đức” sẵn có đều bị chướng lấp chẳng thể hiển hiện, dùng tư cách thành thánh, thành Phật để nằm tù Diêm La, đối diện ngục tốt²⁰⁹, chẳng đáng buồn ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyền - 2*)

* Chồng bà Triệu Lãnh Cô bỏ vợ mê gái làng chơi, luận theo tình cảm thế gian thì số mạng Lãnh Cô mỏng manh, bất hạnh; còn luận theo Phật pháp thì thật là may mắn lớn! Nếu chồng chẳng ruồng rẫy thì tình ái vợ chồng, con cái ràng buộc, suốt ngày bận bịu, càng khó niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay do chồng bỏ mà được chuyên tâm niệm Phật, để đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Lợi ích ấy hoàn toàn do bị chồng bỏ, hãy răn nhắc bà ta đừng sanh lòng oán hận, mà hãy nên sanh lòng cảm kích. Lại nên đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho chồng, khiến cho ông ta mau thoát khỏi nẻo mê, mau tìm lối giác. Có lòng dạ như vậy thì hai lòng yêu - ghét đều chẳng thể sanh, niệm Phật càng được hiệu quả lớn

²⁰⁹ Ngục tốt: Cai ngục, lính canh ngục. Ở đây là các quỷ sứ canh giữ địa ngục.

lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai*)

* Uống sữa bò thì không trở ngại gì, nhưng sữa cũng là lấy chất béo của bò để bồi bổ thân thể ta; do vậy, cũng không nên dùng. Đậu nành, dầu đậu nành có nhiều chất béo nhất, hãy nên thường dùng. Trong cháo ăn điểm tâm nên bỏ thêm đậu nành đã xay vỡ. Với loại dầu để thường ăn thì chuyên dùng dầu đậu nành, so với mỡ heo, [dầu đậu nành] có nhiều chất béo hơn, sao lại khổ sở đem tiền chuốc họa để mong được bồi bổ ư? (*Bởi ăn thịt sẽ mắc nợ giết chóc, nên nói là “chuốc họa”*). Người ăn mặn nếu chịu ăn chay chắc chắn ít bệnh, khỏe mạnh, bởi ăn thịt gây trở ngại cho phép dưỡng sinh, ăn chay có tác dụng dưỡng sinh.

Mắm tôm độc nhất, muôn vàn chó có ăn, vì lúc làm, người ta đào một cái hố to bên bờ biển, trong vòng năm sáu tháng, đánh bắt các loài tôm và những thứ cá nhỏ, đổ vào trong hố, phơi dưới nắng gắt, cả hố trở mùi, thối suốt mấy dặm²¹⁰. Những loài ruồi, kiến, rắn v.v... ưa mùi đó đều tự gieo mình chết ngum trong hố. Đến khi mắm đã ngấu, bèn cà nhuyển, đựng trong sọt đem bán. Người ăn mặn coi như món hàng quý báu, đáng thương quá chừng! Đây là do một vị Tăng trông thấy cách làm kể cho Quang nghe. Ông đã ăn chay, nếu chẳng thể làm cho cả nhà ăn chay thì bảo họ hãy bớt ăn [mặn] đi, chó mua con vật còn sống về giết trong nhà, trong nhà hàng ngày giết chóc sẽ trở thành chỗ giết hại, xui xẻo lắm đấy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ*)

* Bất luận thọ giới hay không thọ giới, đã quy y Tam Bảo, ắt phải giữ năm chuyện ấy, chẳng dám vi phạm thì mới là đệ tử chánh tín của Phật. Nếu do chưa thọ giới mà đối với năm giới ấy chẳng cần chú ý đến thì còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống là đệ tử Phật? “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hết thấy thiện pháp đều nên tu, hết thấy ác pháp đều nên đoạn*” chính là giới kinh đại lược do Phật dạy.

Thế đạo hiện thời suy bại đến cùng cực vì thuyết “bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho Phật pháp là lừa dối kẻ ngu, người tục” của nhà Nho. Vì thế, nhà Nho đều chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân

²¹⁰ Đây là cách người Hoa làm mắm. Người Việt làm mắm hơi khác, nhưng cũng theo một nguyên tắc dùng muối để làm cho cá, tôm phân hủy, lên men, và dĩ nhiên các lu khạp làm mắm cũng không được giữ gìn sạch sẽ cho lắm!

hồi để giáo huấn, đến nỗi điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt. Đến khi gió Âu thổi qua đều ủa nhau theo. Nếu mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì đâu đến nỗi tàn sát lẫn nhau, đến nỗi sát kiếp vĩnh viễn không có lúc chấm dứt! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi - 2*)

* Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục, hãy nên thường giữ tâm kiên sợ, đừng để nẩy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư?

Manh Tử nói: “*Sự thực vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thực vi đại? Thủ thân vi đại*” (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn). Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đây chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: “*Phóng tâm vô lự*” (Tâm thành thoi không lo lắng).

Kinh Thi chép: “*Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù*” (Dè dặt, dè phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì lũ phạm tục, tầm thường chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* Con người sống trong thế gian, quý ở chỗ giữ bản phận. Phạm hết thảy những kẻ phát điên phát cuồng, thậm chí thường hay sanh lòng bi quan, thường muốn tự sát, đều là do chẳng tu thật hạnh, muốn được đại hạnh phúc, mọi chuyện đều như ý, tài, sắc, danh vị đều hơn người. Nếu đời trước tu trì có si phước, được thỏa lòng mong mỏi ấy, bèn kiêu ngạo, xa xỉ, dâm dật, không gì chẳng làm. Cái họa như thế so với chuyện tự sát còn nặng gấp vạn lần! May là chưa đạt được, nên còn chưa đến nỗi khóc liệt như thế! Ông muốn tiêu phiền não ấy, hãy nên mọi chuyện đều giữ phận, chẳng nên dấy lên mấy may vọng niệm nào muốn vượt ngoài bản phận!

Hãy tùy duyên làm việc, nếu làm tội của người khác, ắt phải tận hết chức phận tội của ta, chẳng lấy đó làm then, và ôm giữ tâm lòng “ta vốn chẳng có tư cách làm tội, nay được làm tội, ta phải tận hết chức phận làm tội của ta”, chẳng sanh tâm hợm mình khinh người. Chủ nhân biết đến ta, ta cũng chẳng vui. Chủ nhân không biết, ta cũng chẳng bực. Ta trọn hết phận ta, biết hay không mặc người! Tâm không so đo, lòng không uất ức. Làm tội như thế, chủ sẽ tôn kính như thầy, chẳng dám coi như tội. Nếu vì ta khéo tận hết chức phận tội của ta, người khác chẳng dám coi ta là tội, kính trọng ta như thầy, ta vẫn chẳng khởi cái tâm tự cao tự đại, biết tội hay thầy đều là giả danh, tận hết chức phận của ta mới là thật hạnh. Chỉ sợ hạnh chẳng xứng với danh, mặc kệ người ta đãi ngộ [như thế nào].

Bậc đại nhân thời cổ tuy gặp lúc cùng quẫn chẳng thể sống được, cũng chẳng có ý niệm lo buồn, uất hận, dầu cho sang quý như thiên tử, giàu trù thiên hạ, vẫn giữ thái độ như kẻ nông phu nơi rẫy bãi. Đây gọi là “*phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*” (phú quý chẳng phóng túng, nghèo hèn chẳng đổi dời [ý chí], oai vũ chẳng khuất phục), nên người quân tử vì vậy luôn thản nhiên, thanh thoi! Nếu không, kẻ tiểu nhân cứ thường phải lo nghĩ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hiện thời thế đạo suy vi, tu hành tại gia tốt hơn, xuất gia đâm ra bị nhiều chướng ngại, [phận làm] con cái đừng nảy sanh ý tưởng xuất gia. Trong đời Kiếp Trước này, cha ông chẳng biết nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cứ si dại muốn tham Thiên để mình tâm kiến tánh. Nên biết: Những gì ông ta tham đó chẳng phải là Thiên mà chính là văn tự tri kiến, có tham đến già cũng chẳng ăn nhập gì tới Thiên! Dầu có được lợi ích mình tâm kiến tánh thật sự nơi tham thiên thì vẫn cách liễu sanh thoát tử rất xa. Bởi lẽ, phiền não Hoặc nghiệp chưa đoạn, ngộ thì ngộ đấy, sanh tử vẫn sanh tử. Nếu nói mình tâm kiến tánh liền đạt được không sanh tử thì đây là sự nhận lầm lạc của gã đứng ngoài cửa và kẻ Cuồng Thiên! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng*)

* Pháp ấn tâm chẳng phải chỉ hạn cuộc tại chỗ ấy. Nếu có thể tuân theo [lời dạy của Bồ Tát] Đại Huệ trong phẩm Đoạn Nhục [trong kinh Lăng Già], phạm thấy hết thấy những sinh vật đều coi như cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, quyến thuộc thì môn ấy sẽ rộng mở, không pháp nào chẳng nhập được! Nếu thật sự nhập được môn này (tức “tưởng

hết thầy sinh vật như ruột thịt, không ăn thịt chúng nó”) dẫu chưa đạt được pháp ấn tâm, so với những kẻ đã đắc pháp ấn tâm kia nhưng chưa chịu nhập môn này thì công đức cách biệt một trời, một vực! Bởi lẽ, một đảng là hiểu xuông nhưng chẳng có tâm đại Bồ Đề, một đảng là thật hành đạo Bồ Đề.

Vả nữa, đừng cho lời tôi là sai! Dẫu chưa đạt được tâm ấn của Phật, của Tổ, nhưng đem công đức này hồi hướng vãng sanh, hễ được vãng sanh liền lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, thân cận Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được tâm của Phật, của Tổ. Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh tử, chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp, tuy sở ngộ giống như Ngũ Tổ Giới (*Ngũ Tổ là tên chùa. Sư Giới thiền sư từng làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ ở Hoàng Mai nên cõi đời gọi ngài là Ngũ Tổ Giới*), Thảo Đường Thanh cũng chỉ được kết quả [thân sau trở thành] Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công²¹¹. Đường sanh tử xa xôi, đời sau, đời sau nữa, chẳng biết kết quả lại như thế nào?

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, dưới là từ Ngũ Nghịch, Thập Ác, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát đều nên tu tập, đều có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Tất cả hết thầy những pháp cao sâu huyền diệu khác phân nhiều khế lý, nhưng trọn chẳng thể khế hợp khắp cả ba căn cơ thượng, trung, hạ. Chúng ta từ vô thủy cho đến tận đời này vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi, đều là vì trong những đời trước do ngu muội nên chẳng dám gánh vác, hoặc do cuồng dại nên hoàn toàn chẳng tin nhận

²¹¹ Tăng Lượng (1019-1083), tự Tử Nhân, người xứ Kiến Xương, Nam Phong (nay là huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây), là một nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống, được xếp vào Đường Tông Bát Đại Gia (tám văn gia, thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tông). Từ năm 18 tuổi, do theo cha du ngoạn, ông viết bài Du Tín Châu Ngọc Sơn Tiêu Nham Ký, rất được giới văn sĩ thời ấy tán thưởng. Năm 20 tuổi, ông ngao du khắp Trung Hoa, giao du rộng rãi với những danh nhân đương thời như Vương An Thạch và Âu Dương Tu. Ông đỗ Tiến Sĩ năm 1057, làm quan đến chức Trung Thư Xá Nhân, chuyên trách biên soạn sử liệu cho triều đình. Theo truyện ký, mẹ ông vốn là phu nhân của Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm, là một tín đồ rất hâm mộ Phật pháp, thường cúng dường hòa thượng Thảo Đường Thanh rất trọng hậu. Khi Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm cáo lão hồi hưu rất vinh hiển, Thảo Đường Thanh sanh tâm hâm mộ, bèn nói: “Lão tăng nguyện làm con của phu nhân”. Nói xong, không lâu sau bèn viên tịch năm 70 tuổi, liền đầu thai vào nhà họ Tăng. Khi đó, phu nhân nhớ lại lời Thảo Đường Thanh, cho người sang chùa hỏi thì quả nhiên hòa thượng mất đúng vào lúc Tăng Lượng được sanh ra.

mà ra!

Quang nói điều này [vì] sợ ông vẫn để chí nơi kinh Lăng Già, lấy chuyện đắc tâm ấn của Phật làm chí hướng, sự nghiệp thì kết quả sẽ giống hệt như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh mà thôi! Ông đừng học theo bậc đại thông gia, hãy chết lòng, trọn ý, tuân theo [lời dạy trong] phẩm Đoạn Nhục tu Tịnh nghiệp thì chắc chắn có thể sanh về Tây Phương được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dịch Trí Thuần*)

* Các hạ đang độ tráng niên, lại có chí lớn, có thể tự phản tỉnh suy xét, tự trách lỗi. Nếu có thể tự gắng sức chẳng ngại thì sống sẽ dự vào bậc thánh, mắt sẽ lên cõi Như Lai là điều chắc chắn! Đừng coi đạt được điều nhỏ là đủ, đừng nghĩ lỗi nhỏ không ăn nhằm gì! Đừng coi “tự tánh Di Đà” là rốt ráo, rồi chẳng niệm đức Phật Di Đà ở Tây Phương, đừng chỉ cầu đức Phật thăm gia hộ rồi đối với đức Phật do chính mình cảm được trong tâm chẳng sốt sắng tu hành, thì đối với chuyện đạt được ba mối đạo như Quang đã nói đó (tức đạo của cha, đạo của Khổng Mạnh và đạo của Phật, của Tổ), xin chúc mừng các hạ trước!

Hơn nữa, thời thế hiện nay đã bại hoại đến cùng cực, nguyên do là vì chẳng biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Muốn vẫn hồi thì hãy nên chú trọng hai pháp này, nhưng giáo dục trong gia đình cần phải chú trọng nhất vào nhân quả báo ứng, vì nhân quả báo ứng có thể chế ngự được lòng người. Ngoại trừ cách này ra, thực hiện bằng bất cứ cách nào đều là hết thuốc chữa, vì tâm chẳng thay đổi thành tốt lành thì một pháp vừa lập, trăm điều tệ chen chúc nhau nảy sanh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân*)

* Phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh Độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Phật xem hết thấy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phạm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phạm những ai tin Phật, niệm Phật, thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa! Nếu có thể chí thành niệm Phật, sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa! Có lợi ích to lớn như vậy, nữ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v... của ta và hàng xóm, láng giềng v.v... biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được! Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 1*)

* Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận (*tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v...*), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thủy kinh luận Đại Thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, Tổ, thánh hiền. Đây gọi là “*do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi*”. Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều, thấy lắm, ắt sẽ đến nỗi kiêu căng, khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đây càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, Tổ, thánh hiền! Đây chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay! Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuôn lệ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Thiếu Niên Phật Học Xã thuộc Phật Học Hội Vô Tích*)

* Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thế thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thế thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng

thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, đâu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy “người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta”. Như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, Ôn (溫) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v... đủ mọi khuyết điểm! Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm, hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy*)

* Phàm có ai đến thăm, đều khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn gặp cha nói Từ (*nghĩa là dạy con noi theo đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” để hành, đấy gọi là Từ. Nếu nuông chiều chẳng dạy dỗ, dạy cho con học thói hư hỏng thì gọi là Hại, chứ chẳng gọi là Từ được! Chuyện này người đời trong trăm kẻ có đến chín mươi chín kẻ không biết. Vì thế, biến thành thời thế tàn sát lẫn nhau này. Nếu như ai nấy đều dạy con đúng đạo thì thế đạo thái bình, chẳng có người xấu. Những kẻ xấu đều là do cha mẹ chúng nó dưỡng thành, tiếc rằng không có ai đề xướng, người biết quá ít, chẳng đáng tiếc lắm thay!*), gặp con nói hiếu, gặp anh nói yêu thương, gặp em nói cung kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tứ trung thành, ai nấy trọn hết chức phận, sẽ là thiện nhân.

Lại phải nói với phụ nữ (*mà cũng nên nói với nam giới*): Phải dạy cho con gái tánh tình mềm mỏng, hòa hoãn từ bé, dầu gặp chuyện không vừa ý cũng chẳng nổi nóng. Tập quen thành tánh, chẳng những vô cùng có lợi cho chính mình mà gia đình cũng được hòa thuận tốt lành, con cái ắt sẽ chẳng chết yểu, tánh tình hiền thiện, nước nhà vui mừng có được hiền tài.

Nữ nhân tánh tình quá nóng nảy sanh con phần nhiều bị chết hoặc lắm bệnh. Bởi lẽ, hễ nổi đóa lên, sữa liền biến thành chất độc. Nóng giận quá mức, cho con bú nó chết ngay lập tức. Bớt nóng hơn một chút thì

nửa ngày sau, một ngày sau nó mới chết. Hơi nóng giận thì con không chết, nhưng chắc chắn cũng sanh bệnh. Đây chính là sự lý nhất định không thay đổi được! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm*)

* Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đánh lễ, [phẩm vật dâng cúng Tam Bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu [khai thất niệm Phật cầu siêu cho mẹ], sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư? Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm A Di Đà Kinh một biến, Vãng Sanh Chú ba biến hoặc bảy biến, niệm Kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật (*liền vừa đi nhiều vừa niệm*), [niệm] Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngàn câu, hoặc năm trăm câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong [hãy lạy]. Lạy Phật hai mươi bốn lạy hoặc bốn mươi tám lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm Tam Quy Y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời [tụng niệm], hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm Kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình, sẽ khó thể tinh tấn được! Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiều niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng. Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng, rành rẽ, chẳng để cho có hết thấy ý niệm [khởi lên], giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa, trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao

lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới²¹². Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng*)

* Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh - phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu “tâm của chúng ta giống hệt như nhau” trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được [lý ấy], chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tốt bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi! Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hẳn có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm Nhất Chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hào khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đặc lực mà ra. Đó gọi là “*chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được!*” Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được!

Đạo Thích đặt nặng xuất thế; vì vậy, toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tốt bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do vậy, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được! Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư?

²¹² Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhưng họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được!

Phật pháp dạy về Nhân Thừa, Thiên Thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa, há còn có thể suy lường được ư? Điều đáng tiếc là Tổng Nho hẹp lượng! Do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra, về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tê Chú*)

6. Dạy cách tránh khỏi tai nạn do sanh nở

* Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, [nếu] mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*”. Chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm tâm lực nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đưa con ra, nếu niệm thầm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đưa con mắc các chứng kinh phong v.v...

Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự đề luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư?

Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lỏa lồ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức

Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ước đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (*Kinh Dược Sư nói về thế nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được.*) (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khấp*)

* Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói “trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng!” Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến sáu bảy ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ bê việc tu trì ư?

Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (*nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ*), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp thì pháp nào cũng viên thông, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khấp*)

* Ông ta lại từng thương xót siêu độ những cô hồn chết vì băng huyết khi sanh nở. Nhưng đối với hết thảy nữ nhân cũng nên lập cách sao cho họ vĩnh viễn không bị băng huyết khi sanh nở, khiến cho họ được lia khổ hưởng vui ngay trong đời này. Cách đó ra sao? Phàm là con gái thì từ bé hãy nên niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để cầu tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ. Nếu bình thời thường niệm sẽ tự có thể tiêu diệt được tai nạn trong khi sanh nở này. Như đang lúc sanh nở, vẫn nên chí thành khẩn thiết niệm “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” chắc chắn sẽ dễ sanh, chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc bình thường hoàn toàn chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm, nhưng lúc sanh nở chịu niệm thì cũng nhất định được sanh nở bình an. Nếu có ai khó sanh, hãy dạy kẻ ấy niệm và những người săn sóc chung quanh cùng nhau niệm cho người ấy, cũng quyết định liền được sanh nở bình an.

Chớ nói “đang khi sanh nở lỡ lỡ, ô uế, niệm [danh hiệu Bồ Tát] sẽ bị tội!” Phải biết: Đây là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể dùng đạo lý lúc bình thường để luận định được. Lúc bình thường, phàm là

người niệm Phật nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc ngủ nghỉ, tắm giặt, đại tiểu tiện v.v... chỉ nên niệm thầm trong tâm, chẳng nên niệm ra tiếng rõ ràng. Còn khi sanh sản, chớ nên niệm thầm trong tâm, mà phải niệm ra tiếng rõ ràng, bởi niệm thầm sức yếu, nếu trong tâm gắng sức sẽ rất có thể bị bệnh. Niệm rõ tiếng thì hơi thở thông suốt, hết sức hữu ích, chớ nên nói “niệm sẽ mắc tội!” Phải biết: Bồ Tát xem hết thấy chúng sanh đều giống như con ruột. Nếu con cái ngã vào nước - lửa, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ nghe thấy liền cứu ngay, quyết chẳng vì lý do áo mũ không chỉnh tề, thân thể không sạch sẽ mà chẳng cứu! Nếu lúc bình thường cũng niệm giống như khi [vì chẳng đặng đừng mà phải] lỡ lỡ ấy thì tội chẳng nhỏ. Cần phải luận theo sự, đừng chấp chết cứng!

Có kẻ chẳng hiểu lý, hễ trong nhà có người sanh nở, họ bèn lánh đi nơi khác hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng hễ bị huyết tanh xông nhằm thì những kinh, chú, Phật hiệu đã niệm từ trước đều trở thành không có công đức gì! Những kẻ ngu ấy đáng thương xót tội bậc! Hãy nên đem lời Quang bảo với khắp mọi người, ắt sẽ chẳng còn ai bị chết vì sanh sản nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1*)

* Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi thì mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đây chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! Nếu may mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép, hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu nhà không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tương vợ là vợ, hãy nên tương như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào! Đợi khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đây vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái.

Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dầy thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sảy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc [sanh ra đưa con] bầy bót, đoản mạng. Họ chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đồ hồ vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kẻ ra là may mắn lớn!

Lại phải giữ tâm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phạm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đây ấp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bưng bưng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” (*Hãy nên niệm theo cách này*), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao.

Ông giữ tâm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tâm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh. Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì [lúc ấy phải] dùng sức đẩy đưa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí.

Nữ nhân hễ cân thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng ùng ùng sẽ bị sảy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng ùng ùng, sữa liền biến thành chất độc. [Trẻ bú sữa ấy] nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết! Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm!

Chính mình cho con bú hoặc mún vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú. Lúc cho bú trước hết phải vắt sữa ra chừng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú [thì trẻ] sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bùng bùng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải mới biết mỗi họa này.

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn; sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là chính mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ, chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế. Mong hãy sáng suốt suy xét. *(Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 13 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền - 1)*

7. Dạy về những chương ngại do Lý Học gây nên

* Thiện căn của người đọc sách bị những vị tiên sinh bên Lý Học đoạn dứt, nhưng các tiên sinh bên Lý Học đều trộm lấy những nghĩa lý của Phật pháp để tự xưng hùng, lại sợ người đời sau học [Phật] bèn ra sức bài xích hòng ngăn lấp hàng hậu học để họ chẳng biết đến Phật pháp; nhưng làm sao ngăn trở được người có chút túc căn! Chẳng qua là dùng mảnh khốe ấy để người căn tánh trung hạ không cách nào đích thân được gọi nhuần pháp trạch vậy!

Nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người trong bọn họ, xin hãy chia thư ra giao cho họ, hoặc đem những ý chánh yếu trong thư này [viết lại gửi đi] để mỗi người tự sao lấy. Không có hình chụp của tôi [gửi kèm theo], chỉ mong [những người xin quy y hãy] lễ Phật, niệm Phật, dùng hình tôi nào có ích chi? Cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa không lúc nào nhiều hơn lúc này. Trong thời thế này, mọi người đều phải phát tâm cảm kích, ai nấy phải nỗ lực tu đạo làm người trong luân thường và ứng xử hằng ngày, kiêm tu pháp môn Tịnh Độ. Đấy gọi là “tu

chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, Phật pháp lẫn thế pháp đều cùng hành”. Nếu trong những kiếp xưa chẳng gieo căn lành, danh hiệu Phật còn khó được nghe! Nếu chẳng tích cực tu trì sẽ trở thành lên núi báu trở về tay không, cô phụ ân Phật và tánh linh của chính mình quá lắm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2*)

* Bỏ nhân quả mà bàn về sự bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da! Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được! Những người nói giọng cao xa, cứ bảo “nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật” chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn Hoặc chứng Chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả! Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu!

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả, luân hồi, chẳng biết “chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân!” Đã không có nhân quả, luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là “đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành”, đến nỗi xuất hiện những cảnh phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v... đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy uơ thành!

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm! Huống là do chỉ câu lấy hư danh chẳng liên quan khẩn yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Bội Độ Trai Văn Tập*)

8. Dạy lẽ trọng yếu trong việc bố thí

* Tôi muốn cho các vị đều cùng phát tâm, tùy phận tùy sức cứu tế. Có sức ra sức, không có sức thì dùng lời nói khuyên người có sức, đây cũng là chuyện tốt lành.

Lại nữa, nữ nhân hiện thời, đồ trang sức trên đầu, xuyên đeo tay, hoa tai, nhẫn đeo chớ nên đeo, hễ đeo sẽ chuốc họa. Nếu để lại cho con cái sẽ gieo họa cho con cái. Nếu chết đi chôn theo ắt sẽ gặp nông nổi đào mồ lộ thây, nhục lắm! Nếu chịu [đem những món trang sức ấy] cứu trợ tai nạn thì chính là “đưa họa đi, đón phước tới” vậy. Xin hãy bày tỏ ý nghĩa này với hết thầy mọi người. Nếu hàng phụ nữ chịu bỏ thí như vậy thì khoản tiền ấy lớn lắm! Đừng cho lời tôi là viển vông, mà đây là lời chí lý chí tình! Những người giàu có ở Cao Bưu, Thiệu Bá²¹³ trước kia có lúc nào chẳng nghĩ đến con cháu, chẳng chịu [bỏ thí] cứu tế chút nào, nước lũ dâng lên, nhà cửa, đồ đạc, người nhà đều tan đàn xẻ nghé, mười phần chẳng còn được một! Mỗi thôn mấy chục nhà tìm một cái nồi, một cái lò cũng không ra!

Ông Tào Tung Kiều ở Dương Châu mua nồi, bếp, gạo, củi, cứ mấy chục nhà biếu một cái nồi, dùng thuyền to chở đến. Trong mỗi thôn dùng thuyền nhỏ để đưa tới. Nói đến [chuyện này] khiến người ta rơi nước mắt. Có nhà chưa sập thì rần lẩn rết đều cuộn đầy bên trên, người ta có muốn vào nhà cũng chẳng dám vào. Trên cây cũng vậy, đáng thương vô cùng! Nếu những phụ nữ vẫn muốn giữ những vật chuốc họa, chẳng chịu dùng để cứu tế, e rằng đời sau họ cũng gặp phải tai họa này, không có ai chịu cứu vớt! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương*)

* Gần đây, có những phụ nữ tuy có những chiếc nhẫn đeo tay hay xuyên vàng đã chê là lỗi thời, nhưng bảo họ đem đóng góp cứu trợ, nhìn vào tình hình thì [thấy họ] vẫn không chịu bỏ ra. Ngày hôm qua, Dương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân đến nơi, toàn thể đại chúng trong chùa giảm bớt tiền chi dụng, góp lại được hai trăm hai mươi tám đồng, hôm nay đã gửi đến Tào Phủ để cứu trợ miền Giang Bắc.

Lần trước, sau khi Hán Khẩu mắc nạn lụt, Linh Nham đã đóng góp hơn một trăm hai mươi đồng, gửi lên Thượng Hải giao cho hội Cứu Trợ Thiên Tai Hán Khẩu. Sự bố thí của các sư có thể nói là trọn hết tấm lòng

²¹³ Cao Bưu, Thiệu Bá đều là những thành phố nằm ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử), thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

không thiếu sót vậy. Những người có tiền trong cõi đời vẫn chẳng chịu nghĩ thương những người dân bị tai nạn, đáng gọi là những kẻ si, uổng công tích góp tiền tài cho con cháu tiêu xài phí phạm! Đây gọi là “vứt bỏ công đức để chuốc lấy tội lỗi”, khiến người mắt sáng xót thương. Sợ rằng người ấy đời sau nếu gặp phải tai nạn sẽ trọn chẳng gặp được người khác cứu giúp, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng xót ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều*)

9. Dạy hãy giữ lòng trung hậu, khoan dung

* Ông muốn cầu Quang trừ căn bệnh của ông, nhưng đôi với những chữ [ông dùng] trong lá thư này, đúng là phải dần dần châm chước mà xem mới hiểu được đó là chữ gì, mới hiểu thư nói về ý gì. Do vậy, Quang biết ông chí lớn, ăn nói lớn lối, chứ tuyệt đối chẳng chú trọng tận lực làm. Nếu yên phận chẳng khoe khoang, nào chịu nêu ra yêu cầu lớn nhất, dùng những chữ hết sức khó nhận biết này, khiến cho người khác phải tốn khá nhiều tâm tư để đọc thư của mình, vì mình lập cách giải quyết nổi sào mùn cho mình!

Nếu ông có địa vị lớn thì hết thấy những lời phê phán không biết sẽ choáng lộn, cầu kỳ đến đâu! Như chữ viết của ông Phùng Mộng Hoa, viết mười bức thư có đến chín bức người khác chẳng nhận biết được toàn bộ mặt chữ, đến nỗi con chết, cháu chết, đứa cháu nuôi để nói dòng cũng chết, quá nửa là do chữ viết vậy. Ông đừng coi đó là điều lạ lùng, đặc biệt!

Phàm viết chữ phải sao cho người ta vừa nhìn liền hiểu ngay thì mới là cái tâm của vị đại quân tử vừa lợi người vừa tự lợi. Ông Phùng gửi thư cho Quang, Quang phí rất nhiều công phu chỉ nhận được [mặt chữ] tám phần. Quang viết lại cho ông ta, nói: “Thư của ông, Quang chỉ đọc được tám phần, nhưng cũng hiểu ý. Nếu là người không thông thạo mặt chữ cho lắm thì sẽ bị hư chuyện không ít! Mong từ rày đừng dùng kiểu đó nữa để mong lợi khắp mọi người”. Về sau, ông ta viết thư cho Quang, dùng lối chữ Khải, Quang cho rằng ông ta đã đổi thói quen. Hỏi tới người khác thì ra ông ta vẫn giữ nguyên thói cũ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hữu Trinh giữ lòng trinh, nhưng vẫn còn chú ý đến thuốc men,

đáng gọi là kẻ si! Những hành động sợ hãi, bán khoán cho sự đói lạnh ấy đều là do vọng tâm “đang hưởng phước mà không biết là có phước” gây nên. Nếu chịu nghĩ: Giả sử ta sanh vào nhà nghèo túng, suốt ngày quanh năm bận bịu cơm áo mà vẫn khó được thỏa nguyện thì chẳng muốn làm người nữa hay chẳng? Cổ nhân nói:

*Tha kỳ tuấn mã, ngã kỳ lư.
Tồn tế tư lượng ngã bất như.
Hồi đầu hựu kiến thôi xa hán.
Tỷ thượng bất túc, hạ hữu dư*

Tạm dịch:

(Người cưỡi ngựa, ta cưỡi lừa,
Xét soi cho kỹ, ta thua xa người
Ngoảnh đầu thấy gã đẩy xe,
Nhìn lên thua kém, dưới ai bằng mình?)

Đây lời đề thơ cho bức tranh Hành Lạc. Trong bức tranh ấy, phía trước là một người cưỡi ngựa, ở giữa là một người cưỡi lừa, phía sau là một người đẩy xe. Nếu Hữu Trinh hiểu được ý này, nhất tâm cầu sanh Tây Phương, sẽ lành bệnh si, chánh trí mở mang thì mới đáng gọi là Huệ Trinh. Nếu không, sẽ thành Si Trinh! Trinh đã kèm theo si thì sanh về Tây Phương cũng chẳng dễ dàng đâu! Chịu uống phương thuốc này thì may mắn lắm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng*)

* Cổ đức nói: “*Chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi*” bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được [gia chủ] tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tâm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được! Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiên khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng Thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Dem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp [của Quang] chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn

phước. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù*)

10. Dạy phương thức vận dụng luân thường một cách quyền biến

* Chuyện của vị tên X... nọ cố nhiên nên dùng tình để luận, chớ nên cố chấp vào lẽ thường để đoán định. Sự việc xảy ra đã năm năm rồi, cũng không sợ người ta thấy nghe. Người ấy đã cùng với người tên Y... sống yên, chỉ nên để mặc. Nếu thật sự có lòng hiếu thảo, ắt sẽ thay cho người ấy lễ Phật sám hối, cầu cho người ấy giác ngộ. Lúc đến thăm hỏi nên khuyên người ấy niệm Phật, đây là dùng tình cảm. Nếu người ấy gặp khốn khó thì chẳng ngại gì châu cấp. Buôn bán trái lẽ để sống, không thể khuyên can được thì chuyện này lấy tình mẹ con làm chuẩn, chẳng thể luận theo lẽ thường!

Còn đối với ông Y... ấy cũng chẳng được coi như kẻ oán cừ, phải “kính nhi viễn chi” mới là hợp lẽ. Nam nữ tuy khác, tâm niệm vốn đồng. Trong đời, có những gã đàn ông trong nhà đã có thể thiếp, vẫn còn lang chạ với phụ nữ của người khác ở bên ngoài, con cái người ấy chẳng thể vì chuyện đó mà không coi ông ta là cha. Đối với người được cha thương yêu, tuy chẳng thể coi như là mẹ, nhưng cũng chớ nên xem như kẻ oán cừ. Coi như kẻ oán cừ tức là oán cừ cha! Sau này có thể dẫn đến những cử chỉ báo oán, hành hung, vì thế hãy nên kính nhi viễn chi!

Sách Lễ Ký nói: “*Phụ mẫu chi sở ái diệc ái chi. Phụ mẫu chi sở kính diệc kính chi*” (Cha mẹ yêu mến gì thì ta cũng yêu mến nấy. Cha mẹ kính trọng gì thì ta cũng kính trọng nấy). Đối với chó, ngựa mà đều còn như thế huống gì là con người? Chỉ cần chẳng sanh phân biệt, tận hết lòng hiếu thảo của chính mình thì đối với thiên lý, tình người, lẫn Phật pháp đều có thể chẳng trái nghịch. Mong hãy đem ý này nói với người ấy. Người ấy sẽ trọn được lòng hiếu đôi bề, có thể khiến cho cha mẹ sanh lòng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, lấy niệm Phật làm chuyện chánh. Chỉ nên quên đi chuyện cũ thì tình cảm mỗi ngày một thân thiết, lời nói sẽ nghe lọt tai. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 3*)

X. Tiêu Ưng Độc Kinh Điển (Nêu lên những kinh điển phải nên đọc)

* Khiến cho kẻ sơ cơ lảng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyên trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng một phẩm Tịnh Hạnh để nhắc nhở trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thì họ sẽ tự hơn hờ nơi đạo vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh*)

* Tại núi Linh Thứu²¹⁴ thuộc nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A Di Đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm màu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lần phạm phru trọn đủ Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đây là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ra ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép quán màu nhiệm để hết thảy chúng sanh đều biết nghĩa lý “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biến Chánh Biến Tri*”²¹⁵ của chư Phật đều từ tâm tướng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biến nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tướng sanh” đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngõ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đây là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

²¹⁴ Linh Thứu (Grdrhakūta) dịch âm là Kỳ Xà Quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Nhạc, hoặc Thứu Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi có hình giống đầu chim Thứu (kên kên), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại Thừa.

²¹⁵ Có hai cách hiểu chữ Chánh Biến Tri:

1) Chánh Biến Tri (Samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam Miệu Tam Phật Đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thảy các pháp.

2) Danh từ Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyaksambodhi) cũng được phiên dịch là Chánh Biến Tri hay Chánh Biến Tri Đạo, chỉ cho sự chứng ngộ do hiểu biết chân chánh trọn khắp bản thể của hết thảy các pháp.

Dựa theo mạch văn ở đây, chữ Chánh Biến Tri phải hiểu theo nghĩa thứ hai.

Tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô [Độc], nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh Độ để [thính chúng] sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đầy đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đây là A Di Đà Kinh.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng A Di Đà Kinh thâm nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiên, Giáo, Luật đều cùng vãng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mâu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng Viên Thông, xa là thành Phật đạo ư?

Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh; nối theo sau Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh Độ khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì sự khó - dễ khác xa một trời, một vực! Do vậy, chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh*)

* Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh Độ. Đọc Văn Sao thông suốt rồi đọc các kinh luận Tịnh Độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiên vào đấy! Hễ bị xen tạp thì Thiên cũng chẳng phải là Thiên, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bên! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu*)

* Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh Độ. Nhưng cần phải tự lợi, lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh

Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. (*Ấn Quang Pháp Sư Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo*)

* Đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì phương pháp tu trì và giáo huấn con cái cùng đạo lý “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận” sẽ tự hiểu rõ. Sách Sứ Chung Tân Lương nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung. Lời tựa cho Đạt Sanh Thiên²¹⁶ nêu rõ chuyện niệm Quán Thế Âm khi sanh nở. Do hai chuyện sanh và tử là chuyện lớn nhất trong đời người, nhưng nỗi khổ sanh nở quả thật là nỗi khổ lớn nhất của nữ nhân. Trước kia, Quang chẳng nói đến chuyện này, sau này do biết chuyện khó sanh rất đáng thương, nên đề xướng rộng rãi (*Lúc sanh nở phải niệm ra tiếng. Nếu niệm thâm trong tâm, chẳng những sức yếu khó thể cảm thông mà còn sợ rằng có thể vì gắng sức mà đến nỗi bị tổn thương*). Phàm những ai tuân theo mà niệm thì không một ai chẳng được lập tức an nhiên sanh nở. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Tạ Dục Hoài*)

* Như tới lúc lâm chung, chớ nên làm theo cách làm của thế tục. Nên đọc kỹ Sứ Chung Tân Lương hòng khởi đến nỗi làm hồng đại sự vãng sanh của cụ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Tạ Dục Hoài*)

* Xem Gia Ngôn Lục thì tất cả lợi ích của pháp môn, pháp tắc tu trì sẽ đều biết rõ từng điều. Thêm nữa, Một Lá Thư Gửi Khấp chính là nghi thức, quy cách giản tiện để tu trì hằng ngày. Bài văn ấy văn từ tuy thiển cận, nhưng lý thật thâm sâu, hãy nên dùng làm của báu gia truyền vĩnh viễn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 2*)

* Thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Tổng Trì để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu vẫn chưa bị thuyết phục, hãy nên thường xem Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi thứ nghi ngờ sẽ tiêu tan, vàng trắng nhất tâm rạng ngời. Văn Sao tuy ngôn từ vụng về, chất phác, nhưng đã nêu tỏ đại lược về duyên do của Thiên và Tịnh, cũng như những điều có ích cho luân thường trong cuộc sống hằng ngày, cũng có

²¹⁶ Đạt Sanh Thiên là một thiên sách nói về cách đoạn dục để dưỡng thai do cư sĩ Cức Trai biên soạn, xin xem chi tiết trong “Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Âm” được đánh số 37 trong phần Tự của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ.

thể giúp cho việc tự lợi, lợi tha. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Minh Quang*)

* Kinh Kim Cang được rất nhiều người chú giải, [muốn tìm một bản] gọn ghẽ, thoáng đạt, dễ đọc thì hãy nên thỉnh bản chú giải của Tông Lạc²¹⁷ để xem. Ý nghĩa kinh văn của phẩm Tịnh Hạnh²¹⁸ pháp nào cũng viên thông, chớ nên chấp chết cứng vào từng chữ, từng câu. Những đoạn như “*được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn*” đều bao gồm ý nghĩa đoạn Hoặc chúng Chân trong ấy. Nếu chỉ hiểu là chuyện ăn uống thì hoàn toàn trái nghịch ý nghĩa của kinh mất rồi. Còn như [bài kệ] “*Sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp*” (việc làm đã xong, đầy đủ Phật pháp), há chẳng bao gồm ý nghĩa vãng sanh Cực Lạc trong ấy hay sao? Vì thế, đương nhiên phải tụng đúng theo kinh. Nếu như ông nói, người niệm Phật đối với mỗi bài kệ trong phẩm Tịnh Hạnh đều nên sửa đổi, [làm như vậy] sẽ trở thành làm chuyện sai quấy, trái nghịch kinh mất rồi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

²¹⁷ Tông Lạc (1318-1391) là một vị Tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đầu đời Minh, người Thái Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), có hiệu là Toàn Thất. Năm tám tuổi, Sư đã đến xin học với ngài Tiểu Ấn tại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, 14 tuổi được xuống tóc, 20 tuổi thọ Cụ Túc. Do sở học tinh thâm, Sư cùng với sư Như Phi soạn Lăng Già Kinh Chú Giải, Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải. Sư còn soạn ra Tán Phật Nhạc Chương. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), Sư qua Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và kinh Văn Thù v.v... Khi về nước, Sư từng giữ chức Hữu Thiện Thế quân nhiệm Tăng Lục Ty, tức cơ quan quản lý Tăng sĩ cả nước thời ấy. Do triều thần ghen ghét, Sư bèn lui về ẩn cư tại Viên Thông Am cho đến khi mất. Bản chú giải được Tổ Án Quang nhắc đến ở đây chính là Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải.

²¹⁸ Tịnh Hạnh Phẩm là phẩm thứ bảy trong bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Trong phẩm này, Trí Thủ Bồ Tát hỏi Văn Thù Bồ Tát về phương pháp giữ cho thân - ngữ - ý đều thanh tịnh, thù thắng, không bị hủy hoại, không bị thoái chuyển, cũng như đắc các môn giải thoát tam-muội nhiệm tịnh trí lực, tức trụ niệm trí lực v.v... Nhân đó, Văn Thù Bồ Tát liền dạy phương pháp quán niệm trong mỗi hành động, chẳng hạn như: “*Bồ Tát ở tại gia, nên nguyện chúng sanh, biết tánh của nhà là không, thoát khỏi bức bách, hiểu thuận cha mẹ, nên nguyện chúng sanh, khéo thờ đức Phật, bảo vệ, nuôi nấng hết thầy. Vợ con tu tập, nên nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh viễn lìa khỏi tham đắm...*” Thậm chí trong những hành động nhỏ nhất như xia răng, súc miệng, tắm rửa, đi vệ sinh, đều luôn quán tưởng. Những bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm Tịnh Hạnh. Ba câu Tự Quy Y trong kinh Nhật Tụng cũng trích từ phẩm Tịnh Hạnh này. Câu “*được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn*” được tổ Án Quang nhắc đến ở đây chính là một phép quán niệm trích từ phẩm Tịnh Hạnh.

* Nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên và bức thư dài (tức Một Lá Thư Gởi Khấp). Y theo đó tu trì sẽ tự được lợi ích thật sự. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống*)

* Tịnh Độ Thập Yếu là sách quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ. Bản ấn hành lần này lại thêm vào mấy cuốn sách quan trọng, mấy bài văn thiết yếu. Có được cuốn sách này y theo đó tu trì, ví như mặt trời rực rỡ giữa trời, đi trên đường lớn của vua, tiến thẳng về phía trước, trọn không lầm lẫn.

* Văn Sao là sách nhập môn Tịnh Độ, Thập Yếu là sách hết sức sâu xa, thiết thực, [Tịnh Độ] Thánh Hiền Lục là gương sáng của cổ nhân đã nêu. Có được những sách ấy thì còn thiếu thốn gì mà phải dùng một lá thư để hỏi pháp nữa đây? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Triệu Phụng Chi*)

* Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Tốc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh Độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di Đà nhằm chỉ rõ đấng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh Độ, tổng cộng hơn năm trăm người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đây chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy, dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thế nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chúng được sự vui sướng trong cõi Thường Tịch Quang. Nhìn từ chỗ này, biết pháp môn Tịnh Độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng. Chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây! Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc Thật Tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của tam thế chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp [hành trạng của] những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một trăm mấy chục người, [soạn thành sách] đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quanh quẽ.

Gần đây, thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, phàm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế, trong mấy chục năm qua, lại tập hợp được [chuyện vãng sanh của] hơn hai trăm người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế, tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bưu cục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thịnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dầu cả mấy chục vạn vẫn chưa phải là nhiều!

Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp [khi xưa] chẳng hưng thịnh lớn lao! Hãy thử nghĩ ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng phải chỉ có trăm ngàn vạn ức! Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gửi đi, tôi đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí; vì thế, tuy ngoài ngàn dặm thấy đều biết được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người [vãng sanh] chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyện người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy “thật sự vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được! Nguyện khắp những ai thấy nghe đều gắng công! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*)

* Cuốn sách Chánh Tín Lục chuyên vì những Nho sĩ câu nệ mà viết ra, nay cũng gửi đến, mong hãy đọc kỹ. Chịu tin sâu, tận lực làm thì sẽ chẳng thẹn với trời đất quý thân, làm người hoàn toàn trong thế gian. Công danh phú quý vốn chẳng mong mà trời thưởng vì người lành, chắc cũng chẳng đến nỗi trắc trở, khôn khó. Các con hãy khéo suy nghĩ thì chẳng uổng cuộc đời này, uổng dịp gặp gỡ này! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục*)

* Nay gởi cho ông một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, ba cuốn Gia Ngôn Lục. Thống Kỷ thì ông tự giữ để biết [cõi đời] bình trị hay loạn lạc, biết gương nhân quả. Thường xem Thọ Khang Bảo Giám thì chẳng đến nỗi phạm tà dâm và thủ dâm v.v... tự hại cuộc đời, tự hao phúc thọ, chẳng bị tàn phế và chết chóc. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dầu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thầy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự. Tiếc cho con người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Con người tánh vốn lành, do đời cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm, xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt - xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại [thuần thiện như] thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài “cách vật trí tri, làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi sự tốt lành tột cùng” mà thôi.

Trong chữ “cách vật” vừa nói đó, “cách” (格) giống như “cách đấu” (格鬪: trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; “vật” (物) là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là “nhân dục” (lòng ham muốn của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếm nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được?

“Tri” (致) có nghĩa có là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. “Tri” (知) chính là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm, thì từ đây sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi chỗ tốt

lành tốt cùng, bèn dạy con người chỗ thực hiện đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy màu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên tóm những lý lẽ tốt cùng “*thuận theo [chánh đạo] thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện, họa dâm*”, thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?” đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa, nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư lợi xui khiến như thế. Nay biết: Kẻ tự tư lợi đâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy, bèn nói rằng: Sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc Đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngâm tu tập theo sách này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trục Giảng*)

* Đại sư Liễu Nhiên tức căn sâu dày, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật²¹⁹ và ba mươi ba vị Tổ²²⁰ của Tây Trúc,

²¹⁹ Thất Phật là Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Sáu vị trước đều là những vị Phật tại thế giới Sa Bà trong quá khứ. Những bài kệ truyền pháp của các vị Phật này được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

²²⁰ Ba mươi ba vị Tổ là những tổ sư nhà Thiền, theo truyền thống Thiền Tông Trung Hoa gồm 28 vị Tổ Ấn Độ và sáu vị tổ Trung Hoa (tổ Đạt Ma được kể là tổ 28 của Thiền Tông Ấn Độ, đồng thời là sơ tổ Thiền Tông Trung Hoa) gồm: 1) Ma Ha Ca Diếp 2) A Nan 3) Thương Na Hòa Tu 4) Ưu Ba Cúc Đa 5) Đề Đa Ca 6) Di Già Ca 7) Bà Tu Mật 8) Phật Đà Nan Đề 9) Phục Đà Mật Đa 10) Hiếp tôn giả (vị này do chưa bao giờ đặt lưng nằm xuống giường nên có tên như vậy) 11) Phú Na Dạ Xa 12) Mã Minh Bồ Tát 13) Ca Tỳ Ma La 14) Long Thọ Bồ Tát 15) Ca Na Đề Bà 16) La Hâu La Đa 17) Tăng Già Nan Đề 18) Già Da Xá Đa 19) Cựu Ma La Đa 20) Xà Dạ Đa 21) Bà Tu Bàn Đậu 22) Ma Noa La 23) Hạc Lặc Na 24) Sư Tử 25) Bà Xá Tư Đa 26) Bất

Đông Chân (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thẳm, thật khó thể lãnh hội, Sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đẳng.

Tiếp đó, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biện pháp rất sâu để chừa Phật, chừa Tổ tự lợi, lợi người rốt ráo, hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy, sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tinh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xưng Thiền Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngộ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay trong đời này. Bạn của Sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu; do vậy, bèn thu tóm những ý nghĩa quan trọng để giải bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa [của hai cuốn sách ấy] hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu Thiền lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đẳng và Thiền Tịnh Song Úc*)

* Cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh, tu Tam Học Giới - Định - Huệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy [người đời] tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác Ngũ Trược, thường hưởng pháp lạc Tứ Đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát để làm chỗ nương về, ngộ hầu nương vào từ lực của Phật Di Đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các

Như Mật Đa 27) Bát Nhã Đa La 28) Bồ Đề Đạt Ma 29) Huệ Khả 30) Tăng Xán 31) Đạo Tín 32) Hoàng Nhẫn và 33) Huệ Năng.

cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hư không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đây là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: “*Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn*”. Cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoát đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn, gài gủi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gài gủi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên*)

* Quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh. Do vậy, được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản, ấn hành. Gần đây, sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Châu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép cận kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ yên phương Khôn²²¹ hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngoan vui thích, tán thưởng!

Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in năm trăm bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thực nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái, trong xử sự, luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng [cõi đời] đạt đến yên ổn tốt bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cõi

²²¹ Trong Dịch học, phương Khôn tượng trưng cho Đất, là quẻ thuần Âm nên thường dùng để ví cho nữ giới và đạo làm vợ.

nguồn như thế liền viết thành lời tựa. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản*)

* Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang tri kiến của chính mình để dẫn đường, dùng Tín - Nguyện - niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm Trợ Tu. Vì thế, [sách này] xếp Kim Cang Kinh lên đầu, [rồi đến] Tâm Kinh, Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm, Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, A Di Đà Kinh, Vãng Sanh Chú, Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì Tịnh nghiệp ngõ hầu triệt ngộ “*Ngũ Uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng*”, hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ “*tâm làm, tâm là*”.

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác! Ấy là vì chúng sanh đời Mạt chướng sâu, huệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực, thật khó thể giải thoát, bởi một pháp Niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành tựu thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thấy những pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chúng Chân hòng liễu sanh tử thì khác biệt một trời, một vực! Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả Chân lẫn Tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh Độ để làm quy củ, chuẩn mực hòng cải ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngõ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen thất bảo. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục*)

* Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng [qua những sách ấy] những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn? Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 3 - Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2,*

Những câu đối do pháp sư viết để tự khích lệ

***a) Tất tương cách trí thành chánh thổ kỹ cung, thị chân hào kiệt,
Bất dĩ thân tâm tánh mạng trí độ ngoại, nãi đại trượng phu***

*(Tận lực thực hiện cách trí thành chánh²²², thật đáng bậc hào kiệt,
Gác bỏ chẳng màng thân tâm tánh mạng, mới xứng đại trượng phu)*

***b) Nhữ tương tử khoái niệm Phật, tâm bất chuyên nhất, quyết đọa địa
ngục, ngạ quỷ, súc sanh thượng nan cầu, vật vọng tưởng nhân thiên
phước quả,***

***Nhữ tương tử khoái niệm Phật, chí nhược chân thành, tiện dự liên trì,
Thanh Văn, Duyên Giác do phát trụ, định khắc chứng đẳng diệu viên
thừa***

*(Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa
địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả
phước trời người,*

*Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì,
Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa
đẳng diệu²²³)*

***c) Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tâm cảnh câu quyên, trực đồng hạo
nguyệt cô viên, quang thốn vạn tượng,***

***Chứng đáo nhất trần bất lập, trí bi song vận, bất dị hạo thiên hạo
đăng, thể phú quần luân***

*(Soi thấy năm uẩn đều không, tâm cảnh đều mất, hết như vàng trắng
vàng vạc, ánh sáng rọi trùm muôn vật,*

*Chứng đến mấy trần chẳng lập, trí bi cùng vận, khác nào mặt trời rực
rỡ, thể tánh che khắp mọi loài)*

²²² Cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý.

²²³ Bình đẳng, vi diệu.

Án Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

d) Niệm Phật phương năng tiêu túc nghiệp,

Kiệt thành tự khả chuyển phàm tâm

(Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,

Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm)

e) Bế hộ cự lai nhân, thống niệm tử kỳ tương chí,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thâm tâm đạo nghiệp vị thành

(Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành)

f) Trác lập bất di, thường sư Khổng thánh,

Hữu phi tất cải, nghi hiệu Cừ hiền

(Kiên quyết chẳng dời, thường tôn thờ Khổng thánh,

Có lỗi bèn sửa, hãy học hạnh Cừ hiền²²⁴)

g) Chứng đạo phương năng siêu lục đạo,

Minh tâm tự khả liễu tam tâm

(Chứng đạo mới hòng siêu lục đạo,

Minh tâm sẽ tự rõ ba tâm)

h) Đạo nghiệp vị thành, cảm sử thử tâm tán loạn,

Tử kỳ tương chí, lực từ nhất thiết ứng thù

(Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực từ tạ mọi thù tạc)

i) Duyệt biển trần hoàn nguyên thị huyễn,

²²⁴ Tức Cừ Bá Ngọc, người sống cùng thời Khổng Tử, nổi tiếng với câu nói “đến năm tròn năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước đều sai”.

Án Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

Nghiên cùng diệu tánh cấp quy chân

(Xem khắp trần gian đều huyễn ảo,

Xét cùng diệu tánh gấp quy chân)

j) Quả quá vị năng vi ngã hám,

Cư tâm vô nguy nhậm nhân phi

(Bớt lỗi chưa xong, thường áy náy,

Giữ lòng không dối, mặc người sai)

PHỤ LỤC

* Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

(Phần đầu lược đi) Vãng sanh Tịnh Độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu, nhưng chỗ đáng trọng chính là chí nguyện quyết định chẳng đổi dời! Nếu suốt đời niệm Phật nhưng tâm thường mong mỗi phước báo nhân thiên, dù có tinh tấn, nhưng tâm nguyện vẫn tham luyến cõi Sa Bà này, còn mong chi được vãng sanh Cực Lạc? Vì thế biết: Tín Nguyện quả thật là căn cứ lớn lao để chúng ta sanh về Tây Phương.

Cảnh tượng lúc lâm chung của ông Trương Đức Du rất tốt, một là vì chính mình quyết chí, hai là được mọi người trợ niệm, may mắn không có kẻ phá hoại. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại sẽ chẳng có hy vọng gì được vãng sanh. Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng lúc bình thường vẫn nên đem sự lợi ích do trợ niệm trong lúc lâm chung, nổi họa hại do bị kẻ khác phá hoại [chánh niệm] nói với hết thầy mọi người khiến cho con cháu, quyến thuộc đều giúp đỡ, chẳng đến nỗi phá hoại. Mời người khác trợ niệm thì có khi người ta không thể làm được; nếu quyến thuộc biết rõ, lợi ích sẽ to lớn lắm! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2*)

Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục Tục Biên

Trọn Bộ

(Hoàn tất thảo bản ngày 16 tháng 08 năm 2009 - Giáo duyệt hoàn tất ngày 12 tháng 11 năm 2009)

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

印光法師
文鈔菁華錄

Pháp sư Liễu Nhiên & Đức Sâm giám định
Quy y đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm
kính cẩn biên tập

Chuyên ngữ:
Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)
Giáo chánh & Hiệu đính:
Minh Tiến & Huệ Trang & Đức Phong

Lời tựa tái bản bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Trong phần Lưu Thông của kinh lá bói thường khen ngợi [công đức] biên chép kinh. Về sau, do kỹ thuật khắc bản, đúc chữ được phát minh, thay vì khen ngợi công đức chép kinh, công đức giảng giải ý nghĩa kinh được đề cao. Xét ra, tuy nghĩa ấy chẳng phải chỉ có một, nhưng cả cõi đời chỉ thường biết tới những ý nghĩa hạn cuộc trong phạm vi phước đức. Nay ta thấy trong khắp xó chợ cùng quê, có nơi nào chẳng có kinh Phật? Đấy chẳng phải là chánh pháp được xiển dương, lưu thông, mà chỉ là phước đức “khắc, in” được thực hiện phổ biến vậy! Thật ra, kẻ phát tâm hoằng dương, tuyên truyền, chẳng xét xem những điều sâu xa, huyền nhiệm trong các kinh có phù hợp căn cơ hay không, chỉ mong cầu phước đức cho chính mình, trao thuốc trái bệnh đến nỗi người nhận lãnh ngờ ngác, người căn cơ bậc thượng chỉ giữ xuông lòng kính trọng cúng dường, kẻ căn cơ bậc hạ xếp cất trên gác cao, lợi sanh ở chỗ nào? Lưu thông ở chỗ nào?

Tôi lại còn nghe nói: Thời Chánh Pháp, căn cơ khế hợp Luật, thời Tượng Pháp căn cơ khế hợp Thiên, thời Mạt Pháp căn cơ chỉ khế hợp Tịnh. Như vậy thì Tịnh, Luật, Thiên há chẳng phải là giống hệt nhau hay sao? Chỉ xét về Thể thì các pháp giống hệt nhau, nhưng nếu xét về mặt Tướng và Dụng lại muôn vàn sai khác. Nếu chẳng có thật tánh giống hệt nhau, sẽ không thể xiển dương pháp thể bất biến; nếu không có phương tiện muôn vàn sai khác, làm sao thành Tướng - Dụng tùy duyên? Như vậy là Tịnh đề cao phương tiện lớn lao để dẫn về cái Thật, có phương cách thiện xảo nhằm khai hiển, giữ, bỏ. Dẫn về cái Thật thì chỉ có đức Phật thấu hiểu cùng tận, cho nên phải tin; do thiện xảo thích hợp khắp ba căn cho nên dễ hành. Thời tiết ấy, căn cơ ấy, há coi thường được chăng?

Vị tổ đời thứ mười ba của Tịnh Tông là Ấn Công dùng lời văn, từ ngữ hiện thời để hoằng truyền đạo đáng tin để hành này; người được Ngài giáo hóa rất rộng, người đắc độ rất đông. Người ta biên tập lời Ngài dạy thành bộ Văn Sao, tập hợp những lời dạy ngắn gọn, đơn giản, trọng yếu, lưu truyền khắp trong ngoài nước, nhưng kẻ độn căn vẫn còn sợ rườm rà, chẳng thể thọ trì được, há chẳng phải là điều đáng nuối tiếc hay sao? Có bậc Khai Sĩ đi trước là Tịnh Thông, trích lấy những chỗ đơn giản nhất trong những lời dạy đơn giản, gạn lọc những điều trọng

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

yếu nhất trong những điều trọng yếu, biên soạn thành bộ Tinh Hoa Lục, vừa khế cơ, vừa lợi sanh, nhưng số lượng sách được lưu thông vẫn cảm thấy chưa đủ!

Cư sĩ Triệu Mậu Lâm ở Cổ Ngô cũng là bậc cao túc của Tổ, chuyên nhất Tịnh nghiệp, nguyện thiết tha hoằng dương, ngẫu nhiên có được một bản hoàn chỉnh của sách này, liền vui mừng, nhóm họp những người cùng mến chuộng [sách này] để ấn hành, mong tiếp tục hoằng truyền tổ đức hòng cứu khắp đời Mạt. Nguyên ấy, duyên ấy, chẳng phải chỉ thuộc về phước đức, mà còn có phần giúp đỡ lợi sanh, lưu thông sâu đậm! Lời tựa ban đầu của sách này đã trình bày cặn kẽ ý chỉ, nay vẫn còn đó, hãy đọc sẽ hiểu tường tận. Tôi và Triệu cư sĩ là bạn đồng môn, được ông ta sai viết lời tựa mới, tuy chẳng dám chối từ, e ngại mình đã phải trộm hót lấy lời bàn của người trước mà ý nghĩa vẫn chẳng bằng, nên chỉ trần thuật duyên khởi tái bản nhằm giải bày tâm lòng tùy hỷ mà thôi!

Ngày Trùng Dương năm Mậu Thân, tức năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 57 (1968), đệ tử Lý Bình Nam kính đề.

Lời tựa của bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Kinh Đại Tập dạy: “Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo, duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử” (Trong đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp niệm Phật là thoát khỏi sanh tử). Pháp Niệm Phật này chính là đạo để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu, là pháp để người trí lẫn kẻ ngu cùng hành. Do pháp này chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp theo đường lối thông thường. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ là chẳng dễ khiến cho con người sanh lòng tin nhất! Đối với những câu như “vô sanh mà sanh, vô niệm mà niệm”, nếu chẳng phải là bậc thấu hiểu sâu xa ý chỉ “tâm làm, tâm là”, sao không bị lầm lẫn cho được? Do vậy, đức Thế Tôn ta đối với chỗ vốn không nói năng lại thường nói thật nhiều, không có gì khác hơn là vì muốn cho hết thảy chúng sanh hiểu rõ giác tánh họ đang sẵn có, tiên hướng Phật quả, biết tự tánh chính là Di Đà thì mới có thể bàn luận “duy tâm Tịnh Độ”, “tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”. Nếu có thể tin chắc thật, nguyện thiết tha, tận lực hành, sẽ cảm ứng đạo giao, đã nắm chắc bằng khoán vãng sanh.

Tôi thấy những kẻ cuồng huệ trong cõi đời, cứ hờ ra bèn ngỡ Tịnh Độ là nông cạn, dễ dàng, rồi coi thường, muốn cầu những pháp được gọi là huyền diệu khác để mong được ngộ chứng, nào biết một môn Tịnh Độ quả thật ngậm khế hợp Phật tâm, là giáo pháp chí viên, chí đốn! Tâm Phật vô vi, chẳng vướng mắc nơi pháp số. Niệm Phật: Tâm năng niệm rành rành phân minh, nhưng trọn chẳng thể được, chẳng phải là do hữu vi lại khế hợp vô vi đó sao? Trọn chẳng thể được nhưng rành rành phân minh, chẳng phải là thâm hợp đạo mâu đó ư? Do vậy, người niệm Phật, niệm nào cũng là Phật. Cho nên biết: Sáu chữ gồm trọn muôn pháp, một môn chính là phổ môn, toàn Sự chính là Lý, toàn vọng chính là chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, nương vào y báo, chánh báo cõi ấy để hiển lộ tự tâm của ta, Thi Giác và Bản Giác chẳng lìa nhau, tiến thẳng trên đường giác. Khoảng cách mười vạn ức [cõi Phật] cách đây chẳng xa, chín phẩm đều có thể đạt lên, hoàn tất ngay trong một đời. Hết sức bình thường, nhưng tốt bậc huyền diệu, những kẻ chứng nhập tối tăm, tham cứu mù quáng kia há mong sánh vai được sao!

Ấn Quang pháp sư thừa nguyện tái lai, đề xướng một chánh lệnh duy nhất, chẳng bàn luận tâm tánh cao vời, nhưng hiển lộ trọn vẹn diệu tâm.

Hoàng Nhất đại sư gọi Tổ là “*người duy nhất trong suốt ba trăm năm qua*”, há có phải là đề cao quá đáng! Củi căn cơ hóa độ đã hết, lửa ứng hiện phải tắt, nhưng lời nhỏ nhiệm, ý chỉ bao la đã rộng ban cho hậu học, quả thật là chẳng khi nào, không nơi nào [có ai khác] làm được như vậy cả! Bộ Văn Sao của Sư tuy chỗ nào cũng chỉ quy [Tịnh Độ], nhưng đối với người bận chuyện túi bụi, muốn tìm một tác phẩm vừa đọc liền thấy rõ, liền thâm nhập lãnh hội thì đã có cuốn Văn Sao Tinh Hoa Lục do cư sĩ Lý Tịnh Thông biên tập. Sách này gồm ba trăm ba mươi đoạn, lý hiển chân thường, lời lẽ không trùng lặp, hết sức khéo léo, chặt lọc, trong cõi đời hiếm có sách nào sánh bằng; tâm trọng đạo tôn sư của cư sĩ lại càng khó có. Tôi biết sách này một khi được lưu hành, muôn người được hưởng lợi ích. Uốn nắn lòng người để giúp đạt đến bình trị sẽ nhờ vào sách này vậy! Viên Anh kính cẩn nhận lấy xem xong, vui mừng, hớn hờ, khó thể dùng lời lẽ nào để giải bày, chỉ đành lược thuật mấy lời giải bày đem xếp trước phần chánh văn để ghi lại cái duyên tốt đẹp nhằm thừa với những vị đồng tâm, chứ đâu dám viết tựa!

Ngày Rằm mùa Đông năm Nhâm Thìn (1952), lão nạp Viên Anh đề tại Viên Minh Giảng Đường, Thượng Hải.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

印光法師

文鈔菁華錄

Pháp sư Liễu Nhiên & Đức Sâm giám định

Đệ tử quy y Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm

kính cẩn biên tập

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)

Giáo chánh: Minh Tiến - Huệ Trang & Đức Phong

I. Tán Tịnh Độ Siêu Thắng (Khen ngợi Tịnh Độ siêu việt thù thắng)

* Giáo pháp của pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp Trục Chỉ Nhân Tâm [của nhà Thiên] còn phải nương phần kỳ đặc (lạ lùng, đặc biệt). [So với lợi ích của cách tu] “*dùng ngay cái tâm này niệm Phật, niệm niệm thành Phật*” thì lợi ích đạt được do trải qua bao kiếp tu chứng vẫn phải kém hơn. Độ khắp thượng - trung - hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiên Tông, như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, như biển cả dung nạp các sông. Hết thấy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thấy hạnh Đại - Tiểu, Quyền - Thật, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Bồ Xứ, ngay trong một đời này viên mãn Bồ Đề. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, Hoa Nghiêm hải chúng hết thấy đều tuân theo mười đại nguyện vương. Pháp Hoa xưng niệm một tiếng²²⁵ đều chứng Thật Tướng của các pháp.

Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đến, ngài Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ Bà Sa.

²²⁵ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: “*Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo*” (Nếu ai tâm tán loạn, vào trong nơi tháp miếu, niệm mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo)

Ngài Trí Giả là hậu thân của Phật Thích Ca, nói Thập Nghi Luận, chuyên dốc chí nơi Tây Phương. Ngài Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật. Hội tam thừa ngũ tánh²²⁶ cùng chứng chân thường, dẫn thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia. Vì thế, [pháp này] được chín pháp giới cùng quy về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Thật có thể gọi là lời bàn luận tốt cùng trong giáo pháp cả một đời [đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng gieo cội đức, dù trải bao kiếp vẫn khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, hãy nên siêng năng tu tập! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in tặng tranh Cự Lạc*)

* Trộm nghe pháp môn Tịnh Độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trội hết thầy Thiên, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thầy Thiên, Giáo, Luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát [pháp môn Tịnh Độ] không còn sót. Nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của chư tổ sư năm tông²²⁷ cũng không thể diễn tả trọn. Dầu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, sôi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh Độ vốn chẳng thể nghĩ bàn. Thử xem bộ kinh lớn Hoa Nghiêm, là vua của toàn bộ Tam Tạng, cuối cùng quy về chú trọng nơi nguyện vương. Bộ kinh uyên áo

²²⁶ Tam thừa ngũ tánh: Tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngũ tánh: Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chúng sanh có năm chủng tánh thành Phật bất đồng:

1) Bất định tánh: Tức căn tánh không nhất định, gần gũi Thanh Văn thì tu pháp Thanh Văn, gần Duyên Giác bèn tu pháp Duyên Giác v.v...

2) Vô chủng tánh: Hạng người không có chánh tín, thiện căn, bác không nhân quả, chẳng cầu giải thoát.

3) Thanh Văn Tánh.

4) Duyên Giác tánh.

5) Bồ Tát tánh.

Duy Thức Học lại phán định Ngũ Tánh như sau:

1) Bồ Tát Định Tánh

2) Thanh Văn Định Tánh

3) Duyên Giác Định Tánh

4) Tam Thừa Bất Định Tánh

5) Vô Tánh Hữu Tình.

Ba chủng tánh đầu quyết định thành tựu thánh quả, hai chủng tánh sau không nhất định.

²²⁷ Năm tông: năm tông phái nhà Thiên, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

Pháp Hoa mâu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vãng sanh, địa vị bằng với bậc Đẳng Giác. Còn như ngàn kinh vạn luận, đầu đầu cũng chỉ quy [Tịnh Độ] là có lý do vậy. Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; đức Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập như sau: “*Trong đời Mạt Pháp, nếu không nhờ vào pháp này, không thể đắc độ*”. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ dạy đơn giản là “*đạo dễ hành, mau thoát sanh tử*”, nên vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều đặt để nơi pháp môn Niệm Phật. Không chỉ có vậy, phàm hết thủy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v... có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh Độ? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh đưa đẩy, lụt, hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách nhằm lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được hay chăng?

Nói “một chữ thông nhiếp trọn hết” thì chính là chữ Tịnh. Tịnh đến cùng cực ắt sẽ sáng suốt, sao không đạt đến Diệu Giác. Một chữ này há dễ đảm đương? Nghiên cứu bài tụng về Lục Túc Phật²²⁸ ắt sẽ biết!

Một câu là Tín - Nguyện - Hạnh. Không có Tín sẽ chẳng thể khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hồng chứng được Tín ấy. Hết thủy kinh luận Tịnh Độ đều nêu tỏ ý chỉ này.

Một kệ là kệ tán Phật²²⁹, nêu lên chánh báo để nhiếp y báo; nêu lên hóa chủ (A Di Đà Phật) để bao gồm đồ chúng (các vị thượng thiện nhân

²²⁸ Lục Túc Phật: Sáu hạnh vị của Viên Giáo do Thiên Thai Trí Giả đại sư lập ra, gồm: Lý Túc Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), Danh Tục Phật (đã nghe Phật pháp), Quán Hạnh Túc Phật (ngoại phàm, tương đương với Thập Tín của Biệt Giáo), Tương Tự Túc Phật (Nội Phàm, thuộc địa vị Thập Tín), Phần Chứng Túc Phật (bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, từ Thập Trụ trở lên), Cứu Cảnh Túc Phật (quả vị Phật).

²²⁹ Tục bài kệ tán “*A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”.... Bài kệ này do ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống soạn. Sư là người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tự Uẩn Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đao Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chỉ Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bất Nhị Môn Luận, Kim Cang Bể Luận, do vậy Sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ

trong cõi Cực Lạc). Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh Độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời Mạt Pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên Tông. Buồn khóc ứa lệ, mồ tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, tùy theo căn cơ mà chỉ bày. Dầu có ví là “vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu” cũng không thể sánh ví được nổi lòng thống thiết của tác giả bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không thể do đâu mà diệt! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi sư Ngô Khai*)

* Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh và chư Phật không hai. Tuy đang mê bất giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, tạo đủ mọi tội, nhưng Phật tánh sẵn có vốn không tổn thất. Ví như Ma Ni bảo châu rớt trong nhà xí, trọn chẳng khác gì vật dơ, người ngu chẳng biết là quý báu, bèn coi như ế vật (vật như bần). Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô ế, vào trong nhà xí nhặt lấy, dùng đủ mọi phương cách gột rửa cho sạch. Sau đấy, treo trên tràng²³⁰ cao, châu liên phóng đại quang minh, tùy theo lòng mong cầu của con người mà mưa khắp các thứ báu. Do vậy, người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn xem các chúng sanh cũng giống như thế: Dầu là kẻ hôn mê, điên đảo, phiền hoặc, tạo đủ Ngũ Nghịch, Thập Ác, vĩnh viễn đọa trong ba ác đạo, tâm Phật vẫn chẳng hề có một niệm buông bỏ, luôn tìm cơ duyên, gia bị âm thầm hoặc hiển nhiên, vì họ thuyết pháp ngõ hầu họ hiểu rõ Hoặc nghiệp huyển vọng, ngộ Phật tánh chân thường, cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi! Đối với người tội ác cực nặng còn như thế, thì đối với người nghiệp nhẹ, khéo giữ giới, tu trọn vẹn, có sức Thiên Định sâu, không một ai chẳng được Phật đối xử như

huyền áo của Tịnh Tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, Sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh Độ và thường nhắc đại chúng siêng tu Tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là Đồng Giang pháp sư hay Đồng Giang Anh pháp sư chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoàn Thụ Nhị Xuất, Khuyên Tu Tịnh Độ Tụng...

²³⁰ Tràng (Dhvaja) vốn là một loại cờ hiệu dùng để trang nghiêm đạo tràng, có hình ống tròn, chung quanh có tua. Về sau, những trụ cao, có hình ống hoặc hình lục lăng hay bát giác, bốn mặt khắc kinh cũng được gọi là Tràng hay Kinh Tràng. Tràng nói ở đây chính là loại cột trụ cao.

vậy. Phạm trong tam giới, có những người tuy đã thâm liễm được thân tâm, khuất phục được các Phiền Hoặc, nhưng tình chủng vẫn còn, phước báo một khi đã hết liền đọa xuống cõi dưới, gặp cảnh chạm duyên vẫn khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc nào ngưng; cho nên kinh Pháp Hoa nói: *“Ba cõi không yên ví như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ”*. Nếu không phải là nghiệp tận tinh không, đoạn Hoặc chứng Chân, thì chẳng mong chi thoát khỏi tam giới !

Riêng mình pháp môn Tịnh Độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật liền có thể nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh bèn nhập cảnh giới Phật, thọ dụng giống như Phật, hai thứ phạm tình lẫn thánh kiến đều chẳng sanh. Chính là pháp môn đặc biệt ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, chẳng bỏ sót một ai vậy; đang thời Mạt Pháp, bỏ pháp này thì không còn cách gì khác nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục*)

* Pháp môn Niệm Phật cao cả thay! Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng bất biến. Tuy thường chẳng biến nhưng niệm niệm tùy duyên, chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới, chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo, chẳng duyên theo nhân thiên sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên nhiễm - tịnh bất đồng cho nên quả báo khổ - vui rất khác. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi gì, nhưng Tướng - Dụng cố nhiên khác nhau một trời một vực! Ví như hư không được mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn bèn tối. Tuy bản thể của hư không chẳng do mây hay mặt trời mà tăng - giảm, nhưng tướng hiển hiện hay ngăn lấp cố nhiên có nói trọn năm cũng chẳng hết.

Do vì nghĩa này, đức Như Lai dạy khắp các chúng sanh duyên niệm nơi Phật. Vì thế, nói: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”*. Lại nói: *“Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh”*. Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các chúng sanh giới thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng niệm Phật thì chưa bao giờ có chuyện ấy! Một pháp Niệm Phật chính là lấy hồng danh vạn đức của Như Lai làm

duyên, mà hồng danh vạn đức ấy lại chính là vô thượng giác đạo Như Lai đã chứng nơi quả địa! Do dùng Quả Địa Giác ấy làm Nhân Địa Tâm nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tốt nguồn nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò chúc loài sâu²³¹, lâu ngày sẽ hóa thành [tò vò]. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh, công năng lực dụng ấy vượt trội hết thảy những pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa [của đức Phật]. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực đoạn Hoặc chứng Chân mới liễu thoát sanh tử; còn pháp môn Niệm Phật thì tự lực lẫn Phật lực hai thứ đều đầy đủ. Vì thế, người đã đoạn được Hoặc nghiệp bèn mau chứng Pháp Thân, người còn đầy đủ Hoặc nghiệp sẽ đời nghiệp vãng sanh!

Pháp này cực kỳ bình thường, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng đạt được lợi ích, nhưng lại cực huyền diệu, tuy là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt khỏi phạm vi pháp này. Bởi vậy, không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, lại đạt được hiệu quả nhanh chóng, thật là một pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, cố nhiên chẳng thể dùng giáo lý thông thường để biện luận được. Chúng sanh đời Mạt Pháp phước mỏng, huệ cạn, chướng dày, nghiệp sâu chẳng tu pháp này, cứ muốn cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khó khăn muôn phần! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thế Chân thường trụ*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận dụng lòng Đồng Thể Bi, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là Luật, Giáo, Thiền, Mật và Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiền là Phật tâm. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương

²³¹ Dân gian Trung Hoa khi xưa tin rằng con tò vò phải bắt những con sâu đem về bỏ vào tổ của chúng, rồi cứ nhắc nhở: “Biến thành tò vò!” thì những con sâu ấy lâu ngày sẽ biến thành tò vò chui ra. Thật ra, tò vò bắt những con sâu ấy bỏ vào tổ rồi để trứng lên đó, tò vò con nở ra sẽ ăn thịt con sâu ấy. Khi tò vò con đã đủ sức, nó sẽ khoét tổ chui ra. Do vậy, dân gian tưởng lầm sâu nở ra thành tò vò. Ở đây, Tổ mượn truyền thuyết dân gian để nói cho người đương thời dễ hiểu.

theo Luật, Giáo, Thiên của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Lại sợ kẻ tức nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì Đà La Ni tam mật²³² để un đúc. Như tò vò bảo con nhộng: “Giống ta, giống ta”, bảy ngày sau sẽ biến thành tò vò.

Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, hễ thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất; do vậy, đặc biệt mở ra một môn “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết: Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Giống như xây lầu cao vạm trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiên, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn “*trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung*” của mười phương tam thế chư Phật. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn*)

* Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ. Những kinh Đại Thừa khác đều nói kèm Tịnh Độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh Giác đã vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ xứng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất Thừa. Cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, sau khi đã chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho mười đại nguyện vương, khiến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Trong Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh, hạ người Ngũ Nghịch Thập Ác làm đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật. Người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh. Kinh Đại Tập chép:

²³² Tam Mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

“Đời Mạt Pháp ỨC ỨC người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có Niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử!” Do vậy, biết một pháp Niệm Phật chính là đạo đệ thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung đệ hành của mọi người dù ngu hay trí, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: “Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vắng sanh như cặng buồm xuôi gió, thuận nước”, có thể gọi là khéo hình dung nhất! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Trong những kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi Ức Độ, dùng cái Ức, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ, hòng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng²³³ đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có

²³³ Biên Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bồ Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ Lô Giá Na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang Luân Vi Sơn. Đất trong đó do Kim Cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng, có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thơm, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thơm. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên Đế. Trong mỗi một biển nước thơm lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chủng, mỗi một thế giới chủng lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới. Biển nước thơm chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chủng trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có hai mươi thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải.

một ai là phạm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bốn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tông lâm dù Thiên hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức thù thắng nhiệm màu của Như Lai, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. [Do các vị ấy] đã đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thế nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phạm phu Nhị Thừa và Quyền Vị Bồ Tát²³⁴; vì vậy, tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phạm phu, tiêu căn không cách chi vãng nhận được!

Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v... Nói chung, cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể nào hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ “*hải chúng*” (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

²³⁴ Quyền Vị Bồ Tát là những vị Bồ Tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại Thừa. Gọi là Quyền Đại Thừa (hay Đại Thừa Quyền Giáo, hoặc Quyền Giáo Đại Thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại Thừa thật sự (Thật Đại Thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất Thừa tối hậu.

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thầy trời, người, phàm, thánh, nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của A Di Đà Phật, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dầu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ*)

* Thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ [pháp này] chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng [tu trì]. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng [của bộ kinh ấy], Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, hải hội [thánh chúng] đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà [nghĩ pháp này] chẳng xứng để tu tập? (Liên Trì đại sư nói: “*Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bản lãnh của bậc đại đức, đại phước, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền, chuyển Sa Bà thành Tịnh Độ, chẳng giống với nhân duyên nhỏ nhặt*”, người biên tập kính cẩn ghi chú). Chẳng những dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Khẩn Trì*)

* Thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn, tùy ý nương theo một pháp môn nào dùng Bồ Đề tâm tu trì đều có thể liễu sanh tử, thành Phật đạo; nhưng trong khi còn tu, chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm khác biệt lớn lao! Tìm lấy một pháp chí viên, chí đôn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khéo lý, khéo cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người, trời, phàm,

thánh chứng Chân thì không gì bằng một pháp “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”!

Ấy là vì hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật lại khiêm nhờ Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết!

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ pháp pháp viên thông. Như vàng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rót xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì [những chuyện như] cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu; mà ngay cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, nam, nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng “hể cảm liền ứng, vừa lòng, mãn nguyện”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho niên san của Phật Giáo Tinh Nghiệp Xã tại Vô Tích*)

* Pháp môn cậy vào tự lực để liễu sanh tử tuy cao sâu, huyền diệu, nhưng muốn nhờ vào đấy để liễu sanh tử thì lại chẳng biết cần phải trải qua bao nhiêu kiếp số! Nếu ước theo Viên Giáo của Đại Thừa để luận, địa vị Ngũ Phẩm vẫn chưa thể đoạn được Kiến Hoặc, địa vị Sơ Tín mới đoạn được Kiến Hoặc, mới có thể vĩnh viễn không còn sợ tạo ác nghiệp, đọa ác đạo! Nhưng cần phải tấn tu dần dần, đã chứng được Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Sơ Tín thần thông đạo lực đã chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải đạt đến địa vị Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Chuyện liễu sanh tử há dễ dàng ư?

Ước theo Tạng Giáo của Tiểu Thừa để luận, đoạn Kiến Hoặc liền chứng Sơ Quả, tùy ý chẳng còn làm chuyện phạm giới. Nếu chẳng xuất gia cũng sẽ cưới vợ sanh con. Nếu dùng oai thế bức hiếp, bắt buộc họ phạm tà dâm, tà chịu bỏ mạng, quyết chẳng chịu phạm giới. Sơ Quả chỉ tiến chứ không lùi, nhưng người chưa chứng Sơ Quả thì không nhất định. Đời này tu trì cực tốt, đời sau tạo đại ác nghiệp! Cũng có người nửa đời đầu thì tốt, nửa đời sau lại xấu xa. Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian mới chứng được Tứ Quả. Tuổi thọ cõi trời thật dài, chẳng thể dùng năm tháng để luận. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó! Pháp môn Niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nương theo Phật từ lực có thể đới nghiệp

vãng sanh (Ước theo cõi này, vẫn chưa đoạn Hoặc nghiệp nên gọi là “đời nghiệp”. Nếu sanh về Tây Phương thì không có nghiệp để được, chứ không phải là mang theo nghiệp đến Tây Phương). Bất luận công phu sâu hay cạn, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành xung niệm, không một ai chẳng vãng sanh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* Hết thầy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dẫn cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cõi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vậy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, khiến cho những người đời nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh.

Đây toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác biệt vời vời như trời với đất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ*)

* Hết thầy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thế nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ước niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* Đến khi chúng sanh căn cơ [phù hợp] đã hết, sự ứng hiện của Như

Lai phải thôi dứt, nhưng lòng đại bi lợi sanh trọn chẳng cùng tận. Do vậy, các đại đệ tử phân chia lưu truyền xá-lợi, kết tập Kinh Tạng hòng lưu thông khắp pháp giới, để tất cả đều được thấm nhuần pháp. Đến thời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền sang [Trung Hoa]; nhưng do phong khí chưa được mở mang nên chỉ lưu truyền ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội khai hóa ở Kiến Nghiệp²³⁵, được xá-lợi của Như Lai giáng lâm, khiến Tôn Quyền hết sức tín ngưỡng, bèn dựng chùa xây tháp để hoàng dương pháp hóa. Pháp được lưu truyền ở phương Nam từ đó. Đến đời Tấn, pháp được truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đấy trở đi, ngày càng hưng thịnh.

Đến đời Đường có đủ các tông, có thể nói là cực thịnh. Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoàng Giáo, Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoàng Tông, Nam Sơn nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật), Liên Tông chuyên tu Tịnh Độ. Như những chức vụ thuộc các ty sở của các bộ, như công dụng của sáu căn giúp đỡ lẫn nhau. Ấy là vì Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm, Luật là Phật hạnh. Ba thứ tâm, ngữ, hạnh quyết khó thể tách rời, ước theo chỗ chuyên chú mà lập ra những danh hiệu ấy. Chỉ có mình pháp Tịnh Độ thoát đầu là phương tiện để phàm phu nhập đạo, chứ thật ra là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Vì thế, kẻ sắp đọa A Tỳ còn được dự vào phàm cuối, bậc chứng bằng với chư Phật vẫn mong vãng sanh.

Khi Như Lai tại thế, ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, vạn phái châu về; đức Phật diệt độ rồi, bậc hoàng pháp đại sĩ mỗi vị hoàng dương một tông, để mong thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, mỗi một hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng một châu lại nhập vào trong khắp ngàn hạt châu, ngàn hạt châu được nhiếp trong một hạt châu, hòa lẫn vào nhau nhưng chẳng xen tạp, riêng biệt nhưng chẳng tách rời. Kẻ câu nệ hình tích cho là hết thầy pháp, mỗi pháp đều khác biệt. Người khéo hiểu, thấy hết thầy pháp, pháp nào pháp nấy viên thông. Như bốn cửa thành, gài cửa nào bèn vào bằng cửa đó; cửa tuy bất đồng, nhưng vào [trong thành] rồi chẳng khác gì nhau. Nếu biết ý này thì há phải đâu chỉ có những lý chắc thật rất sâu do

²³⁵ Kiến Nghiệp chính là Kim Lăng (Nam Kinh) ngày nay. Cái tên Kiến Nghiệp đã có từ thời Hán Hiến Đế (181-234); trước đó, đất này được gọi là Kim Lăng dưới thời Sở Oai Vương, Tần Thủy Hoàng đổi thành Mạt Lăng, Hán Hiến Đế đổi tên thành Kiến Nghiệp.

chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp đề quy chân, đạt gốc minh tâm kiến tánh? Khắp cả thế gian, hết thầy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... mỗi mỗi đều là pháp đề quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh. Đã thế, mỗi mỗi đều là Chân, là Gốc, là Tâm, là Tánh. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh (*Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh bao gồm, dưỡng dục chúng sanh, Phật, bao quát Có, Không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào vượt ra ngoài được, nhưng chẳng ở trong ấy. Xin xem lời giải thích trong bức thư gửi cho sư Hải Thu trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Do vậy, nói “không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật”. Hiềm rằng chúng sanh châu trong chèo áo trọn chẳng biết hay; ôm của báu đi ăn xin, chịu nghèo khổ oan uổng, dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát để chịu khổ luân hồi, chẳng đáng buồn ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Duyên khởi của Phật Học Biên Tập Xã*)

* Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh²³⁶ qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An²³⁷ lưu lại; sư Huệ

²³⁶ Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiên làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi tranh trên đỉnh núi để tu tập, cái thớt ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quần quanh gần đây, hề ai đến, Ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười Sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chấp tay, bảo đại chúng: “Phật đến rồi!” Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu là Giác Tịch Đại Sư.

²³⁷ Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nổi pháp của đại sư Phật Đồ Trùng. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Về sau Phù Kiên nhà Tiền Tần nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng, dùng lễ đãi Sư như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cưu Ma La Thập sang đất Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ Tăng chúng, với ngụ ý: Tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích Ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức,

Vĩnh bèn đi một mình trước. Đến Tâm Dương, thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Võ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không thể chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày hai mươi tám tháng Bảy, Viễn Công bèn cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, Huệ Vĩnh pháp sư cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh Công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thắt ấy bèn nghe mùi hương lạ; do vậy, người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ sẽ biết Ngài là người như thế nào! Lúc Viễn Công kết xã, bèn có một trăm hai mươi ba người, đều thuộc hàng long tượng²³⁸ trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc Đầu trong làng Nho, do đạo phong của Viễn Công lan tỏa nên đều ùa nhau kéo đến. Nhưng trong suốt đời Ngài, trong hơn ba mươi năm, những người dự vào liên xã tu Tịnh nghiệp được tiếp dẫn vãng sanh nhiều khó thể biết được!

Sau đây, như các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự

oai nghi, quy củ của Tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Ký Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần Tụ Phần, Chánh Tông và Lưu Thông Phần để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu Thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh Tông là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn cảm thán: “*Chín phái Nho - Đạo đều là tám cảm*”, rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài Đạo An tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

²³⁸ Thông thường, “long tượng” vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ Tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ Long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là “long mã”. Kinh Đại Bát Niết Bàn gọi hàng Bồ Tát đã đoạn trừ các kết lậu Hoặc là Đại Long Tượng Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói “long tượng” để ví cho hàng Bồ Tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói “long tượng” là rồng và voi, hai loài có thể lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức Thiền Định mạnh mẽ tối thắng là bậc “long tượng”.

hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tốt cùng lẽ được - mất; Ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế²³⁹. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, phát huy đạo rất ráo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh Độ, chỉ có các sư Thiên Tông là chuyên chăm chú ngẫm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyên Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiên sư²⁴⁰ có câu: “*Di Đà thật dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh*”, lại viết: “*Người tham Thiên tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di Đà*”. Lại nói: “*Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi)*”. Bài Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiên sư²⁴¹ có câu: “*Trong tông Tào Động đều chăm chú ngẫm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại Tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ*”. Lại nói: “*Những bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khẳng khẳng nơi Tịnh nghiệp, chẳng phải vì Tịnh nghiệp thấy Phật đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?*” Lại nói: *Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiên, đều tu Tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì*

²³⁹ Tức quán Chân Đế, Tục Đế và Đế Nhất Nghĩa Đế.

²⁴⁰ Tử Tâm Tân Thiên Sư chính là ngài Ngô Tân (1044-1115), cao Tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh Độ, tự xưng là Tử Tâm Tâu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngô Tân Thiên Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn Tục Tạng.

²⁴¹ Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nổi pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoát đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đặng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nổi pháp mạch của Ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạc 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhất Chương Lục v.v...

vô lượng pháp môn thầy đều chứng nhập”. Trường Lô Trách thiên sư kết liên hoa thắng hội, khuyến khắp Tăng, tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin được tham dự vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị ấy đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chu thánh ngàm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tinh Thường²⁴² trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn Công bèn kết Tịnh Hạnh Xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phạm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh Xã hơn một trăm hai mươi người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn năm mươi năm, làm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng - tối, đi - ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh Độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông; có bài tụng rằng:

*Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương nhất vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia tể thượng độ đầu thuyền.*

Tạm dịch:

(Biết ông gan lớn bằng trời,
Tây Phương xin hãy kết mười nghìn duyên,

²⁴² Ngài Tinh Thường (959-1020) là vị Tổ thứ bảy của tông Tịnh Độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm bảy tuổi, thọ Cụ Túc Giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch Liên Xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Văn Chánh Công Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ẩn gần phân mộ của Ô Khoa thiên sư, cõi đời gọi Ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi ông Vương Đán là Vương Văn Chánh Công Đán.

Sống còn chẳng tính kế riêng,
Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diêu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp “khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới” này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành khẩn nhất. Đời Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề²⁴³, Hồng Loa Triệt Ngô, cũng dốc sức hoằng dương đạo này. Bài Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngô đều có thể kể tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư Tuyên Ngôn Niệm Phật của chùa Thanh Liên*)

* Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), Liên Tông Tứ Tổ là Pháp Chiêu đại sư, trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị Tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đây ắt phải là Ngũ Đài. Về sau, Sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, bèn lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường, thấy đức Văn Thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu.

²⁴³ Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh Độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tinh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ Cụ Túc Giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lia y bát, ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng Nghiêm, Ma Ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v... nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yểm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiếu trì danh hiệu Phật. Về sau, Sư ứng lời thỉnh của mười phương tùng lâm, giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu Tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), Sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh Độ, Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết Bàn Sám, nhưng bài Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: “Phàm phu đời Mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cầu chương thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được! Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con”.

Đức Văn Thù bảo: *“Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất. Các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường, nên nay đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Do vậy biết Niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Vô Thượng Pháp Vương chớ để dừng nghỉ”*. Sư lại hỏi: “Nên niệm ra sao?” Ngài Văn Thù nói: *“Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển”*.

Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư thọ ký: *“Do ông niệm Phật, chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề”*. Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đà (kê). Sư nghe xong, hoan hỷ hơn hở, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù. Văn Thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: *“Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc Nhất Thiết Chứng Trí”*. Do vậy, hết thầy các pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp nặng, phước nhẹ, chương sâu, huệ cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng [dù có muốn] nổi gót hít bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hòa thượng Quảng Huệ*)

* Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ

không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đây mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Trong mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, cố nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường²⁴⁴, dưới là bến nước, bên cội cây, hễ gặp ai có thể trò chuyện được, liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công²⁴⁵ phát nguyện “*sẽ khiến cho mười vạn người niệm Phật cầu sanh Tây Phương*” bèn kết Liên Xã. Tôi cho rằng: “Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên - 1*)

²⁴⁴ Theo ý nghĩa nguyên thủy, Minh Đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Châu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh Đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là Thế Thất (世室), nhà Thương gọi là Trùng Ốc (重屋), đến nhà Châu mới gọi là Minh Đường, và từ đây Minh Đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Châu, Minh Đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có Minh Đường, nhưng sau này, Minh Đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiên ở Thái Sơn đã cho xây Minh Đường tại đây. Và từ đó, mô hình kiến trúc của Minh Đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

²⁴⁵ Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tẩu, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hư, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể Tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể Tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giám tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyện trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập Liên Xã.

II. Thành Tín, Nguyên Thiết (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha)

1. Dạy về lòng tin chân thật, nguyện thiết tha

* Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Âm hùng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có. Bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt sẽ tự biết, không cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Sự khổ thứ tám, Ngũ Âm hùng hực, chính là khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng trong hiện tại, chính là nhân của nỗi khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dặt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát!

Ngũ Âm chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp “thân tâm huyễn vọng” này bèn khởi Hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hùng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là “*xí thịnh*” (熾盛: cháy hùng hực) vậy. Ngoài ra, Âm 陰 (bộ Phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ Âm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ Thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh khiến nó chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che, nên chẳng chiếu sáng được. Phạm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, bị năm Âm này chướng ngại, mặt trời trí huệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiền Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần, trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu - ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng Vô Sanh, Hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử. Nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng, thật khó đạt được trong đời Mạt! Vì thế, hãy nên chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương theo Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuần là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những danh từ như già, bệnh, chết v.v... chẳng còn nghe đến, huống gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di Đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy theo căn tánh mình, do

nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, hưởng gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu, gác, nhà, viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người [tạo tác], chỉ là hóa ra.

Biển bảy sự khổ nơi Sa Bà thành bảy niềm vui. Lại thêm thân có đại thân thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, có đại biện tài, từ một pháp biết trọn Thật Tướng của các pháp. Tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, dẫu nói bằng ngôn ngữ Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng, không có nỗi khổ Ngũ Ấm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: “*Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc*”. Sa Bà khổ, khổ không nói nỗi; Cực Lạc vui, vui chẳng ví tầy! Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu ngoại đạo làm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm màu nhiệm trong Tịnh Độ đều là ngụ ngôn nhằm tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật! Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh Độ, tai hại quá lớn! Không thể không biết! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Phật Di Đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật. Ta do trái nghịch Di Đà hạnh nguyện nên bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di Đà. Tâm đã là một, mà phàm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nổi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh Độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Gia - 8*)

* Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì hãy tự sanh lòng chán đối với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư

không, dầu mây dày, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan.
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như*)

* Kinh A Di Đà dạy: “*Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp*”. Lại nói: “*Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Do chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên tên là Cực Lạc*”. Không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của đức Phật A Di Đà. Thế giới chúng ta đang sống đây có đủ ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng nỗi khổ, trọn chẳng có niềm vui; cho nên gọi là Sa Bà. Chử Phạn “Sa Bà”, ở đây (Trung Hoa) dịch là Kham Nhẫn, ý nói: Chúng sanh trong cõi này phải chịu đựng những nỗi khổ ấy. Nhưng trong thế giới này, không phải là không có niềm vui; nhưng tất cả những chuyện vui đa số là khổ, chúng sanh mê muội, ngược ngạo coi đó là vui. Như nghiện rượu, đắm sắc, săn bắn, vây bắt v.v... có gì vui đâu mà những kẻ ngu phu đắm đuối không bỏ được, vui quên cả mệt. Thật đáng thương xót! Dầu là sự vui thật sự, cũng khó thể trường cửu. Như cha mẹ còn sống đầy đủ, anh em không có chuyện gì, chuyện như vậy làm sao có thể thường hằng cho được! Vì thế, cảnh vui vừa hết, tâm buồn nổi tiếp dây lên. Do vậy, bảo “*trọn chẳng có niềm vui!*” không phải là nói quá đáng vậy!

Thế giới này khổ nói chẳng thể trọn, dùng tam khổ, bát khổ để tóm lược thì chẳng còn sót gì. Tam khổ là: 1) Khổ Khổ 2) Hoại Khổ 3) Không khổ không vui tức là Hành Khổ. Khổ Khổ có nghĩa là do thể tánh của thân tâm Ngũ Ấm này bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải thường chịu thêm những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ. Hoại Khổ là có chuyện gì trong thế gian tồn tại dài lâu? Mặt trời đứng bóng liền chên, trăng tròn rồi khuyết, đạo trời còn vậy, nữa là chuyện người! Cảnh vui vừa hiện, cảnh khổ đến ngay. Đứng vào lúc cảnh vui bị hoại diệt thì khổ chẳng thể nói được, cho nên gọi Lạc là Hoại Khổ. Hành Khổ là tuy không khô không vui, tợ hồ thích nghi, nhưng tánh nó dời đổi, há thể thường trụ! Vì vậy, gọi là Hành Khổ. Nêu lên ba sự khổ này, không sự khổ nào chẳng thấu tóm. Về ý nghĩa của Bát Khổ, trong sách [Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam] đã trình bày cặn kẽ. Nếu biết cái khổ trong cõi này, tâm chán lìa Sa Bà sẽ ào ạt phát sanh. Nếu biết sự vui của cõi kia, ý niệm ham cầu Cực Lạc sẽ bừng bừng phát khởi. Do vậy,

không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng đầy để vun bồi nên tảng. Lại thêm chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa Bà này, sanh về nước Cực Lạc kia, làm con đích thực của Phật Di Đà, làm bầu bạn tốt trong hải hội. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* Triệu pháp sư²⁴⁶ nói: “*Thiên địa chi nội, vũ trụ chi gian, trung hữu nhất bảo, bí tại hình sơn*” (Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình). Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đấy chính là như câu nói: “*Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức*” (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng, mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức rỗng không các Uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị [làm được] như vậy, nhưng đây chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đời Mạt

²⁴⁶ Triệu Pháp Sư chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu Ma La Thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, Sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy Ma Cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu Ma La Thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, Sư bèn theo ngài La Thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La Thập phiên dịch kinh điển. Do vậy, giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoàng Thi thứ sáu (404), khi ngài La Thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát Nhã, Sư soạn cuốn Bát Nhã Vô Tri Luận trình lên, được hai vị La Thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó, Sư còn soạn Pháp Không Luận, Vật Bất Thiên Luận, Niết Bàn Vô Danh Luận, Chú Duy Ma Cật Kinh v.v... Tiếc là Sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của Sư được thu thập thành cuốn Triệu Luận.

mà hồng mong mỗi được! Bởi vậy, [đức Phật] mở ra một pháp môn đặc biệt, ngõ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, tức là do báu Tam Muội chúng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy. Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này, do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ*)

* Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối để niệm, thì hai tầng công phu “xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh” của đức Thế Chí và “xoay cái nghe để nghe nơi tự tánh” của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm để niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng. Đây gọi là “*dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân*”. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đây là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời Mạt Pháp há dám chẳng noi theo ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho [ấn bản] Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng*)

2. Khuyên nên trừ lòng nghi, sanh lòng tin

* Trong thế gian, tất cả căn thân (*căn chính là cái thân chúng ta*) hay thế giới (*tức là trời đất mình đang sống*) đều là đồng nghiệp (*thế giới*) và biệt nghiệp (*căn thân*) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành - hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh - lão - bệnh - tử, thế giới có thành - trụ - hoại - không. Nói “*vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn*” chính là ý này. Bởi lẽ, nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào chẳng sanh diệt!

Thế giới Cực Lạc là do A Di Đà Phật chúng triệt để Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sự vui trong cõi ấy không có thời kỳ cùng tận. Vì

như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng. Tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng - giảm. Ông dùng sự vui thế gian để cất vắn sự vui nơi Cực Lạc. Dầu ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chẳng? Phải biết: Hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật tánh; vì thế, đức Phật (*chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật*) dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do nương vào đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh - già - bệnh - chết; còn thế giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành - trụ - hoại - không! Dầu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thế gian sanh - diệt mà nghi ngờ ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cứu*)

* Các pháp môn khác, pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi! Chỉ có một môn Tịnh Độ này, độ khắp ba căn, lợi - độn gồm thâu. Trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì Ngũ Nghịch, Thập Ác, chủng tánh A Tỳ địa ngục cũng có thể dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này trọn chẳng có hy vọng gì! Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc thật, không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị Thừa còn đa nghi. Chẳng những Nhị Thừa không tin, quyền vị Bồ Tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi (*Ấy là vì pháp môn này, lấy Quả Giác làm nhân tâm (cái tâm để tu nhân), nên toàn thể là cảnh giới của Phật. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, chứ trí của con người không thể nào biết được! Xin hãy đọc lời tựa cho sách Long Thư Tịnh Độ Văn trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dầu là phàm phu đầy dẫy triền phược thì chủng tánh ấy đã vượt trội bậc Nhị Thừa. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật, bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu. Muốn nói pháp tu Tịnh Độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cấy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cấy vào Phật lực vãng sanh này thì nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có mảy

may tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng. Đừng nói là không tu, dầu có tu cũng chẳng thể đạt được lợi ích thật sự rốt ráo! Do vậy phải nói: Một pháp Tín phải gấp gấp suy cầu, ngõ hầu tạo được lòng tin sâu xa đến cùng cực vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Nếu nói: - A Di Đà Phật ở yên nơi Cực Lạc, mười phương thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh trong một thế giới niệm Phật cũng vô lượng vô biên. A Di Đà Phật làm sao có thể dùng một thân cùng lúc tiếp dẫn hết thảy chúng sanh niệm Phật trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp: - Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Xin mượn thí dụ để giải thích hòng trừ sai lầm cho ông. Một vầng trăng vàng vạc giữa trời, hiện bóng trong vịnh con sông, trăng có dụng tâm hay không? Trên trời chỉ có một vầng trăng, nhưng biển cả, sông to, rạch lớn, khe nhỏ thảy đều hiện bóng trăng vẹn toàn, dầu nhỏ như trong một chước, một giọt nước không đâu chẳng đều hiện bóng trăng trọn vẹn! Và nữa, bóng trăng trên sông rạch một người nhìn vào sẽ thấy một vầng trăng đối trước người ấy. Trăm ngàn vịnh ức người ở trăm ngàn vịnh ức chỗ nhìn vào, không ai chẳng có một vầng trăng đối trước mặt! Nếu trăm ngàn vịnh ức người ai nấy đi về những hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thì nơi người ấy đi đến, trăng vẫn thường ở nơi người ấy. Chỗ trăng đi đến, trọn chẳng có xa - gần. Nếu trăm ngàn vịnh ức người ở yên chẳng động thì trăng cũng ở yên chẳng động, luôn ở nơi người ấy. Chỉ có nước trong lặng thì trăng hiện, nước đục, xao động thì trăng ẩn. Trăng cố nhiên không lấy - bỏ, không hiện là vì nước đục ngầu, xao động, không cách gì in bóng được!

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh tín nguyện đầy đủ, chí thành cảm Phật thì Phật bèn ứng, giống như nước trong, trăng hiện. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành, tương ứng với tham - sân - si, giống như nước đục, loạn động, thì trăng tuy chẳng bỏ sót không chiếu, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng. Mặt trăng là sắc pháp thế gian mà còn hay khéo như thế, huống chi A Di Đà Phật đoạn sạch Phiền Hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới! Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Thân Phật đầy ắp pháp giới, hiện khắp trước hết thảy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng không gì chẳng trọn vẹn, nhưng thường ngồi nơi tòa Bồ Đề này. Do vậy, phải biết: Trọn khắp pháp giới cảm, sẽ ứng trọn khắp pháp giới”*. Quả thật, Phật chưa hề khởi

tâm động niệm có tướng đến - đi, nhưng có thể làm cho chúng sanh duyên chín muồi thấy Phật đến đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ôm lòng nghi như thế, cố nhiên chẳng phải [chỉ có] một hai người; do vậy tôi bèn trình bày đại ý để [người đọc] sanh chánh tín vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* [Nếu] sự - lý, tánh - tướng, có - không, nhân - quả hỗn độn chẳng phân thì chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạn, chương tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đừng nẻo vào cửa Phật, cần cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc, thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Đọc Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được [mặt trời] là nhờ có mắt. Kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp Niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại. Muốn thấy được tướng của Thật Tướng, hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được Chân Ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy được! Muốn chứng, nhưng nếu chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể nào được. Muốn viên chứng mà Tam Hoặc²⁴⁷ chẳng đoạn sạch, nhị tử²⁴⁸ chẳng vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được. Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của Chân Ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu của chàng Diễn Nhã, châu nơi vạt áo²⁴⁹, từ đầu đến cuối chưa hề mất, lầm sanh sợ hãi, lầm

²⁴⁷ Tam Hoặc: Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc.

²⁴⁸ Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

²⁴⁹ Theo kinh Lăng Nghiêm, anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn ‘châu trong vạt áo’ là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do năm trăm vị La Hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã

chịu nghèo cùng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiển Vi*)

* Chúng sanh mỗi người tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ. Kẻ ngu thiên về hèn kém, tâm thường, bậc trí thiên nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phạt ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu Tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy! Nếu người trí chẳng cậy mình có trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cây vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh Độ, thì có thể nói là hạng “đại trí”. Nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh Độ, sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được!

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngăn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy! Chứ không phải là hết thấy mọi người đều phải bắt chước làm theo tôi!

Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diệu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biển giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phụ ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót! Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, toan bay lên không lại rớt xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 9*)

* Trong thời thế hiện nay, dầu là bậc cổ Phật đã thành Chánh Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện “giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ!” Dầu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cây vào Phật lực để dạy dỗ.

Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên, cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà ngược lại còn có hại! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Đức Châu - 1*)

nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc hạt châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn, vất vả kiếm sống.

* Ngài Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà, Ngài dạy Chuyên Tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dầu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả thánh nhân và các Bồ Tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đẳng Giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang, khuyên bỏ Tịnh Độ, giảng cho diệu pháp thù thắng, cũng chẳng chịu nhận, bởi thoát đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có tí tí định kiến nào nên mới nói như vậy hòng giết chết cái tâm chộp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ lòng vòng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Xưa kia Đại Trí luật sư²⁵⁰ thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh Tỳ Ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh Độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi, hơn hai mươi năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh Độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xưng tán phát huy trọn chẳng sợ hãi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 2*)

* Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì chẳng được lợi ích: Quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày Thiên Chân²⁵¹ con người vốn sẵn có (Thiền Tông gọi là “ý của Tổ Sư từ trời Tây sang”). Huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, Tổ biến thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào có phải do Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dầu là [những điều dành cho] sơ

²⁵⁰ Đại Trí Luật Sư (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiếu, tự là Tràm Nhiên, hiệu An Nhân Tử, người xứ Dur Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ Túc Giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng rất hâm mộ Tỳ Ni. Về sau, Sư thọ Bồ Tát Giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, Sư trụ trì chùa Chiếu Khánh, hồng truyền giới luật. Về già, Sư trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là Linh Chi Tôn Giả. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư.

²⁵¹ Thiên Chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hồng Quyết, quyển 1 giảng: “Lý không tạo tác, nên gọi là Thiên Chân”.

cơ, nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu điều gì khác được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 1*)

* Phàm phu đời Mạt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh Độ thì đều là cuồng vọng! Tham Thiền dẫu đạt đến địa vị “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân! Quang cực tầm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được [thái độ] “chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức!” Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm - 6*)

* Triệt tổ (tổ Triệt Ngộ), Tỉnh tổ (tổ Tỉnh Thường) trước tác ít, nhưng cũng đủ khiến cho người khác dấy lòng phát nguyện. Cố nhiên chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn - kém được! Xưa nay có nhiều vị Pháp Thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, [những vị như vậy] nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này? Cần biết rằng: Chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều; chỉ cần một điều là “lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương” là đủ rồi! Dẫu đọc hiểu trọn hết Đại Tạng cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Duy Phật*)

* Nay gởi cho cô ta một bộ An Sĩ Toàn Thư, xin hãy đọc kỹ càng, cẩn thận phân chú giải và dẫn chứng của đoạn văn “*ta mười bảy đời làm thân sĩ đại phu*”²⁵² và những đoạn văn đáp để giải trừ nghi ngờ trong các sách Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Công, Tây Quy Trục Chỉ, sẽ chẳng đến nỗi biến mình thành kẻ không có căn bản, tuy tạm sống mấy chục năm, hễ chết liền tiêu diệt chẳng còn, há chẳng đáng thương đến tột cùng ư? Nếu biết thân chết mà thần thức chẳng diệt, coi đó như tuổi thọ, thì [tuổi thọ] nào phải chỉ dài lâu như trời với đất? Nếu chịu tu trì cầu sanh Tây Phương thì đến tột cùng đời vị lai sẽ làm đại đạo sư cho hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là bậc đại trượng phu vĩ đại ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Thiện Xương - 4*)

²⁵² Đây là một câu nói trong Âm Chất Văn khi Văn Xương Đế Quân tự thuật tiền thân. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư, cuốn đầu là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa Tiết Lục.

* Phàm những ai có tâm đều có thể thành Phật, há nên nói “kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng được vãng sanh?” Phật nói đến “mù, điếc, câm, ngọng” trong tám nạn, ngụ ý những tật ấy [khiến cho người đó] khó thể nhập đạo mà thôi! Nếu có thể chuyên ròng niệm Phật, tuy người điếc chẳng thể nghe kinh và nghe thiện tri thức khai thị, người mù chẳng thể xem kinh, rốt cuộc nào trở ngại gì đâu? Người câm không có tiếng, kẻ ngọng cũng không nói [gãy gọn] được, nhưng trong tâm niệm thâm vẫn có thể đích thân đạt được Niệm Phật tam-muội trong đời này, lâm chung lên thẳng chín phẩm; há nên nói những người ấy chẳng thể vãng sanh? Những người ấy chẳng sốt sắng niệm Phật thì chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là những người ấy dù niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh! Còn người tàn phế thiếu tay thiếu chân thì cũng giống như kẻ mù, điếc, câm, ngọng.

Nói [kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng thể được vãng sanh] như thế là vì hiểu lầm bài kệ trong Vãng Sanh Luận mà ra! Kệ nói: “*Đại Thừa thiện căn giới, đấng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Cõi thiện căn Đại Thừa, bình đẳng không có những danh từ đáng chê trách, nữ nhân và thiếu căn, giống Nhị Thừa chẳng sanh), chính là nói “Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của những người mang thiện căn Đại Thừa sanh về, trọn chẳng có những danh tự có thể gây nên chê bai hoặc có thể gây nên sự chán ghét”. [Hai câu] tiếp đó liệt kê một số những danh tự có thể gây nên sự chê bai như “nữ nhân, người sáu căn chẳng đủ, và hạng người Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác”. Do vậy: “*Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” nghĩa là Tây Phương không có nữ nhân, người sáu căn chẳng hoàn bị và hạng Nhị Thừa (*Tây Phương tuy có danh tự “thánh nhân Tiểu Thừa” nhưng đều thuộc hàng phát tâm Đại Thừa, trọn chẳng có hàng Thanh Văn, Duyên Giác không phát tâm Đại Thừa*), chứ không phải là nói đến những người tu hành cầu vãng sanh thế giới ấy. Người thiếu trí huệ tưởng rằng những hạng người ấy chẳng được vãng sanh Tây Phương, lầm lẫn quá lớn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Tông Linh*)

* Xưa kia, Giới Hiền luận sư²⁵³ ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ Thiên Trúc²⁵⁴). Do túc nghiệp nên thân mắc ác

²⁵³ Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiểu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư

bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muôn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giảng xuống, bảo: “Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương nã hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu... Ông nên gắng chịu đựng”.... Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao tăng đắc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào?....

Nếu [thấy] người tạo ác nhưng hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đầy đủ là tiền nhân hậu quả và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v... đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Châu Tụng Nghiêu*)

* Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt. Cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiếu rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ ngay như tâm pháp

gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe Ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v... chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chung Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

²⁵⁴ Thiên Trúc chính là Ấn Độ. Do thời cổ, các âm Trúc và Độc đọc giống nhau, cổ thư còn phiên âm Thiên Trúc là Thiên Độc, Thiên Đốc, Thân Độc. Theo các nhà nghiên cứu, đây đều là những âm đọc sai của chữ Hindustan. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 85, pháp sư Huyền Trang ghi: “*Danh xưng Thiên Trúc, có nhiều ý kiến bàn bạc khác biệt. Thời cô gọi là Thân Độc, hoặc gọi là Hiền Đậu. Nay theo chánh âm, nên đọc là Ấn Độ... Ấn Độ, Hán dịch là Nguyệt (mặt trăng). Mặt trăng có nhiều tên, đây là một tên!*” Ấn Độ chia thành năm xứ (Ngũ Trúc), ngoại trừ phần Trung Ương, bốn khu Đông, Tây, Nam, Bắc, được gọi chung là Tứ Trúc.

của thánh nhân do Tống Nho²⁵⁵ phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác!

Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những lời chê trách Phật để làm kế “bịt tai trộm linh”! Từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà Minh, không lúc nào chẳng vậy! Thử dốc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình! Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cứ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngời thác là những chứng cứ sau cùng để phát hiện [họ có tu Phật]. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý Học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân, nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ò ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tẻ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đây gọi là “do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trái trần điểm kiếp²⁵⁶ chẳng thừa nào xong!” Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: “*Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các người. Tâm các người vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trọn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trọn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dục vào dòng thánh”*.

Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dầu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tẻ giết -

²⁵⁵ Tống Nho là Nho Học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Châu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho Học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

²⁵⁶ Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư? Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi [Phật pháp] giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện*)

* Phải biết một câu A Di Đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh Di Đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông có thể chuyên tu một pháp thì câu gì chẳng được? Há cứ phải khăng khăng trì chú này, niệm kinh này sẽ được công đức này, chẳng đạt được những công đức khác ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

3. Khuyên [hành nhân Tịnh Độ] hãy trọn đủ lòng tín nguyện

* Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chỉ thân người tầm thường kém cõi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời - người và xuất gia làm Tăng, nghe một hiệu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, làm thân cao tăng hoằng dương pháp hóa rộng lớn, lợi khắp chúng sanh, cũng xem như cỏ độc, rùng tội, tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn hưởng. Quyết định như thế thì Tín - Nguyện - Hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật; thế nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 3*)

* Phải biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy! Tiểu thánh hồi tâm hướng Đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín - nguyện để cảm Phật, dẫu có tu hết thấy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tín - nguyện là khẩn yếu nhất.

Ngài Ngẫu Ích nói: “Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay

cạn”, đây chính là lời phán định danh thép dầu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thể thay đổi được. Tin cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 3*)

* Phép Niệm Phật trọng tại tín nguyện. Tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật Di Đà bèn ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể trọn không có tướng động, nhưng hễ không có gió bạo, sóng cuồng, thì vàng trắng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 3*)

* Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước, lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp kéo lôi, cũng như là do được chuyển tội nặng trong địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện tại, cố nhiên đã dự vào dòng Thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước, lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dầu hiện tại gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mệnh mệnh, có mấy ai được như thế? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân - thiên trong đời sau. Hễ có tâm ấy (tức tâm cầu phước báo nhân thiên), sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được mang thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong một đời, khó như lên trời vậy!

Phật dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân - thiên đời sau tức là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư trả lời khắp*)

* Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được hưởng phước báo thế gian (*như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v...*) Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh, thì phước báo thế gian đạt được lại trở thành hèn kém. Do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bà phải hiểu: “Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn lâm chung vãng sanh!” Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu! Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, [chỉ riêng] cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi! Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đời sau khi thấy Phật đắc đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy; cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy! Nếu bà cầu [phước báo] đời sau thì không có đại đạo tâm. Dẫu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức hữu hạn; bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta - người) để tu tập cho nên chẳng có công đức lớn lao!

Huống chi, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ, ác đạo. Mong lại được làm người sẽ thiên nan, vạn nan! Do vậy, nói: “*Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!*” Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu. Dẫu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh*)

* Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngồi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lia ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung*)

* Những câu “*nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ

là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội Ngũ Nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp “siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, và niệm Phật vãng sanh” do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dầu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được!

Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán Kinh nói về những kẻ sắp lâm chung, tướng địa ngục A Tỳ hiện, tuy [Quán kinh] chẳng nói [kẻ ấy] phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp! Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán Kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, [thoạt nghe qua] cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp, sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy, biết rằng: Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm!

Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã “*toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm*”, cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh! Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không [nhiếp thọ] sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc²⁵⁷ vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Thiện Giác*)

²⁵⁷ Nguyên văn “*tạc tử mảo tử hán*”, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết,

* Họ²⁵⁸ ở trong hoa [sen] mười hai đại kiếp là vì lúc sống tội nghiệp nặng nề, thiện căn nông cạn, vì thế hoa sen chậm nở nhất; nhưng sự sung sướng của những người ấy ở trong hoa còn hơn sự vui trong Tam Thiên Thiên! (*Sự vui trong thế gian thì Tam Thiên thật là bạc nhất*), nào có thiếu sót, tiếc nuối chi đâu? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Hằng Tâm*)

* Ấy là vì Phật xem chúng sanh hết như con một: Với đứa hiền ngoan tất nhiên thương yêu, nhưng với đứa ngỗ nghịch, lại càng thương xót gấp bội. Nếu con hồi tâm hướng về cha mẹ, cha mẹ ắt rủ lòng Từ nhiếp thọ. Hơn nữa, tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do vì mê trái nên khởi Hoặc tạo nghiệp, ngăn lấp bản tâm chẳng thể hiện bày trọn vẹn. Nếu có thể nhất niệm hồi quang thì khác nào mây tan trăng hiện, tánh vốn chẳng mất, trăng vốn sẵn có. Vì vậy, tình trần bao kiếp đoạn ngay trong một niệm. Ví như nhà tối ngàn năm, một ngọn đèn [chiếu vào] bèn sáng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về duyên khởi chuyên tu Tịnh nghiệp của thảo am Đại Giác Nham Tây Lâm tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây*)

III. Thị Tu Trì Phương Pháp (dạy phương pháp tu trì)

1. Dạy phương pháp niệm Phật

* Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng thiếu Tín - Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện nhưng không có Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến Chánh Hạnh Niệm Phật thì ai nấy tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng,

bền khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào đại đột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi!

²⁵⁸ Chỉ người Hạ Phẩm Hạ Sanh.

im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm - miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết, thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lỏa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch, chỉ nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Công đức niệm thầm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy, không được niệm Phật! Phải biết: Trong những nơi, những lúc ấy, không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết!

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A Di Đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*” Niệm kệ xong, niệm Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng, hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm (*Cần phải đi nhiều từ Đông qua Nam, rồi qua Tây, qua Bắc, đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng sẽ có công đức. Tây Vực coi trọng đi nhiều nhất. Nơi đây cũng dùng cách này kết hợp với lễ bái. Xin đọc thư gởi cho cư sĩ Mã Khế Tây trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Nếu không tiện nhiều thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lần. Rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ văn thì phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu chẳng y theo văn nghĩa để phát sẽ trở thành uổng công đọc văn xuôi, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa buổi sáng; buổi tối cũng giống như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ, ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ Tát chín lần, bèn lễ chín lạy. Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo, qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, hãy nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lạy ba lạy, đứng ngay

ngấn chấp tay, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ “*nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...*” Niệm xong lễ Phật ba lạy, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán loạn. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ. Nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh! Số câu niệm tuy ít, nhưng công đức khá sâu. Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bé quan chuyên tu Tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. Nếu không thuộc chú Lăng Nghiêm thì chẳng ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng. Đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A Di Đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy. Trước hết lạy Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy, rồi lạy A Di Đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thầy chư Phật, hết thầy tôn pháp, hết thầy hiền thánh tăng ba lạy. Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chừng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối. Đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thầm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh.

Dầu là ngủ nghỉ, trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ câu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiên thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa dựng miếu. Nếu có những thứ ý niệm ấy, lâu ngày chầy tháng ắt sẽ bị ma dựa... Dầu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới mười phần, đây cũng là cái gốc để bị ma dựa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm*)

* Lúc niệm Phật cần phải thân nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp Lắng Nghe đúng là pháp quan trọng trong [pháp môn] Niệm Phật; bất luận là ai [áp dụng pháp này] đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v... người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân - 2*)

* Ông chưa biết tông chỉ Tịnh Độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gửi Khấp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất*”. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ. Ý, thiệt, nhĩ, ba căn mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trể, biếng nhác, đó gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp [sáu căn để niệm] thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là “tịnh niệm”.

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam Ma Địa cũng là tên gọi khác của Tam Muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là Chánh Định, hay còn dịch là Chánh Thọ. Chánh

Định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh Thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thâu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thấy cảnh duyên đều chẳng thể được! *(Thêm nữa, Chánh Định có nghĩa là Tịch lãn Chiếu cùng viên dung, Chánh Thọ có nghĩa là khuấy phục được vọng, Chân hiển hiện. Xin coi trong thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - thư thứ năm, trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên).* Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu Quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người niệm Phật!

Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thấy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh. Hãy nên biết: “*Nhiếp trọn*” chú trọng tại Nghe. Dẫu niệm thâm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ, rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu, từng chữ rõ ràng, thì sáu căn đều quy về một *(Hễ nhĩ căn được nhiếp thì các căn không cách nào rong ruổi theo bên ngoài, có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Xin hãy đọc lá thư gửi cho nữ sĩ Từ Phước Hiền trong bộ Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên).* So với tu những pháp Quán khác [thì pháp Niệm Phật] ôn hòa, thích đáng nhất, ít tổn sức nhất, khế lý, khế cơ nhất. *(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Vỹ Chương)*

* Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng, rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch. Nếu làm được như thế, dẫu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lạ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự.

Đại Thế Chí Bồ Tát đã ví dụ “như con nhớ mẹ”, trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. *(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam)*

* Tu tập Tịnh Độ hãy tùy phần tùy sức, há cứ phải bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy

không có lúc nào quên bẵng. Người tu Tịnh Độ cũng phải giống như thế, mặc cho hàng ngày công việc bận bịu tới bời, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền*)

* Niệm ra tiếng thì có thể niệm sáu chữ, chứ niệm thầm trong tâm thì nhiều chữ quá sẽ khó niệm, hãy nên niệm bốn chữ... Từ sáng đến tối, ngủ thì để mặc đó, thức dậy lại niệm tiếp. Lấy niệm Phật làm bản mạng nguyên thần của chính mình quyết chẳng buông bỏ lúc chút thời gian nào, ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vãng sanh Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn*)

* Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đăm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiểm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành, [sẽ cảm thấy] những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (*Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi*). Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (*hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm*), ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng, phân minh, miệng niệm rõ ràng, phân minh, tai nghe rõ ràng, phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thấy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dậy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút [ý niệm] thông thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liêu hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đây gọi là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”.

Ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí huệ mở mang. Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta.

Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác. Đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thấy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm, sẽ tự có thể quy nhất. Không pháp nhiếp tâm nào chẳng trước hết phải chí thành khẩn thiết. Tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì chẳng có cách nào cả! Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (*niệm thầm dẫu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm*), tâm - miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch, tai nghe cho rõ ràng, rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp Thập Niệm Ký Số (nhớ số bằng mười niệm), tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng Phật hiệu, dẫu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này xưa kia các vị hoàng truyền Tịnh Độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người [thuở ấy] còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được! Án Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này. Càng thử càng thấy hay, chẳng phải là nói mò đâu nhé! Nguyên khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng khiến cho “vạn người tu, vạn người về”.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì

chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười.

Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự đạt được.

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp Thập Niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều - ít. Cách này lấy một câu Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu, niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, đầu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế. Chẳng những trừ vọng, lại còn dưỡng thân tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối, không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn, tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số như cũ. Dầu ý niệm loang loáng đến đi, cũng vẫn quán quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất*”. Kẻ lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp Thập Niệm Ký Số này, muốn nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường kính tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rút ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm! Lần chuỗi niệm Phật chỉ nên làm trong hai lúc đi và đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thân [mà lần chuỗi] thì do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này đi, đứng, nằm, ngồi, không gì chẳng thích hợp! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ

dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái Nghe trở lại quả thật là bậc nhất! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thư trả lời cư sĩ Lưu Chiêm Minh (Quán Thiện)*)

* Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt; điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm; điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật. Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu*)

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản. Do bởi thật nghĩa “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùn biến quả, quả thấu nguồn nhân*”, [cho nên] dùng “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” làm công phu thực hiện tối thiết yếu.

Dùng điều ấy để hành, lại còn Tứ Hoằng Thệ Nguyện thường chẳng rời tâm thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo. Lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao*)

* [Niệm Phật theo lối] Truy Đánh²⁵⁹ dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thầm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy Tức²⁶⁰ chẳng bằng Tịnh Thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ Tùy Tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn Tịnh Thính thì chẳng bị bệnh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của Huyền Tu Học Nhân*)

* Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm. Nếu không khéo dụng tâm rất có thể gặp cảnh ma! Chỉ buông hờ mí mắt (*tức là giống như mắt các tượng Phật vậy*) thì tâm sẽ lặng xuống, chẳng sôi động, cũng chẳng bị hỏa bốc lên đầu. Nếu ông niệm Phật mà trên đầu [dường như] có vật gì rờ đụng, hoặc lôi kéo v.v... là vì suy tưởng trong lúc niệm Phật khiến cho sóng tâm thức dâng trào đến nỗi tâm hỏa bốc lên.

²⁵⁹ Truy Đánh là niệm Phật liên tiếp, câu sau gói lên câu trước không xen hở chút nào.

²⁶⁰ Tùy Tức là cứ thở ra một hơi (hay hít vào một hơi) bèn niệm Phật một câu.

Nếu buông rủ mí mắt và hướng tâm suy tưởng xuống phía dưới thì tâm hỏa chẳng bốc lên, bệnh ấy sẽ mất đi. Chớ nên làm tướng [hiện tượng] ấy là công phu [đã đạt đến mức], cũng đừng sợ đây là ma cảnh, chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm, và tướng bản thân đang ngồi hoặc đứng trên hoa sen, nhất tâm tưởng ta đang ngồi hay đứng trên hoa sen thì hiện tượng ấy sẽ tự nhanh chóng biến mất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trâm Di Sanh*)

* Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đây cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như thế. Nếu không, sẽ bị ma bi thương dựa vào. Phàm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu không, ắt bị ma hoan hỷ dựa.

Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, chớ nên căng thẳng tinh thần quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v... cần phải điều hòa cho thích đáng. Hễ niệm lớn tiếng thì chớ nên cố sức quá mức để khỏi bị bệnh. Lăn chuỗi niệm có thể ngứa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lăn chuỗi, hễ lần chuỗi thì do ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư nhắc nhở những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* “Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ”, cổ đức giải thích: “Niệm lớn tiếng thì thấy được thân đức Phật lớn; niệm nhỏ tiếng thì thấy được thân đức Phật nhỏ”, cũng có thể giải thích là: “Niệm với cái tâm lớn thì thấy được thân đức Phật lớn; dùng đại Bồ Đề tâm niệm Phật thì sẽ thấy được Ứng Thân thẳng diệu của Phật, hoặc Báo Thân” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Niệm Tây*)

* Đạo cảm ứng giống như gõ chuông. Gõ mạnh thì chuông kêu to, gõ nhẹ thì chuông kêu nhỏ. Trong đời thường có những kẻ do tiểu cảm mà được đại ứng chính là vì công đức tu trì trong đời trước cảm nên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa tái bản Dược Sư Như Lai Bản Nguyện Công Đức Kinh*)

* Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết căn kẽ nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là “tự lợi, lợi tha”, không chỉ tốt lành bằng! Nếu

không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà²⁶¹ đã được [đức Phật] thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thầy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Pháp Niệm Phật há nên chấp chặt vào lẽ lời nhất định, cố nhân lập ra phương pháp giống như tiệm thuốc có đủ các loại thuốc. Cách dùng của chúng ta là phải phù hợp với tinh thần, khí lực và thiện căn xưa kia của chính mình. Niệm Phật lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng, hoặc [niệm] Kim Cang, hoặc niệm thầm, không cách nào chẳng được. Hễ hôn trầm, chẳng ngại gì niệm lớn tiếng để đẩy lùi cơn hôn trầm tán loạn thì cũng được. Nếu thường niệm lớn tiếng, ắt sẽ đến nỗi bị bệnh. Đừng nói người thông thường chớ nên thường [niệm] như vậy, dầu là người hết sức khỏe mạnh cũng chớ nên thường như thế. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Niệm Tây đại sư*)

* Pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có chuyện “miệng truyền, tâm trao”, tùy ý để người khác tự hành lãnh hội từ nơi kinh giáo, trước thuật, không có gì là không được cả!... Vào thời Đường - Tống vẫn còn có pháp truyền tâm ấn của Phật, chứ nay chỉ còn dòng phái các đời [truyền thừa danh nghĩa] mà thôi, gọi là “pháp” cũng đáng tội nghiệp quá! Tịnh tông trọn chẳng có chuyện ấy. Đến núi vẫn chẳng hữu ích bằng đọc sách! Cố nhân nói: “*Gặp mặt chẳng bằng nghe tên*”. Dầu có đến đây thì những gì tôi sẽ nói với tọa hạ vẫn là những lời lẽ trong Văn Sao, há có bí pháp đặc biệt sâu màu nào đâu?

Mười mấy năm trước, cuối lá thư gửi cho ông Ngô Bích Hoa, tôi đã viết: “*Có một bí quyết, tha thiết bảo ban: Cạn lòng thành, tận lòng kính, màu nhiệm vô cùng!*”... Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là cương yếu của Tịnh Độ. “*Nhiếp trọn sáu căn*” là bí quyết niệm Phật. Biết được hai điều này rồi thì chẳng cần phải hỏi ai nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tánh*)

* Hương thơm công đức phước huệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười

²⁶¹ A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

phương đều xông chiếu trọn khắp. Phạm phu đầy dẫy triền phược trọn chẳng nghe thấy, như kẻ mắt mù mũi điếc giữa trưa đi ngang rừng Chiên Đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương Chiên Đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngậm hun đúc, gia bị, nên nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút [hương công đức, ánh sáng từ bi của Phật], hoặc chứng Vô Sanh Nhân nên thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm.

Thầy Giám Viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cây tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thừa với bậc thông sáng mai sau! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho tám biển gạch Hương Quang Trang Nghiêm của Linh Nham Sơn Tự*)

* Nếu xây lâu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm! Nếu người ấy chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A Tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây làm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh. Ông phải rất thận trọng; thấy cảnh chỉ có một phân chẳng được nói lên một phân một, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhân, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Đem cảnh giới ấy thừa cùng tri thức để chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thấy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi! Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dầu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v... bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hết như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dầu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyển nên có thể tiến lên....

Nên biết: Người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhất ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dầu thật sự đắc Ngũ Thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới đạt được Lưu Tận Thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, chẳng thể không biết! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu*)

* Người niệm Phật hãy nên giữ tâm lòng “được vãng sanh ngay trong đời này”. Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thực, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

“Cho đến hết tuổi thọ, gieo tâm lòng Thành” chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. “*Diệt thọ thủ chứng*” (Diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa (*Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn: “Kẻ ngã chấp trước giả, bất năng sanh thị pháp, diệt thọ thủ chứng giả, diệt phi hạ chúng xứ” (kẻ chấp trước nơi Ngã, chẳng sanh được pháp này; diệt thọ mong chứng đắc, cũng không gieo giống được)*²⁶²). Chỉ nên trọn hết lòng

²⁶² Chúng tôi dịch từ ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bốn Giảng Ký (do hòa thượng Trí Minh dịch), phân dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bốn Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: “Còn người ‘*diệt thọ thủ chứng*’ (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị Thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hạt giống hư, nên ‘cũng không gieo giống được’. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị Thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết Bàn, nên gọi là “*diệt thọ thủ chứng*”. Thông thường trong các kinh gọi là “*khô thân diệt trí*” vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bốn nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đúng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị Thừa đều có thể tin thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị Thừa đều là vô phần vì không phải là không thể bảm thọ

kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn [theo như ý ta] đã định.

Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muồi, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muồi mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành “nhỏ mọn để giúp cho nó mau lớn!” Thật sợ rằng hễ ma sự dấy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: “Niệm Phật tổn hại vô ích!” Như ông X... nọ là tấm gương tày đình, mỗi hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy!

Xin hãy đem cái tâm quyết định [mong được vãng sanh] đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm “chỉ mong mau được vãng sanh”. Dầu không được vãng sanh [mau chóng], cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vón cục lại [trong tâm] đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật - bài này được đăng tải trên Đại Vân Nguyệt San*)

* Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mật*)

* Niệm Phật chớ nên bỏ hồi hướng. Hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện được vãng sanh chính là “thường thời hồi hướng” (luôn luôn hồi hướng). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4*)

* Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái... đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thấy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh Độ, như gom các hạt vi trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tận được! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, hồi hướng tất cả công đức tu trì cho

hay giới phẩm không thể thắm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi”.

khắp pháp giới chúng sanh, bốn ân, ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mưa gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa; đầu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Hồi hướng phát nguyện tâm nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương. Nếu có tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm thì do tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp! Ví như [thắp] một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì! Người đời chẳng biết nghĩa này, nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh - 1*)

* Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu – nêu để mặc [không hồi hướng], thì nhờ vào những công đức ấy, sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người – nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời - người mà thôi!

Dùng một chữ Hồi nhằm thể hiện ý “quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian”. Dùng một chữ Hướng nhằm thể hiện ý “quyết định mong mỗi phương cách xuất thế”. Đó gọi là “*hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha*”. Công đức đã làm là cái nhân [kết thành quả báo trong cõi] trời - người, xoay [cái nhân ấy lại] để hướng về quả Niết Bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh - diệt; xoay nó lại để hướng đến diệu lý Thật Tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đây chính là danh từ [nhằm thể hiện ý nghĩa] phát nguyện lập thế, quyết định hướng đến. [Hồi hướng] có ba nghĩa:

1) Hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa “*hồi sự hướng lý*”.

2) Hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa “*hồi nhân hướng quả*”.

3) Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây chính là nghĩa “*hồi tự hướng tha*”.

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh Độ là pháp tối mầu nhiệm duy nhất không hai! Bởi lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, thường khó thể thành tựu những đại nguyện khác! Nếu sanh về Tịnh Độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thủy công đức, dầu có mong mỗi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh Độ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng*)

* Phát nguyện nên thực hiện trong sớm tối lúc niệm Phật xong (*pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau*) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tân Định Tịnh Độ Văn (*tức bài ‘Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc...’ chép trong Thiền Môn Nhật Tụng. Người biên tập kính cần ghi chú*) của Liên Trì đại sư [để hồi hướng]. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều châu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện bằng cách đọc bài văn phát nguyện thì phải nương theo văn để phát nguyện, chứ không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư dự định trả lời vị cư sĩ X...*)

2. Khuyên niệm kèm thêm danh hiệu Quán Âm

* Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường Tịch Quang lại tùy tích²⁶³ trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và thân trong sáu đường trời người lục đạo. Tuy thường hầu Di Đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là “chỉ tạo lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính”. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gọi

²⁶³ Tùy tích: Thị hiện dưới một thân phận nào đó.

tâm lòng Thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác! Một vàng trắng vàng vặc giữa trời, vạn con sông đều hiện bóng, dầu nước nhỏ như một chước²⁶⁴, một giọt, thủy đều hiện trọn vẹn bóng trắng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, bóng trắng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát thì liền ngay trong lúc niệm ấy Bồ Tát bèn khiến cho [người niệm danh hiệu Ngài] được lợi ích hiển hiện hoặc thâm kín. Nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem bài tựa Thạch Án Phổ Đà Sơn Chí trong Án Quang Văn Sao sẽ tự biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ Tát do quán tánh Nghe liền chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xung danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát lớn lao không ngăn, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử, thành Chánh Giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời Ly Án Tâu*)

* Quán Âm đại sĩ trong vô lượng kiếp, thành Phật đã lâu. Vì độ chúng sanh chẳng lìa Tịch Quang, hiện thân Bồ Tát. Lại còn ứng khắp quần cơ, hiện hình trong lục đạo. Dùng ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn, tâm thanh cứu khổ, độ thoát quần manh. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Khác nào trăng in bóng trên ngàn con sông, mùa Xuân tăng trưởng muôn cây cỏ. Tuy trọn chẳng tính nghĩ, nhưng chẳng sai sót mấy

²⁶⁴ Chước (勺): Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: “Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng...” Nếu hiểu Thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một Chước bằng một centilitre. Nhưng Thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một Chước là bao nhiêu.

may!

Áy là vì triệt chứng duy tâm, tỏ trọn tự tánh. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, lấy niệm của chúng sanh làm tâm, lấy hết cảnh trong pháp giới làm lượng. Do vậy biết: Vô tận pháp giới vô lượng chúng sanh đều ở trong tâm tịch chiếu của Bồ Tát. Cho nên được mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Bi, hể cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thỏa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ Tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn*)

* Phải biết: Bồ Tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ Tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh; vì thế, hể cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Áy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ Tát tương thông khít khao... Vì thế, hể gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng.

Lại nữa, Bồ Tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình. Ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn*)

* Tâm chúng ta và tâm Bồ Tát cùng một thể tánh. Chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham - sân - si ấy chính là tâm viên chứng Giới - Định - Huệ của Bồ Tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ Tát hiện thân thông nói diệu pháp đâu? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Tri Lập - 2*)

* Niệm danh hiệu Quán Âm lớn tiếng thì có cảm ứng lớn, niệm nhỏ tiếng thì có cảm ứng nhỏ, chứ trọn chẳng có lẽ nào không ứng! Quan trọng là can đảm nói với mọi người, những kẻ chẳng thấy cảm ứng thì cũng chẳng phải là không hề có cảm ứng! (*Cảm ứng xét về mặt hình tích, có cảm lẫn ứng đều rõ ràng, cảm ngấm lẫn ứng đều ngấm ngấm, cảm ngấm ngấm nhưng ứng rõ ràng, cảm rõ ràng nhưng ứng ngấm ngấm. Xin xem bài lời tựa cho bản Thạch Án Phổ Đà Sơn Chí trong Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*) (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đĩnh - 2*)

* Áy là vì tâm Bồ Tát giống như hư không, không đâu chẳng trọn

khấp. Chỉ do chúng sanh đang mê, chẳng sanh tin tưởng, ví như hư không bị vật ngăn chướng nên biến thành cách trở, ngăn ngại, nếu xoi một lỗ nhỏ thì sẽ được một khoảng trống vừa bằng cái lỗ nhỏ. Nếu xoi một cái lỗ to sẽ được khoảng trống bằng cái lỗ to. Nếu bỏ được hoàn toàn vật chướng ngại thì sẽ xen lẫn khít khao cùng hư không bao hàm khắp muôn hình tượng. Do vậy, chúng sanh tiêu cảm sẽ được tiêu ứng, đại cảm bèn được đại ứng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng*)

* Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng thể nhẫn chịu được, thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tối ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Âm hiện thân trong sát-na, tầm thanh cứu khổ. Người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi chẳng thuận theo lòng cảm để ứng, Bồ Tát liền rủ lòng Từ che chở, khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 1*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Trong hội Hoa Nghiêm, Đại Sĩ bảo Thiện Tài: “Ta trụ trong hạnh môn Đại Bi này, hiện trước khắp hết thấy chúng sanh”. Như vậy thì một câu nói, một hành động của chúng ta có lúc nào, có chỗ nào chẳng nằm trong thân từ bi của Đại Sĩ? Chỉ vì đã hôn mê nhiều kiếp như kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, hằng người được ánh mặt trời chiếu soi nhưng không nhận biết. Chợt gặp phải cảnh nguy nan, hết thấy trần lao vọng tưởng nhanh chóng bị đè nén, không dấy lên, một niệm mong cầu Bồ Tát cứu vớt sẽ như lửa mạnh bốc cháy, như lặn ngụp trong dòng nước xiết, bất ngờ sẽ lập tức tương ứng với thân Đại Sĩ, thân lực vôi vọi sẽ liền trọn đủ, thọ dụng vô tận. Những điều trên đây là sự linh cảm của Đại Sĩ đã được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh đã xiển dương, hình dung tột cùng khéo léo sau phẩm Phổ Môn [trong bộ Quán Âm Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng], nên tôi đặc biệt trích lấy những chỗ thiết yếu chép vào đây nhằm tăng lòng tin tưởng [cho người đọc]

* Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hồ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hình Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ

mới được Thập Cửu Lộ Quân²⁶⁵ cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng bị mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: “Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình, làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!” Thật chẳng biết trọn không phải là Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tứ Tai Pháp Ngũ*)

* Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm. Nếu là người tu Tịnh nghiệp, ngoài những lúc niệm Phật, hãy nên chuyên niệm [thánh hiệu Quán Thế Âm]. Đối với kẻ chưa phát tâm, hãy dạy họ chuyên niệm do vì họ dốc chí mong được Đại Sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Từ – 15*)

* Niệm Phật, niệm Quán Âm đều có thể tiêu tai thoát nạn thì lúc bình thường hãy nên niệm Phật cho nhiều, niệm Quán Âm ít hơn. Gặp khi hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm do Quán Âm bi tâm tha thiết, có túc duyên sâu đậm với chúng sanh phương này. Chớ nên do thấy nói như vậy, bèn nói “Phật chẳng từ bi bằng Quán Âm!” Cần biết

²⁶⁵ Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (đẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

rằng Quán Âm là đấng thay Phật rủ lòng Từ cứu khổ. Ngay như khi Phật Thích Ca tại thế, cũng thường dạy chúng sanh khổ nạn niệm Quán Âm, hưởng gì bọn phàm phu chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tân - 15*)

* Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ Tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A Di Đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Như Sầm hỏi thay cho bạn*)

* Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma Lợi Chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đời đầu này, hãy nên bỏ [ý định ấy]! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dầu là đưa trẻ lên ba cũng có thể niệm được... Chớ nói niệm chú Ma Lợi Chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dầu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện [thân Ma Lợi Chi Thiên] nói ra, vẫn nên chú trọng niệm [thánh hiệu Quán Âm].

Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tốt “một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp” và chẳng biết “lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay!” Nho giáo cũng nói: “*Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã*” (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích: Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)²⁶⁶. Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang luận định là chí lý. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (Huệ Thông)*)

3. Dạy cách đối trị tập khí

* Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được người đời gọi ta bằng danh xưng là “kẻ chân thật tu hành”. Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và

²⁶⁶ Đây là một câu nói của Mạnh Tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

Phật tự có thể khê hợp! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh*)

* Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì không biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy! Nếu nghĩ đến thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp gỡ. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa vào tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là “*nghĩ địa ngục khổ, phát tâm Bồ Đề*”.

Bồ Đề tâm là tâm địa lợi mình, lợi người. Tâm ấy vừa phát ra liền giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này [có công năng] tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu*)

* Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng; vì cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất tùy duyên tiêu nghiệp. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

* Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Nghĩ tới sự khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề*”. Đây chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ!

Nỗi khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa thì sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường, là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bắt giác lông tóc đều dựng đứng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Sư Hiền*)

* Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm toi bời, đây chính là hiện tượng lảm tri

nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đầu đầu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phó Tịnh*)

* Nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao? Phải đem một chữ Chết (*chữ Chết này hay lắm*) dán cho rủ xuống trán! Phàm khi những cảnh tham luyến [đáng lẽ] chẳng nên có [mà lại] hiện tiền liền biết đây chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trọn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bốn phận nên làm, liền biết đây chính là bè Từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bèn nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba*)

* Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Nay trong lúc niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ tất cả hết thảy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được! Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng vương mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trọng Hoa - 2*)

* Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyên theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí ti nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ắt phải xua quân Chánh Giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không

biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa! Vì thế, nói:

*Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.*

Tạm dịch:

(Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình)

(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Tỳ Ngạn Như và Tỳ Dật Như)

* Hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang. Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: “*Học vẫn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ*” (Đạo học vẫn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!) Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho Giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là pháp thật sự lắng lòng ư? (Ý nói “*lắng lòng chẳng để nó rong ruổi theo bên ngoài*”, người biên tập kính cẩn ghi chú).

Quán Thế Âm Bồ Tát xoay trở lại nghe nơi Tỳ Tánh, Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang “không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh”; Tâm Kinh “*soi thấy năm Uẩn đều không*” đều nhằm dạy cho con người diệu pháp “từ cảnh biết được tâm” vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thấy [các kinh điển, sách vở] thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy (tức lợi ích do học rộng, nghe nhiều), mà trước hết còn bị mắc bệnh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 3*)

* Chỗ quan trọng trong việc tu hành chính là đối trị tập khí phiền não. Tập khí ít đi một phần thì công phu tiến thêm được một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng dấy động là vì chỉ biết tu trì theo mặt sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, kiên quyết trừ khử

những vọng tình trong tâm họ mà ra. Nếu ngay trong lúc bình thời đã đề phòng sẵn, thì lúc gặp cảnh đưng duyên, phiền não sẽ chẳng phát khởi. Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây hoàn toàn thuộc về huyền vọng, cầu lấy thực thể, thực tánh của Ngã hoàn toàn chẳng thể được thì đã không có Ngã, nào còn có nhân cảnh (cảnh nơi nhân), nhân nhân (đối tượng con người nơi nhân) mà hồng sanh khởi những chuyện phiền não! Đây chính là phương pháp giải quyết tối thiết yếu từ trên căn bản vậy!

Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã Không, hãy nên nương theo pháp Ngũ Đình Tâm Quán do đức Như Lai đã dạy để đối trị (*Ngũ Đình Tâm nghĩa là dùng năm pháp này để điều hòa, ngưng lặng cái tâm, khiến cho tâm an trụ, chẳng bị chuyển theo cảnh nữa!*) Có nghĩa là: Chúng sanh nhiều tham thì hành Bất Tịnh Quán; chúng sanh nhiều sân thì hành Từ Bi Quán; chúng sanh nhiều tán loạn thì hành Sở Tức Quán; chúng sanh ngu si thì hành Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng thì hành Niệm Phật Quán. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Còn là phàm phu, ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời; tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nổi bộc phát. Dầu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng kể ra những cảnh gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy thứ như tài sắc và thuận - nghịch mà thôi. Nếu biết của cái vô nghĩa, hại quá rần độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cầu thả. [Biết] tạo phương tiện cho người, rớt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, khi gặp kẻ cùng quần, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu, sẽ không bị phiền não bởi tiếc của rồi chẳng chịu giúp cho. Về sắc thì dầu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dầu nhìn thấy kỹ nữ, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không bị phiền não “thấy sắc đẹp động lòng ham muốn”. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thể thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì không bị phiền não “do ham sắc dục đến nổi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể trưởng thành”. Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não “con cái nghịch đối với cha mẹ, bại hoại môn phong”. Còn như gặp kẻ ngang ngược, hãy nên sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét.

Lại nên nghĩ do mình đời trước từng não hại nó nên nay mới gặp cảnh này hồng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ, sẽ không có phiền não báo thù ngang trái. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ. Nếu là bậc đại sĩ tu lâu đã hiểu rõ Ngã Không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 4*)

* Con người hằng ngày khổ sở trong phiền não, vẫn chẳng biết là phiền não. Nếu biết là phiền não thì phiền não sẽ tiêu diệt. (*Tâm vốn là Phật, nhưng do phiền não chưa trừ, oan uổng làm chúng sanh. Nhưng nếu có thể tiêu diệt phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện. Xin xem lá thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần trong bộ Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Ví như tướng lâm gã trộm cắp là người nhà thì tất cả của cải trong nhà đều bị hấn trộm mất. Nếu biết là giặc, hấn liền trốn đi. Vàng chẳng luyện chẳng ròng, đao chẳng mài chẳng bén; chẳng từng trải phiền não thì gặp cảnh phiền não tâm thần sẽ tán loạn. Biết nó chẳng có thể lực gì, chuyện nhọc tâm mệt trí nảy sanh đều do ta tự chuốc lấy.

Kinh dạy: “*Nếu biết Ngã Không, ai bị hủy báng?*” Nay phỏng theo đó, nói: “*Nếu biết là vô ngã, phiền não nào sanh?*” Thí dụ của ông rất có đạo lý. Cổ nhân nói: “*Vạn cảnh bốn nhàn, duy tâm tự náo. Tâm nhược bất sanh, cảnh tự như như*” (Muôn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự rộn. Nếu tâm không sanh, cảnh tự như như). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 4*)

* Tam Chương là Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. Phiền Não chính là vô minh, còn gọi là Hoặc, tức là chẳng hiểu lý (*[“chẳng hiểu lý”] chính là tham - sân - si*), làm lạc khởi lên các thứ tâm niệm chẳng thuận lý (*Muốn diệt những tâm niệm chẳng thuận lý, trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp đều là Khổ, là Không, là Vô Thường, là Vô Ngã, thì ba độc tham - sân - si không cách gì dấy lên được. Hãy xem lá thư gởi cho ông Tạ Dung Thoát trong Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên*).

Nghiệp tức là do cái tâm “tham - sân - si phiền não” bèn làm những chuyện ác giết - trộm - dâm v.v... vì thế gọi là Nghiệp. Nghiệp đã thành, thì tương lai nhất định phải chịu các thứ khổ báo. Tam Đồ: Đồ (途) là đường, là nẻo, có nghĩa thông với nhau. Do các ác nghiệp giết - trộm - dâm nên sẽ chịu ác báo trong Tam Đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn - 6*)

* Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh

trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bản như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được! Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó thể nghĩ suy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Sân tâm chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa! Đây chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thảy chúng sanh, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu nhé! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh – 2*)

* Tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Ngu si nghĩa là hoàn toàn không có tri thức, tức là nói thể nhân đối với cảnh duyên thiện - ác chẳng biết đầy đủ là do túc nghiệp chuốc lấy, do hành vi trong hiện tại cảm lấy, lầm lạc bảo là không có nhân quả, báo ứng, và những chuyện đời trước, đời sau v.v... Hết thảy chúng sanh không có con mắt Huệ, nếu không chấp Đoạn thì lại chấp Thường. Chấp Đoạn là nói con người bẩm thụ khí chất của cha mẹ mà sanh ra, trước lúc được sanh ra vốn chẳng có vật gì, đến lúc chết rồi, hình hài đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm gì có đời trước cũng như đời sau! Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi cõi này đa phần nói như thế. Chấp Thường là nói con người thường làm người, súc vật thường làm súc vật; chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển.

Thời cổ có kẻ cực độc từ ngay nơi thân ấy biến thành măng xà, có kẻ cực tàn bạo, ngay từ chính nơi thân ấy biến thành cọp. Ngay trong lúc nghiệp lực đang mạnh mẽ, dữ dội, còn có thể biến đổi được hình thể,

huống chi nhằm lúc sau khi chết đi, trước lúc được sanh ra, thức do nghiệp lôi kéo mà chuyển biến ư? Do vậy, đức Phật nói mười hai nhân duyên chính là lời luận bàn xuyên suốt cả ba đời. Nhân trước ắt cảm lấy quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Báo ứng thiện - ác, phước - họa xảy đến đều do tự mình làm, tự mình chịu, nào phải trời giáng xuống! Chẳng qua do hành vi của người ấy mà trời đứng ra làm chủ mà thôi²⁶⁷. Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực, muốn khôi phục bản tâm để liễu sanh tử mà bỏ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì chẳng thể được! Ba thứ Tham - Sân - Si là căn bản của sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba thứ ấy thì cần phải tu ba pháp này. Ba pháp này tu đắc lực thì ba thứ ấy tự tiêu diệt. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy, chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền thành cội gỗ, như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết nghĩa này, dầu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan, cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi. Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết bản phận của mình. Như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói “*nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần, vẫn đồng Chánh Giác*” chính là nói về điều này vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như*)

* Muốn cho chân tri hiển hiện thì trong lời lẽ hành vi hằng ngày phải thường khởi giác chiếu, chẳng để cho hết thấy tình tượng trái lý tạm chớm trong tâm. Thường khiến cho tâm này rộng sáng thông suốt, như gương đặt trên đài, hễ có cảnh liền hiện bóng, chỉ chiếu cảnh trước gương, chẳng bị cảnh chuyển. Xấu - tốt tự nó, can chi đến ta? Đến chẳng mong ngóng, đi không lưu luyến. Nếu tình tượng trái lý vừa mới chớm nẩy, liền nghiêm ngặt đối trị, trừ khử cho hết sạch. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa đức bản kèm lưu thông sách Tứ Huân của ông Viên Liễu Phàm*)

* Một niệm của chúng sanh và một niệm của Phật không hai, do mê

²⁶⁷ Tức là đứng ra làm người thực hiện họa phước ứng với nhân quả chứ không phải trời cố ý giáng họa hay ban phước!

chưa ngộ nên toàn bộ trí huệ đức tướng biến thành phiền não nghiệp khổ. Tâm vốn là một, do mê - ngộ sai khác nên khổ - vui khác biệt! Do vậy, biết: Một niệm tâm tánh vốn là biển trí huệ công đức. Do phiền não chướng lấp, không có trí huệ chiếu tỏ thì toàn thể biến thành biển phiền não nghiệp khổ. Nay dùng trí huệ giác chiếu thì biển phiền não nghiệp khổ liền biến thành biển trí huệ công đức. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3*)

* Bản thể của cái tâm chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí huệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chung luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não Hoặc nghiệp của phàm phu, ngũ hầu phiền não Hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: *“Tâm tức Phật, Phật tức tâm”*. Chưa đạt đến địa vị ấy [dẫu có nói *“Tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật”*] thì chẳng qua là dạy về thể tánh [của cái tâm] mà thôi! Nếu luận về Tướng (sự tướng) và Dụng (lực dụng) thì đều hoàn toàn chẳng phải! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh*)

* Niệm Phật cũng là pháp dưỡng khí điều thần, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục! Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thấy tạp niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt. Hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng. Cứ thử niệm đi! Sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày, sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu cảm thấy có vọng niệm, đây là do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, nếu không niệm thì chẳng thấy rõ [tâm có vọng niệm]. Ví như trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi! Do ánh nắng thấy rõ bụi trong nhà, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh.

Không Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường,

thấy Châu Công trong mộng! Đây là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật! Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, Hoặc nghiệp nhiễm ô, nên Phật dạy hãy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cứu*)

* Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (Đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được! Cách để làm sáng tỏ [Minh Đức] là “*khắc chế ý niệm*”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “*tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật*”.

“*Vật*” là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài! Do những tư dục này kết chặt trong tâm, nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đây đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ *Vật* này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dẫu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây [lớn], trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết “*vật*” ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta, thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì “*ý thành, tâm chánh, thân tu*” sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế.

Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thảy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi trong sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy “cách vật trí tri” mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn Hội Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lãn Ngạn*)

* Ông hai mươi một tuổi, biết làm văn làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn náu mình, đừng cậy thông minh khinh người! Học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy*)

* Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), Quang đến Nam Kinh, ông Ngụy Mai Tôn (*làm quan Hàn Lâm, lúc ấy đã sáu mươi tuổi*) nói với Quang: “Đối với Phật pháp, tôi cũng tin tưởng, cũng chịu niệm Phật, sách Văn Sao của Sư tôi cũng đã đọc rồi, nhưng ăn chay chưa được!” Quang nói: “Người phú quý khó quên tập khí, ông muốn ăn chay xin hãy đọc kỹ bài Sớ Quyên Mộ Lập Áo Phóng Sanh tại Nam Tầm, hãy đọc nhiều lượt sẽ tự có thể không ăn thịt”. (*Bởi phần đầu bài văn ấy giảng “tâm chúng sanh và tâm Phật không hai, tiếp đó, dạy chúng sanh trải bao kiếp lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra nhau, giết lẫn nhau. Tiếp đến, dẫn kinh Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già để làm chứng. [Đọc bài văn ấy xong] chẳng những không ăn, mà còn chẳng dám ăn! Xin xem phần Pháp Ngữ trong pháp hội Túc Tai*) Nói lời ấy vào ngày Mười Hai tháng Tám, đến tháng Mười là ngày sinh nhật sáu mươi tuổi của ông ta, sợ thương tổn tình cảm người khác, ông qua Kim Sơn dự sinh nhật, về nhà liền ăn chay trường. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân*)

* Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm, tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm cần những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí! Chẳng biết những kẻ mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc [đem thân]

trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gạt lấy quả báo “tốt đẹp, chân thật” do thứ phước trí ấy!
(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thân)

* Ông đã biết [chính mình] tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ “ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác”; dấu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thầy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phạm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác!
(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy)

* Nghĩa lý trọng yếu trong Phật pháp chính là “tâm không chấp trước”. Nếu đã sẵn mang lòng chấp chết cứng [cầu] được đủ mọi cảnh giới lợi ích là đã ươm sẵn cái họa bị ma dựa. Nếu trong tâm rộng rang, trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào khác thì được, may ra sẽ chứng đắc vậy.
(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Minh Đạo)

* Tự Tri Lục chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma. Cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiều muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gởi cho Quang một gói; còn Quế Tiều tự viết thư cho Quang, cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu truyền rộng rãi.

Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn đề nguyên gói sách gởi trả lại cho Quế Tiều, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy. Bởi lẽ, [sách ấy sẽ] lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này, do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ và khi vừa được thấy cảnh ấy, họ liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao [cứu giúp người ấy] được!
(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Thiệu Viên - 2)

* Chuyện sắc dục là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn, nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ vì chẳng phá được cửa ải này, đâm ra trở thành kẻ hạ ngu bất tiêu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu!

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống - chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!*” Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đầu dứt trừ bệnh này, sẽ khó thể thoát lìa sanh tử. Ngay như pháp môn Niệm Phật tuy có thể đối nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm cố kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao! Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thấy nữ nhân đều khởi thân tướng, oán tướng, bất tịnh tướng:

1) Thân tướng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con. Dục tâm dầu lừng lẫy, trọn chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thấy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được!

2) Oán tướng là phàm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị, so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc²⁶⁸ gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy nếu vẫn cứ quyen luyện mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội ư?

3) Bất tịnh là vẻ đẹp lộng lẫy rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu, lông, tóc, đằm đìa, rờn rờn, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được! Nhưng do lớp da mỏng bao bọc,

²⁶⁸ Phê sương (砒霜, đúng ra phải đọc là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là Thạch Tín hoặc Nhân Ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim Trầm (鵩, còn đọc là Trầm), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rút xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

nên làm sanh ái luyện; bình đẹp đặng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp đẽ, những thứ được bọc trong đó còn gớm ghiếc hơn phân nữa! Há nên yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bẩn thỉu chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư?

Nếu chẳng khăng khăng kiêng sợ, đau đầu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên yêu thương lọt thấu xương chẳng thể nhỏ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được! Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi!

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dầu không thấy cảnh, ý vẫn vẩn vương, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Dũng Giang*)

* Tôi thường nói trong mười phần nhân dân của thế gian thì những kẻ chết trực tiếp vì sắc dục chừng bốn phần, kẻ gián tiếp bị chết cũng phải là bốn phần, tức là do sắc dục gây hao tổn, chịu những cảm xúc khác mà chết. Những kẻ bị chết ấy không ai chẳng đổ thừa cho số mạng, nào biết vì tham sắc mà chết, đều chẳng phải do số mạng. Nếu là [chết vì số] mạng thì phải là người giữ lòng thanh tịnh, trinh lương, không tham dục sự; những kẻ tham sắc kia tự tàn hại đời mình, há có thể nói là vì mạng ư? Còn những người do mạng mà sống, mạng hết bèn chết thì chẳng qua chỉ được một hai phần mà thôi!

Do vậy biết quá nửa thiên hạ đều là kẻ chết oan uổng, mỗi họa này khốc liệt có một không hai trong cõi đời, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Cũng có cách chẳng phí một đồng, chẳng tốn chút sức mà trở thành bậc đức hạnh cao tột, hưởng yên vui cực lớn, để lại phước âm vô cùng cho con cháu, khiến đời sau được quyền thuộc trinh lương, có phải chỉ là kiêng dè dâm đó ư?

Trước kia tôi đã trình bày đại lược về sự lợi - hại trong dâm tình chánh đáng giữa vợ chồng nay không bàn đến nữa. Còn chuyện tà dâm vô liêm, vô sỉ, cực ấu, cực ác, chính là dùng thân con người làm chuyện thú vật. Do vậy, gái đẹp đến tăng tị, nữ nhân yêu mị đến quyền rũ, quan

tử xem như mỗi họa ương không gì lớn bằng nên bèn cự tuyệt, ắt được phước diệp²⁶⁹ chiếu soi, hoàng thiên che chở; tiểu nhân xem điều đó như hạnh phúc không gì lớn lao bằng bèn nhận lãnh, ắt đến nỗi tai tinh giáng xuống, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế nói: “*Họa phước vô môn, do con người tự chuốc lấy*”.

Nếu đối với cái ả nữ sắc người đời chẳng thể thấy thấu triệt sẽ khiến cho đức hạnh cao tốt, an lạc cực lớn, phước âm vô cùng để lại cho con cháu, quyền thuộc trình lương trong đời sau bị khoanh khắc khoái lạc đoạt hết! Buồn thay! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hôi Cuồng*)

* Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục. Hãy nên thường giữ tâm kiên sợ, đừng để nảy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm điều quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư? Mạnh Tử nói: “*Sự thực vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thực vi đại? Thủ thân vi đại*” (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn).

Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đây chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: “*Phóng tâm vô lự*” (Tâm thanh thoi không lo lắng). Kinh Thi chép: “*Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phụ*” (Dè dặt, đề phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì là lũ phạm tục, tầm thường chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thu Dung*)

* Hễ mỗi khi những ý niệm phần nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v... ngẫu nhiên chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: “Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?” Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày, hết thấy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác

²⁶⁹ Diệp (曜) và tinh (星) đều có nghĩa là những ngôi sao, phước diệp là ngôi sao tốt lành, tai tinh là ngôi sao rui ro. Phước diệp và tai tinh có nghĩa là vận tốt và vận rui.

đều không cách chi dấy lên được! Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, dám bảo đảm chẳng cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hồ Tác Sơ*)

* Nghiệp chướng nặng nề, tham sân lừng lẫy, sức yếu, tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phẩm Phổ Môn nói: “*Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa khỏi*”. Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ vực thì cầu gì chẳng được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

4. Luận về cách giữ gìn tâm lòng, lập phẩm vị

* Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (*tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức*), từ tâm không giết (*nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết*), tu Thập Thiện nghiệp (*tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si*).

Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là “*thiện nhân*”.

Người lành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

* Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình có nhiều, nhưng những người

không được như mình cũng chẳng ít! Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên). Như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ Đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly.

Phải biết phàm phu đầy dẫy phiền não, nếu không khổ vì bản cùng, tật bệnh v.v... ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lừng lẫy, quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai? Mạnh Tử nói: *“Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nấy sanh tánh Nhân, tăng thêm [khả năng làm được] những điều người ấy không thể làm”*. Do vậy, biết rằng: Trời muốn thành tựu người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là *“trách nhiệm lớn”* như Mạnh Tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo - bệnh vùi dập thì phàm Hoặc ngày càng lầy lừng, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra.

Cổ đức từng nói: *“Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi”*, chính là nói về điều này vậy. Hãy nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyền, Phật pháp không linh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 2*)

* Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phàm phu thế gian đó thôi. Nếu là thánh nhân đắc đạo cô nhiên biết rành rẽ; chư thiên, quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả

báo đắc Tha Tâm Thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật: Tha Tâm đạo nhãn thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi!

Nếu tự mình biết thì thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v... chẳng vị nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dầu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác. Dầu nơi người ta không biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm (*ý niệm vừa mới chớm, còn kín nhiệm mà tội phước đã cách biệt một trời, một vực. Xin đọc lá thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (bức thứ tư) trong Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*), bởi lẽ, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát v.v... đều cùng biết. Dầu là kẻ không biết hỏ thẹn, hể biết được nghĩa này, cũng sẽ hỏ thẹn vô ngần, huống gì bậc chân tu thực tiễn!

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ chư thánh - phạm đều biết, đều thấy. “*Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo*”²⁷⁰, vẫn chỉ là lời nói thiền cận ước theo tình kiến thế gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao. Do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng Pháp Giới Tạng Tâm sẵn có nơi tự tâm, phạm hết thấy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì có sao? Vì cùng bản thọ Chân Như, ta - người không hai. Nếu biết nghĩa này, ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoát đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được! (*Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự. Nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện*) (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 2*)

* Người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan

²⁷⁰ Nguyên văn: “*Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh*”. Canh tường (羹 墙) là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh đều thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. “Thận độc” (慎 獨) là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng câu thả. “Khâm ảnh” (襟 影) là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (襟 影 無 愧: chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy “thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế sẽ là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt, thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp! Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đặng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ! Đấy chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời! Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt - 2*)

* Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thế hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa “chỉ thiện không ác” thì trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được! Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 1*)

* Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu chuyên chú chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến để tu tập Tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chường như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế, kinh nói: “*Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối*”.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm không hối thật sự, nói gì cũng vô ích! (*Nếu chẳng sửa lỗi, tu thiện, thì có báo là sám hối vẫn chỉ là nói suông, chẳng được lợi ích thật sự, xin xem bức thư thứ hai trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành trong Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*). Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh! Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng, mười ngày lạnh, chỉ uống có hư danh, chẳng ích lợi mấy may gì! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

* Học thánh, học Phật đều lấy “giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc. Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài năng, noi theo cổ nhân, tận tụy đời theo đường lối thực tiễn. Làm được như vậy thì học vẫn lẫn phẩm hạnh đều vượt trội những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng. Kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ! *(Phàm suy nghĩ, xử sự, đều phải sao cho nhân hậu. Nhân hậu thì được phước, bạc bẽo sẽ chẳng được phước gì! Nếu lại khắc bạc, hiểm độc, gian xảo sẽ giống như ngọn núi cao chót vót, mưa cách nào cũng không thấm ướt được, bất cứ cây cỏ nào cũng đều chẳng mọc được. Hãy đọc lá thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh trong bộ Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên)* (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* Một chữ Trung (忠) có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Nếu con người giữ tâm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bốn phận. Do trọn hết bốn phận nên đối với những chuyện thuộc về bốn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dối gạt, người mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy! *(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục)*

5. Đánh giá các phương pháp tu trì

* Trộm nghĩ: Pháp môn tu trì có hai thứ bất đồng. Nếu cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ để đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử thì gọi là “pháp môn theo đường lối thông thường”. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật để cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là “pháp môn đặc biệt”. Đường lối thông thường thì hoàn toàn cậy tự lực, còn đường lối đặc biệt thì tự lực lẫn Phật lực đều có. Nếu có công tu Định - Huệ đoạn Hoặc sâu xa nhưng không chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu vãng sanh, thì vẫn thuộc về tự lực.

Nay dùng thí dụ để chỉ rõ: Đường lối thông thường giống như vẽ núi sông, ắt phải từng nét bút, từng vạch một mới dần dần vẽ thành. Còn [pháp môn] đặc biệt như chụp cảnh sông núi, dầu cho mấy mươi tầng núi non um tùm, chụp một cái liền đầy đủ. Lại nữa, đường lối thông thường như đi đường bộ, người mạnh mẽ một ngày bắt quá đi được một trăm mười dặm; còn pháp môn đặc biệt như cưỡi Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu.

Chúng ta không có tư cách thành Phật ngay lập tức, lại không có thật chứng “đoạn được Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo ác nghiệp”, nếu chẳng chuyên tu Tịnh nghiệp để hòng cậy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh thì chỉ e đến tột cùng đời vị lai vẫn cứ phải chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo không cách gì thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Nguyên những người cùng hàng với tôi đều sanh chánh tín. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện*)

* Chớ bảo duyên tướng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tướng nhiều vị Phật. Phải biết A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, một mình Phật A Di Đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thâm trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa.

Nếu là bậc đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mặt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chương sâu huệ cạn rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư Tổ các đời đều dạy [hành nhân Tịnh Độ hầy] nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lý do này.

Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, thấy đều đầy đủ. Cổ nhân nói: “*Đã tắm trong biển cả ắt dùng nước trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An chi nữa!*” có thể nói là hình dung [ý này] khéo nhất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức đều theo đường trở về nhà. Pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiên và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiên chỉ có

Tự Lực, Tịnh kiêm Phật Lực. So sánh hai pháp, thì Tịnh khế cơ nhất. Như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ kham hành được pháp này. Nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành!

Phát đại Bồ Đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diêu nghĩa Thiên Giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, lên thẳng Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: “*Cạn lòng thành, tận lòng kính*”, màu nhiệm làm sao! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Ngô Bích Hoa*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: *Trong Văn Sao đã giảng rõ sự khó dễ giữa Thiên và Tịnh cũng như lợi ích của sự thành kính không biết bao lần, dặn đi nhắc lại, chỉ có mười câu này đã bao quát không còn sót chút nào!*

* Chớ bảo pháp Trì Danh là thiên cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng! Phạm trong bốn cách niệm Phật chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diêu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diêu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được Thật Tướng, chẳng cần quán tượng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tượng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diêu. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước, hoặc là quán tướng Bạch Hào²⁷¹ của Như Lai,

²⁷¹ Bạch Hào (Urna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuyễn bạch đầu-la-miên tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một Tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch Hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh

hoặc quán tướng pháp Tập Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt Lý chẳng thể không biết, nhưng về mặt Sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp để tu, rất có thể khởi lên ma sự! Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm lầm lạc nảy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: “*Chẳng khởi tâm tưởng là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành; nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà*”. Mong ông hãy nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh*)

* Quán tướng thì chỉ cần quán sao cho đặc lực, cần gì phải quán từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, [các phép Quán] về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường*)

* Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy: “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”. “*Làm Phật*” là quán tướng tượng Phật, ức niệm Phật đức cũng như Phật hiệu; “*là Phật*” nghĩa là lúc quán tướng, ức niệm, thì tướng hảo trang nghiêm, phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của Phật đều hiện trong cái tâm quán tướng, ức niệm ấy, như gương soi hình, giống hết như nhau, không hai. Như vậy, nếu tâm chẳng làm Phật thì tâm chẳng phải là Phật; tâm làm tam thừa thì tâm là tam thừa; tâm làm lục đạo thì tâm là lục đạo.

chói ngời, quang minh ấy gọi là “bạch hào quang”. Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ tức nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, tướng Bạch Hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (Theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

Bản thể của tâm giống như một tờ giấy trắng, tác dụng thiện ác nhân quả của tâm giống như vẽ Phật hay vẽ địa ngục, đều tùy tâm hiện. Bản thể tuy đồng, nhưng tạo tác thật khác. Vì thế nói: “*Chỉ là thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh*”, chúng ta chẳng nên thận trọng nơi những gì mình nghĩ, mình làm ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật*)

* Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gấp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dòi, ắt sẽ bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thầy pháp môn trong cả một thời giáo hóa [của đức Phật]. Như pháp Chi Quán của tông Thiên Thai, pháp Tham Cứu Hương Thượng của nhà Thiên đều là nó cả, tức là niệm đức Phật Thiên Chân²⁷² nơi tự tánh vậy... Niệm đức Phật nơi Thật Tướng như thế nói có vẻ dễ dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc đại sĩ tái lai, ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này?...

Một pháp Trì Danh là đại pháp môn “*Sự chính là Lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật*” vậy. Do Trì Danh biết được Thật Tướng ngay nơi Thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách Trì Danh, cứ chuyên tu Thật Tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v... vẫn còn là bậc thượng! Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân - 2*)

* Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra [các kinh Tịnh Độ], chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trọng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. [Đức Phật đã] vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp Trì Danh, tức là Quán Kinh vẫn lấy Trì Danh làm hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói căn kẽ thệ nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đây chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bản (kinh A Di Đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bản chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo

²⁷² Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.

Tiểu Bồn, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đôi với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lạy, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được! Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đây vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Tế Thiện*)

* Tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn “*vạn người tu, vạn người đến*” thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng nhất! Trước hết, phải thấu hiểu được nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thầy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ La Thế Phương*)

* Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy “*tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên Thượng Phẩm cõi Cực Lạc*” làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu đại triệch đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kẻ khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ. Người vãng sanh mà chẳng khai ngộ thì trong vạn người chẳng có một ai. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu - 8*)

* Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng chẳng trở ngại gì! Nếu muốn gặp thấy Phật, tâm niệm lằng xằng, cái ý niệm muốn thấy Phật có kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân Phật hầu báo túc oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy [Phật hay cảnh tượng tốt đẹp do kẻ thù trong đời trước biến hiện] bèn sanh hoan hỷ, từ đây ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng. Dẫu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được! Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt - xấu! Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được

thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thẳng tắn. Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ, quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời soi đất. Nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa sáng, toàn thể gương là cầu uest thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quý quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Quang sợ ông không khéo dụng tâm đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo gì không khai ngộ*”. Nay tôi cũng bắt chước nói đuôi rằng: “*Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy!*” Biết điều này, hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh*)

* Trong lúc bế quan dụng công, hãy nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất, sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước. Đã nhất tâm, sẽ nhất định có cảm thông. Hễ cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gập hình liền hiện bóng, hình tự lãng xãng, can chi đến mình! Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoàng Nhật*)

* Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiên Tông, Tướng Tông²⁷³, Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ²⁷⁴ nhà Thiên, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết: Thiên dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng Tông thì nếu không phá sạch Ngã Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng²⁷⁵, cũng giống như “kể

²⁷³ Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

²⁷⁴ Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiên tánh, chẳng hạn như “Phật là gì?” Thiên Sư bèn đáp “con mèo treo lên cây cột”.

²⁷⁵ Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là “danh tướng”. Một cách giải thích khác:

chuyện ăn, đêm của báu”, rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật Tông thì tuy nói là có thể “thành Phật ngay nơi thân hiện tại”, nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được! Phàm phu làm sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người [bị như vậy]. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một vị cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương về, ngõ hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự! Ất phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường, ngõ hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ mà sẽ được những lợi ích sâu hay cạn! Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ.

Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận nhưng chẳng thật hành pháp môn Tịnh Độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc Một Vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc A Già Đà Nhất Vị trị chung vạn bệnh này mà chẳng lành. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên*)

* Thiên Tông thường nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. “Minh tâm kiến tánh” là đại triệt đại ngộ. Nói “kiến tánh thành Phật” là đích thân thấy được đức Phật thiên chân nơi tự tánh thì gọi là “thành Phật”. Đây chính là “lý tức Phật” và “danh tự tức Phật”, chứ không phải là Cứu Cánh Phật phước huệ viên mãn! Vị ấy tuy ngộ đến chỗ cùng cực, đích thân thấy được Phật Tánh, nhưng vẫn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Nếu có thể rộng tu Lục Độ, trong hết thủy cảnh duyên đều đối trị tập khí phiền não cho thanh tịnh không còn thừa sót, sẽ có thể liễu sanh thoát tử, vượt ra ngoài tam giới, chẳng ở trong lục đạo nữa. Thời đức Phật còn tại thế, hạng người như vậy rất nhiều, trong thời Đường - Tống

Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

vẫn còn có, nay thì đại triệt đại ngộ còn chưa dễ được, huống là bậc hết sạch phiền não ư?

Thuyết “hiện thân thành Phật” hoặc còn gọi là “tức sanh thành Phật” (thành Phật ngay trong đời này) của Mật Tông giống như thuyết “kiến tánh thành Phật” của Thiền Tông, đều ứng theo công phu rất sâu mà nói. Chớ nên tưởng lầm là thật sự có thể thành Phật ngay trong thân này! Cần biết rằng thành Phật ngay trong thân này, chỉ có mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà thôi! Ngoài ra, dầu là cổ Phật thị hiện, cũng không có chuyện “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân hiện tại)! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Chí Thành - 1*)

* Thiện Đạo hòa thượng là Di Đà hóa thân, có đại thần thông, có đại trí huệ, xiển dương Tịnh Độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn để dạy người khác tu trì. Lời dạy của Ngài về hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu lợi ích vô cùng:

1) Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (*phàm những khi đi nhiều và hết thấy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ*), khẩu nghiệp chuyên xưng (*phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng*), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một.

2) Tạp Tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất, nên khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh!

Đây là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* Mỗi ngày, lượng theo sức mình niệm Phật và trì chú Đại Bi để làm căn cứ tự lợi, lợi tha. Suốt đời chẳng thụ nhận một đệ tử xuất gia nào, chẳng nhận làm Trụ Trì chùa nào cả! Đối với hết thấy mọi người đều dùng “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để khuyên nhủ. Bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều phải chú trọng trọn hết bổn phận con người nhằm làm cho hết thấy mọi người trước hết làm một người hiền, người lành trong thế gian, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực siêu phàm nhập thánh, vãng sanh Tây Phương! Trọn chẳng nói với người khác những lời lẽ lớn lao khiến họ không thể thực hiện được, mặc cho người ta bảo

mình là hạng Tăng chỉ biết cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì. Đại lược là như vậy đó! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Trích lược lời đại sư tự thuật*)

* Người khác dạy người, đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ “*tận hết bốn phận*”. Nếu chẳng thể tận hết bốn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tốt đầy mọi sự trong Thiên, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho tam thể chư Phật bị oan uổng mà thôi! Huống chi còn có sự chưa thể [thông hiểu] tận nguồn thấu đáy ư! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 11*)

* Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả ! Trước hết, hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng [do trích máu chép kinh mà] huyết hao, thần suy, đâm ra biến thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp Thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ đạt được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoằng Nhất - 2*)

* Cư sĩ tu chân ngay trong cõi tục, tùy duyên tăng tấn đạo nghiệp, giữ gìn một câu Di Đà làm bốn mạng nguyên thân, ôm ấp hai chữ “*hồ thẹn*” để dùng làm bậc thang dựa vào cõi thánh. Chẳng chán nhiều phen trèo lên thánh địa, sao chép những tông tích để mở rộng tai mắt cho người khác.... Thật có thể nói là cư sĩ đã “*vì pháp quên mình*”, nhưng trong sự thấy biết ngu muội của Quang thì có lẽ nên dừng bước nghỉ ngơi! Nếu vẫn muốn du hành rộng khắp thì hãy nên dùng thần thức để du hành, chẳng cần phải dùng thân.

Ba kinh Di Đà, một bộ Hoa Nghiêm dùng làm lộ trình để du hành, tham phỏng, ngồi yên trong ao bảy báu mà dạo khắp thế giới Hoa Tạng thì thần thức càng đạo đi, thân càng mạnh mẽ, niệm càng trọn khắp mà tâm càng chuyên nhất. Tịch thì một niệm cũng chẳng thể được, mà Chiếu thì vạn đức cũng vốn sẵn đủ, Tịch - Chiếu viên dung, Chân - Tục chẳng hai. Mười đời xưa nay hiện trong đương niệm, vô biên sát hải²⁷⁶

²⁷⁶ Sát Hải: nói đủ là “sát độ đại hải”, từ ngữ dùng để chỉ mười phương thế giới hay vũ trụ. Sát tức là chữ Ksetra (sát-độ) nói gọn. Một Ksetra nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới, tức khu vực giáo hóa của một đức Phật. Do sát-độ của chư Phật vô lượng vô biên nên dùng chữ Hải (biển) để hình dung số lượng rộng lớn không thể tính xuể được.

niệp về tự tâm. So với chuyện khoác sao đội trắng, xông mưa đột gió, kinh sợ khi vào chốn vực sâu, hải hùng trong cảnh nguy hiểm thì còn gấp mấy lần [sự sai khác] giữa một ngày và cả kiếp! Tôi thấy biết hèn tẻ như thế đó, chẳng biết cư sĩ nghĩ sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên - 8*)

* Các hạ chưa đầy ba mươi tuổi mà đã hiện tướng suy yếu, cố nhiên hãy nên bỏ [cái học] rộng rãi để giữ lấy chỗ ước lược, hãy chuyên tu Tịnh nghiệp. Khi Tịnh nghiệp đã thành tựu lớn lao rồi, sẽ hoằng dương các pháp khác ngõ hầu thật sự tự lợi, lợi tha. Nếu không, tuy có thể lợi người, nhưng [những pháp ấy] vẫn chưa phải là đạo rốt ráo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh - 1*)

* Người tu Tịnh nghiệp chớ nên dính vào chút điểm xảo thuật nào. Nếu vẫn thích những chuyện kỳ lạ, không ưa chuyện bình thường, ắt sẽ biến khéo thành vụng. Do điều này, người thông Tông thông Giáo thường chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật mà lại được ích lợi thật sự. Nếu chịu giữ nề nếp bình thường, đạm bạc, chất phác, thật thà thì sanh về Cực Lạc sẽ là điều có thể dự đoán chắc chắn được! Nếu không, chẳng sanh về Cực Lạc cũng là điều có thể đoán chắc được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 1*)

* Một pháp Niệm Phật chỉ những ai chết được cái trí kiến cuồng vọng mới có thể được lợi ích. Dầu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bôn mạng nguyên thần, thề cầu vãng sanh. Dầu đem cái chết bức bách, ép thay đổi đường lối cũng chẳng thể [thay đổi chí hướng]! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lắm tri nhiều kiến, [tâm] chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1*)

* Xem thư gởi đến, có thể nói là “phát đại Bồ Đề tâm để mong mình lẫn người đều được lợi”, nhưng thư viết “*tâm lợi mình nhạt nhẽo, tâm lợi người thiết tha*” cũng là ngữ bệnh! Chẳng thể tự lợi thì trọn chẳng thể làm lợi lớn lao cho người khác được! Hai điều ấy hãy nên chẳng phân biệt thân - sơ mới đúng. [Tự lợi và] lợi tha chính là một nguyên mà thôi, đối với tự lợi ắt phải dốc hết tâm lực, há nên đối với phương diện tự lợi lại nói là nhạt nhẽo, làm lạc học theo thân phận của đại Bồ Tát! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm - 1*)

* Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đây chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 1*)

Người biên tập kính cẩn góp lời: *Mùa Thu năm Dân Quốc 24 (1935), tôi ở Phổ Đà dâng thư lên Án Quang đại sư ở chùa Báo Quốc, thành phố Tô Châu, xin được quy y, liền được Ngài phúc đáp, ban cho pháp danh là Tông Kính và tặng cho tôi Tịnh Độ Ngũ Kinh, Mộng Đông Thiên Sư Di Tập v.v... mười mấy đầu sách. Thư phúc đáp còn dạy: Những chỗ giảng rõ về Tịnh Độ trong kinh Kim Cang rất ít, mỗi ngày dốc lòng thành tụng một biến là được rồi. Ngoài việc chuyên rông niệm Phật ra, ông hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh ba lượt không gián đoạn. Cho đến nay tôi vẫn tuân theo lời dạy ấy, chẳng dám quên!*

* Pháp sư Ngọc Phong tuy hành trì tốt đẹp, nhưng kiến giải về mặt lý nhiều chỗ thiên vị... Ngay như cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của ngài, về ý thì cũng chẳng phải là không tốt lành, nhưng dùng từ ngữ, lập luận thật mâu thuẫn với những bậc cổ đức. “*Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm*” là đã trái nghịch, làm lạc với toàn thể.

Kinh dạy người ta nhất tâm, Sư lại dạy người ta chẳng cầu. Chẳng trừ vọng tưởng mà có thể đạt được nhất tâm hay sao? Chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung. Há có nên vì chẳng thể đạt được mà chẳng giữ lấy pháp ấy hay sao? Nếu do chẳng đạt được mà dạy người khác chẳng giữ lấy pháp ấy thì chính là dạy người khác học theo pháp bậc hạ vậy!

Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Sư cực lực dạy người khác tán tâm niệm, chẳng tán dương nhiếp tâm niệm. Niệm Phật tuy hết thảy vô ngại, nhưng muốn đích thân chứng được tam-muội thì cố nhiên giữ tâm cho tịnh vẫn tốt hơn. Nếu chẳng thể tịnh thì cũng không trở ngại gì, đây chính là “ngay trong nơi động mà tịnh!” Sư một mực coi tịnh là tà, cho rằng [cố giữ cho tâm tịnh] là trái nghịch rất lớn ý chỉ “chấp trì danh hiệu, nhớ Phật, niệm Phật”, lỗi ấy không thể nào diễn tả được!

Hơn nữa, một pháp Niệm Phật bao gồm trọn vẹn hết thảy pháp môn

trong một đời [giáo hóa của đức Phật], mà một chữ Tịnh vẫn bị đặt ra bên ngoài thì há có đáng gọi là vị chân thiện tri thức trong Tịnh tông hay chăng? Mong lần sau tái bản hãy gạt bỏ [mục viết về sách] Tứ Đại Yêu Quyết, ngõ hầu kẻ sơ cơ chẳng đến nỗi mắc bệnh, mà người thông suốt cũng không do đâu mà chê cười được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 10*)

* Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn người khó được một kẻ! Hùng Tuấn, Duy Cung²⁷⁷ [được vãng sanh] là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết: “*Trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì*” (Trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tắc dụng công đều được chỉ ra (*Phiền là phiền não, tức là nói chung, còn Tịnh chuyên chỉ tâm dụng*). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1*)

* Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu [chỉ để] gieo thiện căn, dẫu đùa bỡn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dụng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn.

Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu [người ta] không chịu niệm, hãy bảo người ấy: “Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Triều Giác (Giác Minh) - 8*)

* Pháp Thập Niệm nhằm khiến cho tâm họ nương theo hơi thở để thâm nhiếp, không bị tán loạn. Sự mâu nhiệm của pháp ấy nếu không phải là người trí sẽ không thể biết được! Nhưng chỉ có thể dùng một lần vào buổi sáng, hoặc dùng ba lần: buổi sáng, buổi tối và giữa trưa, chớ nên dùng nhiều, dùng nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh! Chớ nên nói pháp này dễ nhiếp tâm nhất bèn sử dụng thường xuyên thì sẽ bị hại chẳng nhỏ đâu!

²⁷⁷ Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh Độ nên vẫn được vãng sanh (Xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

Niệm Phật niệm ra tiếng hay niệm thâm thì phải xét nơi chốn, hoàn cảnh như thế nào. Nếu tình hình nơi chỗ ta đang ở chẳng tiện niệm ra tiếng thì chỉ nên niệm nhỏ tiếng và niệm Kim Cang Trì, công đức chỉ ở chỗ chuyên tâm dốc chí, còn âm thanh vẫn là chuyện nhỏ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 4*)

* Ông muốn Quang dạy ông sao cho viên giác diệu tâm của ông được khai ngộ thênh thang (*tâm ấy chính là tâm do đức Phật đã chứng*), chân cảnh Tịch Quang thường được hiện tiền (*cảnh ấy chính là cảnh đức Phật ngự*), tuy bài nguyện văn của tổ Liên Trì tuy có câu này, nhưng đừng sanh lòng si dại mong đạt được ngay! Nếu muốn đạt được ngay, ắt sẽ bị ma dựa phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được! Ví như trẻ nít vịn tường để bước đi còn khó khỏi vấp té, nếu muốn bay lượn trên không, xem khắp bốn biển, há chẳng phải là nói mớ ư? Chỉ cầu vãng sanh, liền liễu sanh tử. Nếu muốn ngộ cái tâm này, thấy được cảnh này, vẫn cần phải tu dần dần thì mới ngộ được từng phần, thấy từng phần. Nếu [muốn] thấy trọn vẹn, ngộ trọn vẹn mà chưa thành Phật thì sẽ không thể được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* “Giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành”, nếu muốn học Phật đạo để thoát phàm tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh mà mong bay cao! “Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Phàm phu sát đất muốn liễu sanh tử ngay trong đời này mà nếu chẳng y theo bốn câu này sẽ thành “không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái”, muôn vàn chẳng có lẽ ấy! Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dự vào bậc thánh hiền, ắt lên cõi Cực Lạc. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thái Khê Thành - 3*)

6. Khuyên hành nhân hỷ nỗ lực

* Người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dẫn sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy²⁷⁸. Kinh dạy: “Ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các

²⁷⁸ Ngũ suy: Năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mào héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần nhơ nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và

khô dầy dầy, thật đáng kinh sợ” hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy. Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Với điều này còn không tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phạm phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phần, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 2)

* Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ. Nếu không vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ hết phước lực vẫn bị đọa lạc trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong Tam Đồ ác đạo! Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một mối đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoát chìm, thoát nổi, vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do)

* Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả Đại Tạng giáo. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật chân chánh. Nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì vẫn có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không? (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1)

* Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng. Nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngộ hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người được mấy? Một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thường pháp khí qua cơn mưa “tái sanh” lại trở thành bụi đất ư? (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 1)

mắt thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

* Cổ nhân nói: *“Bậc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dầu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!”* Như rồng thật hễ được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế giới; rồng đất dầu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có ích lớn lao cho người học Phật. Bất luận là rớt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta, chắc chắn sẽ chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa!

Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiết tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiết lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v... mà thành ra như vậy (*“Keo tiết lời nói khiến cho người khác mất mạng” là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy, lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v...)* Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật đễ trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết; điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không đọa làm ngạ quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngạ quỷ...

Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi đọa thẳng vào ngạ quỷ. Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi lợi tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì [ông ta được] vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật hễ cảm bèn ứng. Nếu quyến thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy! Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập

khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành, lánh dữ, lìa khổ được vui. Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì đến lúc lâm chung, chắc chắn chẳng có những hiện tượng đáng thương đáng xót ấy.

Như vậy, Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người; nhờ ông ta, mọi người sẽ được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huê vốn²⁷⁹ mà chính là lời bàn luận quyết định chẳng khi dối vậ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán*)

* Niệm Phật chẳng phân thánh - phàm. “Thánh” chỉ Tam Thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. “Phàm” chỉ lục đạo, tức thiên, nhân, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều. Vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều. Tu La do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất; nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây làm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội; chúng sanh đông nhưng nhúc mà có mấy ai [niệm Phật]? Đã biết nghĩa này, hãy nên dững mãnh tu trì, đừng để đến nỗi “muôn niệm mà chẳng thể niệm được” sẽ chẳng phụ rẫy cuộc sống và dịp gặp gỡ này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập*)

* Khi đưa con gái của ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam đi lấy chồng, nhà chàng rờ biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhạn²⁸⁰, ông ta

²⁷⁹ Nguyên văn là “*thủ thử lưỡng phụ*” là một thành ngữ hàm nghĩa do dự, không quyết định, đón gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là “nói huê vốn”.

²⁸⁰ Điện Nhạn Lễ (奠雁禮) là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Châu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ Nạp Chình (lễ giạm) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hề thấy chim Nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang Đông, chim Nhạn lại chung thủy

bèn đem chúng phóng sanh ở chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được ba năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi [đại chúng] lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vờn cô ngắm Phật.

Tháng Tư năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý. Sau đấy, con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy Duy Na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh, đừng luyện tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiều ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Từ - 2*)

* Cổ nhân nói: “*Sanh tử cũng lớn lao thay!*” Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ: Buồn xuống thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện niệm Phật là đại pháp. Đã biết chết đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực, lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương*)

IV. Luận Sanh Tử Đại Sự

1. Răn nhắc mạng sống vô thường

* Quang âm nhanh chóng, thời thế đổi dời trong từng sát-na, chẳng ngừng nghỉ đâu chỉ một niệm. Đấy chính là tạo vật hiện tượng lười rộng dài vì khắp hết thầy chúng sanh như bà với tôi mà nói: “*Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng tồn tại dài lâu, hãy gấp đi theo diệu pháp vô*

(khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng Nhận tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có Nhận. Về sau, do Nhận ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v...

thượng để khỏi bị trầm luân”. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy tỳ-kheo-ni X...)

* Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn! Nếu đợi đến lúc ra đi (lúc lâm chung) mới tu, chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh*)

* Cổ nhân nói: “*Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi*”. Sanh tử xảy đến, không dựa vào đâu được, chỉ có A Di Đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này quá ít; tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ - 2*)

* Cầu sanh Tây Phương không được sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói: “*Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ*” (Buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được); há đâu hôm nay phải chết, lại chẳng muốn chết. Đã tham luyện trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện Cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ!

Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dẫu phải sống tới một trăm hai mươi tuổi mới chết cũng xong. Hết thầy phó mặc nghiệp trước, chẳng làm lạc sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1*)

* Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: “*Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!*” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quả Cách*)

* Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai

chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết “chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được!” Do vậy, xót mình, xót người, thương ta, thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này! So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt vời vợi như trời với đất? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa - 1*)

2. Dạy hành nhân hãy chuyên cậy vào Phật lực

* Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hết thấy pháp môn đều phải dùng Giới - Định - Huệ để đoạn tham - sân - si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy đầy triển phước như chúng ta mà hòng mong mỏi được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương, thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia; ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải là bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải do đạo lực của chính mình. Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não, liễu sanh tử.

Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ rời lìa tín nguyện, chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ. Niệm Phật cốt yếu là nhiếp trọn sáu căn. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tại lắng nghe kỹ, đây chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc “chẳng lắng nghe, niệm tán loạn” khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thấy mọi người tu đều tu theo pháp này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trương Tịnh Giang*)

* Chúng ta đã luân hồi trong sanh tử bao kiếp dài lâu, đã tạo ác

nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch Hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương.

Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm; nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền²⁸¹ chẳng những không chìm, mà còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di Đà nguyện lực rộng lớn. Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho đoạn được phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xíu thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được!

Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh; vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất. Tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật; vì thế, được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh - 2*)

* Kinh Lăng Nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh Độ đọc đến sẽ cho kinh này là công thần bậc nhất để đả phá Tịnh Độ; còn người đã biết Tịnh Độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh Độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ám, vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu Viên Thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được. Hễ tịnh niệm tiếp nối bèn tự chứng được

²⁸¹ Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là “đại hỏa luân thuyền”.

Tam Ma (Chánh Định). Người biết tốt - xấu đọc đến có còn chịu chỉ cây vào tự lực, chẳng nương vào Phật lực hay chẳng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 7*)

* Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất. Nghiệp tiêu, bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được, vì chẳng nguyện vãng sanh! Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cây vào Phật từ lực được u? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vừa cực khó vừa cực dễ. Nói là khó thì [là do vì] bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được. Nói là dễ [là do vì] ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương. Những vị đại triệt đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đấng bỏ Phật lực, chuyên cây vào tự lực; một đấng chuyên cây vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Pháp này quan trọng nhất là Tín - Nguyện. Có Tín - Nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì. Chịu tu trì liền đạt được lợi ích vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân*)

* Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự*)

3. Dạy những điều thiết yếu về lúc lâm chung

* Một cửa ải lâm chung thật là khẩn yếu. Đời có kẻ ngu trong lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung, bèn bi thương, đau đớn, khóc lóc, tắm rửa, thay áo, chỉ cốt sao đẹp mắt người đời, chẳng tính kể đến chuyện gây hại cho người chết. Người không niệm Phật thì không nói làm chi, chứ

người mang chí hướng khẩn thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải hạng quyền thuộc này đa phần đều bị phá hoại chánh niệm, vẫn phải ở lại thế giới này. Trọ niệm lúc lâm chung ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may có sức của người đằng trước lồi, người đằng sau đẩy, người hai bên nâng đỡ nên bèn có thể lên đến được đỉnh cao chói vót.

Lâm chung chánh niệm rõ ràng bị phá hoại [bởi những chuyện như] tình yêu thương của quyền thuộc, dòi dối chổ v.v... Ví như dừng sĩ trèo núi, sức mình sung mãn, nhưng thân hữu, người quen biết đều đem những vật của họ giao cho đội vác. Đội vác quá nhiều nên sức kiệt, thân nhọc, nhìn vách núi lùi bước.

Lẽ được - mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra cũng do nghiệp lực thiện - ác của chính mình từ trong kiếp trước đã thành toàn hay phá hoại người khác mà ra. Phạm những người tu Tịnh nghiệp hãy nên thành toàn chánh niệm cho người khác và bảo cho quyền thuộc biết sẵn về lẽ lợi - hại, khiến cho ai nấy đều biết điều quan trọng nằm ở chỗ thần thức sẽ đạt được, chứ chẳng phải ở chỗ dễ coi thuộc về phương diện tình cảm thế gian, để khỏi phải lo lắng nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Phạm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian? Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc A Già Đà. Thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu. Người sống trong thế gian, bất luận lâu hay mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức hãy nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị tình thương yêu trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Hãy nên đem hết thầy chuyện nhà và sắc thân của chính mình toàn thân buông trọn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trị thánh

hiệu vạn đức hồng danh, nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si dại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm! Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa Bà này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Phương Thánh Dận*)

* Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu, chẳng cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương. Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thầy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thầy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v... y như cũ thì vạn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên*)

* Có chánh nhân Tịnh nghiệp, lại còn thêm tâm chánh tín tự niệm, quyền thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh! Kẻ chẳng thể vãng sanh đều là do tình ái dấy lên, chánh niệm liền mất. Đừng nói kẻ công phu nông cạn, dầu là người công phu sâu đậm, vẫn chẳng thể vãng sanh được! Do dùng tình kiến phàm phu để xử sự nên khí phận bị cách ngăn với Phật vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*).

* Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường! Trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sẵn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sứ Chung Tân Lương [cho họ đọc] để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyền thuộc khác sắp mạng chung, quyền thuộc trong nhà sẽ cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người [sắp mất] ấy giữ được chánh niệm, theo Phật

vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rỗng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tâm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyền thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục, kéo làm hỏng đại sự! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn*)

* Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Niệm Phật cũng có thể kéo dài mạng sống! Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện. Không phải là Niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ). Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập*)

* Kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh. Người thường niệm Phật nếu lúc lâm chung bị quyền thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v... Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyền thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của sự trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh*)

* Pháp sư Huyền Trang lúc lâm chung cũng có chút bệnh khổ, tâm nghi ngờ những kinh mình dịch có bị sai lầm gì chẳng, có một vị Bồ Tát an ủi Ngài: “Do sự khổ nhỏ này, tội báo của Sư trong những kiếp trước đều tiêu tan cả, chớ nên hoài nghi!” Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận, thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết, sẽ chóng lành bệnh, nếu đã hết, sẽ

vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được! Huống chi cụ không có tình ái luyến, vẻ mặt vui tươi, ngời yên qua đời. Nếu không phải là Tịnh nghiệp thành thực, làm sao được như thế? Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyến thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phàm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao?

Bởi lẽ, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh chính là phù hợp với thế nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chi là một giọt nước, dầu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phàm thí cho mẹ và hết thảy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình! Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thịnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm Phật thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiền vong²⁸², người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục²⁸³ v.v... Quang đều bảo những bạn bè quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo. Dù biết chữ nhưng tụng

²⁸² Tiền vong: Cầu siêu cho người đã khuất.

²⁸³ Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy có vị Tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A Nan gặp Diên Nhiên ngạ quỷ (quỷ mặt bốc lửa cháy bùng bùng), được Phật dạy tạo Bình Đẳng Học để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn

nhánh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy!

Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dầu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng niệm, nếu kẻ ấy không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngò đâu lại được như thế. Vì thân quyến đảo bệnh, cầu siêu, chẳng thể không biết điều này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Trong lúc ma chay, cúng tế, toàn dùng đồ chay, đừng bị thể tục xoay chuyển. Dầu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khăn thiết niệm Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyến thuộc và thân thích, bằng hữu của các ông đều có lợi ích thật sự. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều [được an táng theo cách] hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này, vì Phật pháp trọng thần thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết “thân xác này chẳng phải là ta”, không còn đắm chấp nữa. Lại vì [người đã khuất] tụng kinh niệm Phật, mong cho họ chứng được Pháp Thân. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bì ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng*)

* Khi Phật pháp hưng thịnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng cách hỏa táng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời mà chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lâm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày rồi hãy thiêu là ổn thỏa. Chôn lâu ngày thì rất có thể xương cốt bị phơi bày. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Điều bi thảm nhất trong thế gian không chi bằng cái chết, nhưng

người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình, lợi người, chẳng thể không sớm lo liệu! Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyền, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm, thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương và trợ niệm cho họ, để mong người bệnh nhờ vào đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này, hãy đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

- Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín.

- Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp [cho người sắp mất] giữ được tịnh niệm

- Ba là hết sức tránh đời động, khóc lóc, kéo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì [người sắp mất] chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu, ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ²⁸⁴ đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người. Dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chầy tháng, đâu có khó gì mà chẳng tập quen thành lẽ thói cho được? Nay tôi sẽ trình bày từng điều

²⁸⁴ Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

một đề chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thầy, [chỉ] nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong bèn chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyền thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta bị mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vướng mắc.

Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (*Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp*). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật dắt lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn, sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây Phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu mà còn được vãng sanh, sao vẫn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi để rồi sanh lòng nghi ư?

Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì vượt ra ngoài khả năng của ta đâu!

Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: “*Nếu có chúng sanh*

nghe danh hiệu của ta mà chỉ tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Vì thế, hết thầy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây Phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu! Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dầu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây Phương nữa, vì tâm mình đã trái với tâm Phật rồi! Dầu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với những chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật!

Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phạm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Và lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đây chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những chuyện do lòng tận hiếu chí thành mà chính ta phải nên làm thì hãy chú trọng nơi những điểm ấy.

b. Thứ hai là mọi người thay phiên nhau niệm Phật để giúp [cho người chết giữ được] tịnh niệm

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người một mực chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyền thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu.

Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm.

Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thẳm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thẳm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp cho người khác đạt được Tịnh niệm vắng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói “chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy”, đối với người dung cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vắng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban niệm liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngắt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác sẽ tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau, bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, đâu có lắng nghe [tiếng niệm] cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích!

Hãy nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch, khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; như vậy thì dễ có sức [niệm theo]. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thầy các thứ khác đều nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong treo khiến tấm lòng người nghe thanh lương. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến [trợ niệm] thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngắt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban

nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc. Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè dòi động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; quan trọng cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để hướng dẫn thần thức của người ấy, trợn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dòi chỗ nằm. Mặc kệ [người ấy] nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dòi động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó, [người sắp chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên [tâm] niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết...), đáng sợ hãi quá sức! Nếu [người sắp chết] thấy [thân quyến] đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên [tâm] niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát. Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dầu có muốn sanh Tây Phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đánh thánh, nhân thiên sanh

*Nhân tâm, ngọc quý phúc
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cực bản xuất*²⁸⁵

Nhưng nếu mọi người chí thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây Phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi làm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò xem hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu người nên ăn thịt người!’*” Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui, bị khổ, há chẳng phải là giống hết cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đem xia tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phúc, nhằm thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho! (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lâm chung tam đại yếu*)

V. Miễn Cư Tâm Thành Kính (Khuyên gắng giữ lòng thành kính)

* Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là Thành, là Cung Kính. Hai sự này dầu chư Phật tốt cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chứng Vô Sanh lại chẳng dốc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn xum xuê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chẳng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời thầy Hoàng Nhất - 1*)

²⁸⁵ Đánh đầu nóng sẽ sanh vào cõi thánh, mắt còn nóng thì sanh vào cõi trời. Ngực nóng thì sanh vào cõi người. Bụng nóng thì sanh vào đường ngọc quý. Đầu gối nóng thì sanh vào đường súc sanh. Bàn chân nóng thì sanh trong địa ngục.

* Một pháp Niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này (*Chiều hôm đại sư Án Quang thị hiện viên tịch, đã bảo các vị như Diệu Chân rằng: “Pháp môn Tịnh Độ không có gì là lạ lùng, đặc biệt cả, chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không một ai chẳng được Phật tiếp dẫn, đời nghiệp vãng sanh”. Theo Vĩnh Tu Tập*). Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dẫu gieo được viên nhân, nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi.... Tôi thường nói: *“Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm”*. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành*)

* Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính cùng cực thì công đức sẽ như trong kinh nói: *“Dầu thuộc địa vị phàm phu, tuy chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn”*. Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ, sướng, buồn, vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dầu có công đức cũng chẳng thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi; nhưng ắt sẽ lại ý vào si phước ấy mà tạo ác nghiệp, nổi khổ trong tương lai khi nào hết được? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 2*)

* Là Thành, là Cung Kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều lầm. Án Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức, do vậy mới biết Thành và Cung Kính quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... là Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội, xuất sanh tử. Nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi; khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì. Nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng sơn vẽ thì tội ngập trời! Đọc tụng kinh Phật, lời Tô, phải nghĩ Phật, Tô đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh

nha ý niệm lười nhác, coi thường.

Tôi nói người làm được như thế ắt được vãng sanh, cao đẳng phẩm vị, chứng ngộ triệt để Nhất Chân. Nếu không, bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, nhưng chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò! Đối với Tam Bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn xuông! Người bây giờ ngay một chữ “khuất” còn không nói được, huống gì thực hành? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích*)

* Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khẩn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận từng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời Tổ, liền tưởng như Phật, Tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, từng lâm hay sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Tạ Dung Thoát*)

* Hết thầy các kinh Đại Thừa hiện hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp Thật Tướng. Trái ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiền đều được gọi ân quang. Dường như Như Ý Châu, giống như Vô Tận Tạng, láy chẳng hết, dùng chẳng cùng, tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận*)

* Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải thực hiện với mười phần thành tâm. Trì kinh và niệm Phật về mặt Sự tuy giống nhau, nhưng lòng Thành có sâu hay cạn, phù phiếm hay thiết tha khác biệt, cho nên lợi ích càng khác biệt lớn lao! Mọi chuyện trong thế gian đều phải do lòng Thành để được thành tựu, huống gì trì kinh, niệm Phật, muốn dùng cái thân phàm phu để liễu sanh thoát tử, siêu lên cõi Phật, mà thiếu

lòng Thành há có được chẳng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào ở Hải Môn*)

* Trì tụng kinh chú, quý tại chí thành. Dầu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng Thành, cạn lòng kính, kiên thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, huống là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư?

Nếu không, dầu có thấu hiểu thông suốt nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh! Do hoàn toàn là thức tâm²⁸⁶ phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa sách Triệu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích*)

* Kinh dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe*”. Nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe, huống là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quả ư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh, ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong Chân Như Thật Tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điểm kiếp, không thể thoát được. May mắn gặp được những kinh Đại Thừa hiển - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời - người sáu nẻo chẳng phải là chỗ ta ở; Thật Báo, Tịch Quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này, vô cớ bị luân hồi oan uổng! Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rên đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tác đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần. Dầu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

²⁸⁶ Thức tâm (còn gọi là Tâm Sở Pháp), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

* Kinh Kim Cang dạy: “*Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đê tử tôn trọng [Phật]*”. Lại dạy: “*Nơi nơi, chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thấy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi đó*”. Vì sao lại dạy như thế? Do hết thấy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thấy chư Phật đều từ kinh này mà ra.

Các kinh Đại Thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi! Ấy là vì các kinh Đại Thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền Từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới. Dù cao đẳng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngõ hầu báo đáp đến tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: “*Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh*”.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp, huống gì hạng phàm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù nhân phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được! May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần! Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng Tam Thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn đạt được, há có nên dựa theo tri kiến cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cũi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

* Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư đề tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kể đến là đọc chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uổng công lao tâm lao lực, uổng phí năm tháng. Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đoạn tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đoạn tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: “*Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh*”, tức là nói đến cách xem như vậy đó. Vì thế nói “*chỉ*”. Có thể xem kinh như thế thì xem kinh Đại Thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phạm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ tăng cao ư?...

Ngài Trí Giả tụng kinh, hoá nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hồng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được “niệm cực, tình vong”, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao thầy vẫn viết mãi, liền duỗi tay ra chẳng thấy được bàn tay²⁸⁷. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng một sự chuyên tâm chuyên chí. Ra sức như thế, lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoá nhiên quán thông.

Thời Minh, thiền sư Tuyết Kiều Tín, người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằn tham cứu tận lực, nhận được những điều người khác chẳng thể nhận, làm được những điều người khác không thể làm, khổ hạnh ấy người khác quả thật khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra những điều khéo khế hợp thiên cơ, dầu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẩy vùn, nghiêm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên ròng tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật. Ăn cơm chớ nên quá mức. Cơm ngon đến đâu đi nữa chỉ ăn đến mức tám chín phần [là tối đa]. Ăn mười phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị

²⁸⁷ Theo Tử Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị Tăng này chính là Nhất Am thiền sư sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoán thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thắp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rốt ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả! Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sục Tam Bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân. Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong thất. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kềm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh; lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo... Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ Tam Bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng! Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cô đức, nên tưởng là cô đức không nói đến. Chẳng biết cô đức nói rất khéo, gọi đó là “*tiết hạ khí*” (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thèm để ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là “trung tiện”. Trong tuồng hát, hễ chửi người khác nói năng buông tuồng, bèn nói: “Lời người nói như thả rắm”. Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thờ mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói “nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã”, thật ra, tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giòi trong hầm phân! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay. Những tháng mùa Hạ ống quần chớ buông thùng thình, phải bó lại. Tuy tiện khạc đàm hỉ mũi là chuyện tồn phước lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khạc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khạc nhổ, xỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vế dơ bẩn! Có kẻ luông tuồng chẳng kiêng dè, khạc bừa ra đất hay khạc lên vách trong phòng! Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy

tường toàn là đàm. Kẻ ấy khắc đàm để ra vẽ hồng hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khắc; tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẽ mắt hồn ngơ ngẩn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: “*Cựu thư bất yếm bách hồi độc. Thục độc thâm tư tử tự tri*” (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Khổng Tử là bậc thánh thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lìa sách. Với tư cách của Khổng Tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy, ta biết: Nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua tron tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng.

Thời Khổng Tử không có giấy. Hễ viết thì viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản 竹簡, tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quẻ Dịch do Phục Hy²⁸⁸ vạch ra. Phần Thoán²⁸⁹ mở đầu sáu mươi bốn quẻ do Văn Vương soạn. [Ý nghĩa của] sáu hào trong mỗi quẻ do Châu Công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ Hạ Truyện, Thuyết Quái

²⁸⁸ Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khưu (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

²⁸⁹ Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán (彖). Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào (爻, tức một vạch liền hoặc đứt) trong một quẻ gọi là Hào Từ (爻辭) tương truyền do Châu Công soạn.

Truyện, Tụ Quái Truyện, Tạp Quái Truyện²⁹⁰, được gọi chung là Thập Dục đều do Khổng Tử biên soạn. Nếu chỉ xét theo số lượng chữ thì phần biên soạn của Khổng Tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công. Nhưng Khổng Tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công rốt cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, dù biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuể! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Khổng Tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí huệ tạng của Như Lai. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho tro bay sang chỗ khác. Đem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hể bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nỗi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Như Sâm hỏi thay cho bạn*)

²⁹⁰ Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dục có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trọn vẹn hình rồi, thêm Thập Dục như chấp cánh thêm lông cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ Truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Tử. Tượng Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Tượng được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, Tượng (象) có nghĩa là hình thái, như câu “*tại thiên thành tượng, tại địa thành hình*” (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu “*Thiên thùy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi*” (Trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quẻ Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tụ Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

VI. Khuyến Chú Trọng Nhân Quả (Khuyến chú trọng nhân quả)

1. Giảng rõ lý nhân quả

* “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh*”. Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch²⁹¹, thoát đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). “*Tích thiện, tích bất thiện*” là nhân, “*dư khánh, dư ương*” là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bồn khánh, bồn ương? Bồn khánh, bồn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, [những quả báo ấy] sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư?....

Kinh dạy: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật [nội dung sách ấy] với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cự ở cuối [thiên sách] ấy đã giảng rõ nghĩa “nhân quả ba đời” cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tổng Nho cho rằng: “Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy”. Họ phán quyết: “Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?” Họ quyết đoán “chắc chắn không có nhân quả”, vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền

²⁹¹ Châu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Châu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Châu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chẳng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn Hôi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lãn Ngạn*)

* Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rất ráo rậy. Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xướng, đầy đủ là hạng chuyên bàn xuống, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư?

Như [Không Tử] nói “*một Âm một Dương gọi là Đạo*”, thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục [phiền não] nên [Tánh Đức] chẳng thể hiện hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh [thứ nhất] trong câu “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ Minh Đức), tức là công phu “*triêu càn tịch dịch*”²⁹², *gắng sức tu trì*”, tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiện hiện rõ ràng nên gọi là Dương. Đốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*” (làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng).

Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*”) là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau những điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*”) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nhưng [nếu] chỉ dùng [những công phu tu tập] Thành và Minh hợp nhất “*minh Minh Đức, chỉ ư chí thiện*” này để đạt tới “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới [cần phải] có những điều khiến cho chính ta chẳng

²⁹² “*Triêu càn tịch dịch*” vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Châu Dịch: “*Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cửu*” (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cẩn thận dè dặt, không có chút coi thường, chệnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, “*triêu càn tịch dịch*” có thể hiểu là luôn cố gắng cẩn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý).

Thế nào là “những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?” Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu, quyết cũng chẳng chuộng hung, ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe “*chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa*”, người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có làm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo Thành - Minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực²⁹³ nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đây cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên*)

* Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thầy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Do vậy, biết trí huệ, đức tướng của chúng sanh và Phật giống nhau. Ấy chính là Tánh Đức! Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau. Đây chính là Tu Đức vậy.

Tu Đức có thuận, có nghịch. Tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt để, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì! Tu nghịch với tánh thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng mất gì. Hiểu rõ điều này thì kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yểu, kẻ chết yểu được sống thọ, phú quý, bản tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành

²⁹³ “*Kế thiên lập cực*” là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là “*kế thiên lập cực*”. Hiểu theo nghĩa rộng, “*kế thiên lập cực*” là kế thừa đạo trời, dựa vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

không nơi nương tựa, không nơi nương tựa cũng có thể trở thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi, xếp [đá thành] bậc rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh.

Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý “*tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp*”; bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp! Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thần, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được!

Viên Liễu Phàm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thấy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn! Thế tục thường gọi “*tiên nhân*” là trời, “*thiên định thắng nhân*” nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước! Nhân định cũng có thể thắng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương cậy! Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước. Nếu mặc tình làm càn thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần, bạt tụy; đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

* Kinh dạy: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Bồ Tát sợ gặp ác quả nên đoạn trừ sẵn ác nhân. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uông công nhọc nhằn rong ruổi! Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả! Từ đó, lui hồi cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền “*báo thông ba đời, chuyển biến do tâm*”!

“*Báo thông ba đời*” có nghĩa là đời này làm thiện, làm ác; ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là Hiện Báo. Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là Sanh Báo. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước,

mắc họa, đó gọi là Hậu Báo. Hậu Báo sớm - trễ không nhất định. Hễ gây nghiệp quyết định không thể chẳng thọ báo.

“*Chuyển biến do tâm*” là ví như có người tạo ác nghiệp, sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hối hận lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh, niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bần cùng đói khát, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Kinh Kim Cang dạy: “*Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Đây chính là ý nghĩa “*chuyển biến do tâm*” vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Vệ Cẩm Châu*)

* “Niệm Phật diệt được túc nghiệp”, nhưng cần phải sanh lòng hối hận lớn lao, sanh lòng kính sợ lớn lao, chuyển cái tâm “tồn người lợi mình” của chúng sanh thành “hành hạnh Bồ Tát lợi khắp các chúng sanh” thì dù là túc nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ Đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Kỳ Dao - 1*)

* Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, Ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức Ý nghiệp. Ba nghiệp là:

1) Một là Thân Nghiệp gồm ba thứ, tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống, sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp. Đời kế, đời sau, ắt phải bị chúng giết lại.

b. Hai là trộm cắp, phạm những vật của người khác, chớ nên “không cho mà lấy”. Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình.

Trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tợ hồ chiếm được tiện nghi, [nhưng thật ra] tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ta ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi [tài sản] cho người khác rồi giờ thối xấu chiếm lấy đều gọi là “trộm cắp”. Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng đãng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đây chính là thiên lý nhân quả nhất định!

c. Ba là tà dâm. Phạm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đời hiện tại đã thành súc sanh thì đời kế tiếp phải làm súc sanh. Người đời coi chuyện con gái lén lút cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng [đáng nhục] giống hệt như con gái. Kẻ tà dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết. Ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoán chánh chẳng tà!

Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dẫu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì! Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt!

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2) Khẩu Nghiệp gồm có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật. Đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm đãng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đại địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm gái ăn sương, thoát đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm. Lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ

chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao, như kiếm, khiến cho người ta khó thể chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu, kêu gọi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3) Ý Nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuê, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuê là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thịnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trợn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v... đều gọi là ngu si!

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý. Người Thân - Khẩu - Ý ba nghiệp đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn gấp trăm ngàn lần. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* “*Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình. Giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước! Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình! Tôn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình.

Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dữ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiểu quả, thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nổi lầy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm can. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh*)

* Phật và chúng sanh cùng một tâm thể, nhưng sự thọ dụng khác biệt như trời với vực là do vì dụng tâm chẳng đồng mà ra. Phật chỉ nghĩ dùng lòng Vô Duyên Đại Từ, lòng Đồng Thể Đại Bi để độ thoát chúng sanh, trọn không có tâm “ta - người, đây - kia”. Dẫu cho độ tận hết thấy chúng sanh, cũng chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ. Vì thế, phước huệ được trọn đủ, được thể gian tôn kính.

Chúng sanh chỉ dốc lòng tự tư tự lợi, dẫu thân thiết như cha mẹ anh em còn chẳng thể không có tương đây - kia, huống chi là người xung quanh, người trong cõi đời ư? Do vậy, cảm lấy nghiệp báo: Hoặc sanh trong nhà bần cùng hạ tiện, hoặc đọa trong tam đồ ác đạo! Dẫu cho tự tu giới thiện Thiên Định được sanh về chỗ vui trong nhân gian hay cõi trời, nhưng do không có tâm đại bi nên chẳng thể khế hợp Bồ Đề được ngay. Do vậy, vừa hết phước báo lại bị đọa lạc, chẳng đáng buồn ư? Như vậy, [nếu] chỉ muốn tạo lợi ích cho người khác thì lại trở thành làm lợi cho chính mình; kẻ chỉ muốn tự lợi thì chính là tự hại vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bốn Nguyên*)

* Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chẳng đều do nhân duyên gây ra. Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận (*Nếu biết nhân trước quả sau thì cùng quẫn hay thông suốt, được - mất, đều do ta tự chuốc lấy, dẫu gặp nghịch cảnh, cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ hổ thẹn chính mình đức chưa đủ, chẳng thấy trời hay người có lỗi lầm. Xin xem ý này trong lời tựa cho bức Gia Khánh Đồ nhà ông Hà Lăng Tiên trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*), thuận theo địa vị mà hành, không trong

hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quân Tranh - 5*)

* Con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Văn tự là món báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự.

Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thấy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng khác gì cầm thú! Văn tự đã có công sức như thế, có nhiên phải nên trân trọng mến tiếc. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tôn phước, giảm thọ; đời sau trở thành vô tri vô thức ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Văn hỏi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận*)

2. Dạy về tánh chất trọng yếu của việc kiêng giết chóc

* Trong các ác nghiệp, chỉ có Sát là nặng nề nhất. Khấp thiên hạ, không ai chẳng tạo nghiệp sát. Dầu cả đời chưa hề sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt thì tức là hằng ngày sát sanh; do không giết thì chắc chắn không có thịt, bởi lẽ kẻ đồ tể, người săn bắn, kẻ bắt cá đều nhằm cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt nên mới giết thay cho họ. Một cửa ải ăn thịt hay ăn chay quả thật là cái gốc của sự thăng - trầm của chúng ta và [là cái gốc khiến] thiên hạ bình yên hay loạn lạc, [mối quan hệ ấy] chẳng nhỏ đâu! Những ai tự biết thương thân và yêu thương nhân dân khắp cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn, thì hãy nên kiêng giết, ăn chay, đó chính là diệu pháp bậc nhất để văn hồi thiên tai nhân họa. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp*)

* Phải biết những loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cùng một tâm linh minh giác tri như ta, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng cho nên hình thể rất khác biệt, miệng chẳng thể nói được. Nhìn vào tình trạng tìm tòi cái ăn, trốn tránh cái chết sẽ tự hiểu chúng nó chẳng khác gì con

người. Chúng ta nương vào sức tức phước, may mắn được sanh trong loài người, tâm có trí khôn, lẽ ra phải giữ vẹn tình cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, xem loài vật như chính mình, hòng khỏi phụ [cái tiếng] sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài, phụ trợ quyền sanh trưởng dưỡng dục của trời đất, khiến cho dân lẫn loài vật đều được sống yên, cùng được [trời đất] che chở, cùng hưởng niềm vui [sống hết] tuổi trời thì mới nên!

Nếu chẳng cảm nhận đức hiếu sanh của trời đất, cứ mặc tình giữ ý niệm tham ăn, tham uống, cậy ta mạnh lấn hiếp loài yếu, ăn thịt chúng nó cho thỏa bụng mình, ắt đến một ngày nào đó, phước xưa đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng bị đoi đầu thay mặt, lần lượt bị chúng nó giết ăn, há có được chẳng?

Huống chi thịt có chất độc do lúc chúng bị giết hại tâm oán hận cố kết lại. Vì thế, những khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít bị truyền nhiễm. Hơn nữa, thịt là thứ uế trược, ăn vào khí huyết dơ, tinh thần tăm tối, phát triển nhanh nhưng chóng suy, là đầu mối dễ nảy sanh bệnh tật nhất. Đồ chay là phẩm vật tinh khiết, ăn vào khí chất trong sạch, trí óc sáng sủa, khỏe mạnh lâu dài, lâu già, do có nhiều khả năng bồi bổ. Đây tuy là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, chứ thật ra chính là lời luận cùng tột tánh. Do tập tục quen thói đến nỗi mê muội chất chứa, không thể phản tỉnh được! Phải biết: Nhân từ đối với dân thì phải thương yêu loài vật, tàn nhẫn đối với loài vật quyết khó thể nhân từ đối với dân, do tập tánh khiến ra như thế. Vì vậy, khi vua thánh cai trị cõi đời, chim, thú, cá, rùa đều sống yên vui. [Thánh vương dùng] đạo sáng để dạy dân, chất keo dính (để bẫy chim), gậy gộc, đạn, cung đều bỏ hết. Thử nghĩ xem, từ xưa đến nay, phàm những kẻ tàn nhẫn, tham tàn, dòng dõi đa phần tuyệt diệt. Người nhân từ cứu giúp con cháu ắt thành vượng. Kẻ cầm đầu làm ác, Không Tử phán đoán kẻ ấy vô hậu. Kẻ mặc tình ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói xuông “*xa lánh chuyện bết máu*”, đây chính là lời nói quyền biến thuận theo thế tục. Hãy nên vĩnh viễn dứt những thứ hôi tanh thì mới là thật nghĩa xứng lý. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm*)

* Như có kẻ nói: - Kẻ quan quả cô độc²⁹⁴, bản cùng hoạn nạn đầu

²⁹⁴ Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đây chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp: - Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dầu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải.

Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc bần cùng hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thốt để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói: - Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng: - Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng “bảo vệ sanh mạng mọi loài vật” của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ “Phóng” (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nở ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đây chẳng phải là “*cả thiên hạ biến thành một cái ao*” ư? Dầu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nở ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người!

Lại vì hết thảy đồng nhân trong hiện tại và vị lai đoạn trừ cái nhân

của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đấy chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v... hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v... Đấy chẳng phải là “*cả nước được hưởng phước*” ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Sớ²⁹⁵ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tâm*)

* Hết thầy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyền thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dầu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!... Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngộ hầu hết thầy mọi người biết [con vật ấy] là do Phật thị hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có [hình ảnh] đức Phật ngự [trong ấy] khiến tai mắt con người [thấy nghe] phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời. Những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú. Giết rồi mới biết là Phật!

Do vậy biết: Giết loài vật chẳng khác gì giết Phật. Dầu [con vật bị giết] chẳng phải do Phật thị hiện thì nó cũng là đức Phật trong vị lai. Giết để ăn, tội sẽ cao to hơn núi, hơn biển, hãy gấp nên đau đáu răn dè ngộ hầu giải thoát. Cần biết rằng: Người và vật tuy khác, lành lợi hay ngu xuẩn đều tỏ lộ. Kẻ ngu xuẩn tâm thức tối tăm, con vật thông minh

²⁹⁵ Sớ (疏): Theo từ điển Từ Hải, chữ Sớ có hai nghĩa:

- 1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.
- 2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.

Ngoài ra, Sớ còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giải bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Sớ. Ở đây, chữ Sớ được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Sớ trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

lại có trí sáng, Ngũ Luân Bát Đức cô nhiên chẳng thua con người! Lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn! Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phạm những ai lợi người lợi vật, con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người, hại vật, con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Vật Do Như Thứ*)

* Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai hoặc Thập Trai (*Mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mùng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức*). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy, phải kiêng sát sanh trong nhà. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khấp*)

* Chỉ vì con người chẳng biết đặt mình vào hoàn cảnh [của loài vật] để xét lại, đến nỗi đem chuyện khổ sở cùng cực, thảm thiết cùng cực giáng xuống thân loài vật mà lòng vui sướng, tự bảo mình có phước, chẳng biết phước thọ đã vun bồi từ đời trước sẽ bởi đây mà dần dần bị tiêu diệt, trong vị lai sẽ đời đời phải hứng chịu những nỗi khổ độc chẳng có lúc nào xong! Nếu trong lúc sát sanh ăn thịt mà nghĩ đến chuyện này, dẫu có kẻ đem cái chết uy hiếp buộc phải sát sanh ăn thịt, vẫn chẳng dám làm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn*)

VII. Phân Thiền Tịnh Giới Hạn (Phân định ranh giới giữa Thiền và Tịnh)

* Thiền và Tịnh Độ lý vốn không hai. Nếu luận trên mặt Sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời, một vực. Thiền nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: “*Nơi chánh nhân thì có thể đón ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoái thì thành Phật quyết định có kỳ*”. Lại nói: “*Sơ tâm do duyên đón ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thủy bao kiếp*

chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy người trừ cho hết hiện nghiệp còn đang tồn tại trong tâm thức”. Ngài Hoàng Biện²⁹⁶ nói: “Đốn ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí từ vô thi. Cần phải nhờ vào đời trị mới hồng khởi công dụng thuận theo Tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!” Ngài Trường Sa Sâm²⁹⁷ nói: “Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết Bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy”.

Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng cầu Phật gia bị, Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

Tịnh Độ hề có đủ ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh liền có thể đỏi nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bồ Xứ, kẻ chưa ngộ cũng chứng A Bộ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển). Vì thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khẩn thiết. Vì thế, được cảm ứng đạo giao; do vậy, mau thành Chánh Giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiên Lực, chuyên tu Tịnh nghiệp. Dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phỉn, đích thân chứng Niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là đem cái công phu “xoay trở lại nghe nơi tự tánh” của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” của ngài Thế Chí thì tu Tịnh mà là Thiên, còn gì diệu bằng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi Từ phu nhân ở Hải Diêm*)

* Người tu Thiên Định (*chỉ Tứ Thiên, Bát Định*) và người tham Thiên chỉ cậy vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực,

²⁹⁶ Hoàng Biện là người nổi pháp (pháp tự) của ngài Chương Kính Huy thiền sư, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

²⁹⁷ Trường Sa Cảnh Sâm là người nổi pháp của ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.

chân và vọng chông chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyền hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới! Nếu làm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được!

Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vàng mặt trời sáng rỡ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những ly my võng lượng²⁹⁸ mắt bắt tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được. Xét đến cùng cực chẳng qua là: *“Niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm và Phật không hai, tâm - Phật như một”* mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết, chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết màu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đây chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Ngay như Thiên Tông, nếu chỉ đề khởi hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Ấy là Chân Đế: Một đã không, hết thấy đều không. Như câu nói: *“Thật Tế Lý địa chẳng nhiễm mảy trần”*, hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận đích xác về mặt tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, huống chi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây tức là nơi Tục Đế, một đã lập thì hết thấy đều lập. Như câu nói: *“Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”*, hiển thị tánh vốn đầy đủ.

Muốn vứt bỏ Tục Đế để bàn Chân Đế, sẽ không có Chân Đế. Nếu muốn bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để sáng tỏ Chân Đế thì thật có Chân Đế. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đây chính là ý chỉ lớn lao “ngâm tu Tịnh Độ” của chư Tổ từ trước. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi Hòa Thượng Thế An chùa Đại Hưng Thiện*)

²⁹⁸ Ly my võng lượng: Ly mị (chữ Ly 魘 đúng ra phải đọc là Si) là loài quỷ trong núi sâu, võng lượng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, ly mị võng lượng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

* Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm tông chỉ. Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng nơi khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh Song Tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh Độ! Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ thì chẳng gọi là “có Thiền”. Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ? Do chú trọng tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mấy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật! Hoặc nói ra vẻ cao xa là “niệm Thật Tướng Phật”. Tuy Thật Tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ “quy Tông” (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn!

Cậy vào tự lực, dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng vì chưa đoạn Hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được! Chưa ngộ đến mức đại triệt [đại ngộ] thì khỏi cần bàn chi nữa! Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới được. Do [người cậy vào tự lực] một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp xuống cái danh, chưa chứng được cái thật, [cho nên] đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức!

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thấy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được! Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng đa số vẫn phải luân hồi trong lục đạo từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác.

Nếu thật sự hiểu được sự lợi - hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh Độ, mới biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ

vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu khi kết thúc! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Thuận Nhất*)

* “Chỉ có đường tắt tu hành”. Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. “Y theo như cũ đi nhiều”, đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiên, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên²⁹⁹ tự cho là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thấy tri kiến thừa thừa, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dẫu người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được! Ví như đã đến điện Hàm Nguyên³⁰⁰, mọi thứ trong điện ấy đều biết hết. Nếu vì người chưa đến đây [mà nói] thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ!

Những câu nói trong nhà Thiên đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu [những câu nói ấy] theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi “hiểu lầm” là ngộ, tội ấy cực lớn. Dẫu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, Hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được!

Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu lầm lẫn bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên

²⁹⁹ Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đôi ba phen cật vấn, cho là Tổ phê bỏ Tam Tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiền cận, lên án Tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di Đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh Độ chèn ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di Đà v.v...

³⁰⁰ Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) của nhà Đường. Căn cứ trên phê tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Tử Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần! Vì sao vậy? Do “chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng”; do vậy, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 2*)

* Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiền “*người niệm Phật là ai?*” thì chính là tham Thiền câu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh Tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất! Con người thường hay mạo danh Thiền Tịnh Song Tu, nhưng tận lực chú trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (*niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ*), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dầu có đích thân thấy được “*người niệm Phật là ai?*” cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh! Lại chưa đoạn Phiền Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này.

Pháp môn Tịnh Độ vượt trội hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực; những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực để luận ư? Đấy chính là một máu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân*)

* Thiền chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là “*bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra*”; nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, nhằm làm cho người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (*Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền*).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến “*Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà*”. “*Có Thiền*” là tận lực tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

“*Có Tịnh Độ*” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. “*Có Thiền*” và “*có Tịnh Độ*” là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm

chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tốt cùng lý, sao cho thật sự có mới thôi!

Điều thứ hai là xét về văn từ, tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiền nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mền luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoàng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

** Có Thiền, có Tịnh Độ.
Như cọt mọc thêm sừng.
Hiện tại làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ*

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọt đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng.

Đôi với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là “bậc đạo sư của trời, người” hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô Sanh Nhân; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại

càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi một! Vì vậy Tổ mới nói: “*Đời sau làm Phật Tổ*”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

** Không Thiên, có Tịnh Độ.*

Vạn người tu, vạn đở.

Nếu gặp Phật Di Đà,

Lo gì chẳng khai ngộ

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đấy há chẳng phải là “*vạn người tu, vạn đở*” hay sao?

Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây Phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiêm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: “*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

** Có Thiên, không Tịnh Độ,*

Mười tu, chín lần chân,

Ám cảnh nếu hiện tiền,

Chớp mắt đi theo nó.

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiên tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh

tử³⁰¹. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến nữa! Dầu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn khó thoát y như cũ. Biển sanh tử sâu thăm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: “*Mười người, chín lần chần*”. Lần chần (tha đà) người đời thường nói là “chần chờ”. “*Ám cảnh*” là cảnh của Trung Âm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lăm mồi đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy.

Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: “*Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*”. Chữ Âm (陰): âm và nghĩa đồng với chữ Âm (蔭), nghĩa là che đậy; tức là: Do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Tha (蹉) nghĩa là “lầm lẫn”, Âm Cảnh là Ngũ Âm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiên và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường, đi theo Ngũ Âm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng hiểu tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bậc đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* *Không Thiên không Tịnh Độ.*

Giường sắt và cột đồng.

Vạn kiếp cùng ngàn đời.

³⁰¹ Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo “*không Thiên, không Tịnh*” tức là vui đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đối nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển, mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: “*Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba*”, chính là nói đến ý này.

Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ý phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dụ nghiệp địa ngục tiêu tan thì lại chuyển sanh làm nga quý, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: “Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trong đại địa nhiều”. Phật nói: “*Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa*”. [Xét theo lời Phật] thì “*muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa*” vẫn là lời luận định rất nông cạn.

Ôi! Hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thầy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đối nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ cõi đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liâu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phạm nên xui khiến như thế chẳng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* “Quyền” (權) có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo. “Thật” (實) có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm Ngài đã chứng mà nói. “Đốn” (頓) là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hễ vượt khỏi liền chứng nhập ngay. “Tiệm” (漸) nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được Thật Tướng.

Những kẻ tham Thiền nói pháp Tham Thiền chính là pháp “*chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật; do vậy, Thiền là Thật, là Đốn*”; nhưng chẳng biết Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới chỉ là thấy được vị Phật Lý Tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì hễ ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đây, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn huệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người đại triệt đại ngộ thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai! Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng Kiến Tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới chịu sống, chịu chết. Đã bị sống - chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiểm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là Thật, là Đốn, nhưng nếu không đúng người (tức không phải là hạng căn cơ phù hợp với pháp Thiền) cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Thật, nơi Đốn, vẫn trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi! Vì có sao? Do cậy vào tự lực! Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn! Hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được Lý Tánh, chẳng thể đích thân chứng được Lý Tánh. Ngày nay, kẻ đại triệt đại ngộ còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ!

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng tánh A Tỳ đều nên tu tập (*Đây gọi là “thông trên thấu dưới” vậy!*) Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thấy chúng sanh liễu sanh thoát tử. Các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được! Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vãng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được ư?

Tuy [pháp môn Tịnh Độ] có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như Tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích. Lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. Phàm những kẻ giảng Thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh Tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh Độ là thiện cận. Nếu nghiên cứu Tịnh Tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự làm, làm người nữa ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 2*)

* Nếu ước theo Thật Nghĩa rốt ráo để nạn (“nạn” (難) nghĩa là cật vấn) chuyện “lấy - bỏ” thì tức là chẳng biết “rốt ráo không lấy không bỏ” chính là chuyện sau khi đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy, đoạn Hoặc chứng Chân đều thuộc về lấy - bỏ. Đã chấp nhận đoạn Hoặc chứng Chân là lấy - bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy - bỏ trong việc bỏ Đông, lấy Tây, lia câu lấy tịnh? Nếu trong pháp Tham Thiền, lấy - bỏ đều sai, thì trong pháp Niệm Phật lấy - bỏ lại đều là đúng. Bởi một đằng chuyên suy xét Tự Tâm, một đằng kiêm nhờ Phật lực.

Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp Tham Thiền để phá pháp Niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa. Chuyện không lấy - bỏ vốn là Đề Hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy - bỏ thì lại thành độc dược! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừ, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 2*)

VIII. Thích Phổ Thông Nghi Hoặc (Giải quyết những ngờ vực thông thường)

(Trong phần này chia ra sự lý, tâm tánh, ngộ chứng, tông giáo, trì chú, xuất gia, báng Phật, giới luật, Trung Ám, bốn cõi Tịnh Độ, xá-lợi, đốt hương trên cánh tay, cánh giới, ngoại đạo, các loại duyên thù thắng)

* (*Dưới đây luận về sự lý*) Lý thể gian lẫn xuất thể gian chẳng vượt ngoài hai chữ “tâm tánh”, chuyện thể gian hay xuất thể gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả” (*Trợn chẳng hề có không nhân mà lại được quả, cũng trợn chẳng hề có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị ác quả. Xem bài Khuyên Mến Tiếc Sanh*)

Mạng Loài Vật trong Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng - giảm mây may. Sở dĩ thăng - trầm thật khác, khổ - vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng nơi quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ: Chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích. Chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thường chán nghe đến. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *“Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả; nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thế tất nhiên phải như vậy”*. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi tòa soạn báo Phật Học*)

* Ước theo mặt Sự, quả thật Tịnh Độ có cảnh tượng trang nghiêm đến cùng cực. Ước về mặt Lý thì duy tâm sở hiện, do tâm thanh tịnh nên các cảnh giới ấy đều thanh tịnh. Cố nhiên, Lý và Sự chẳng thể tách rời, chẳng qua nhấn mạnh nơi nghĩa nào mà chia ra thành Sự hay thành Lý.

Ông chỉ nên đọc kỹ bài Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạm Luận [trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên], sẽ tự biết rõ văn và lý của Chân Đệ và Tục Đệ, cũng như nghĩa lý ước theo cảnh để thí dụ vậy.... Hai pháp Sự và Lý chẳng tách rời nhau, bởi có tịnh tâm thì mới có tịnh cảnh. Nếu không có tịnh cảnh, làm sao hiển được tịnh tâm? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đây gọi là “tâm có đủ”. Nếu tâm không có đủ thì nhân chẳng cảm được quả! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo*)

* Do đại ngộ lý thể “một pháp chẳng lập”, tận lực tu hành công phu “vạn pháp viên tu” nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung! Kẻ [chấp vào] Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là “[một pháp] chẳng lập” được chư Phật gọi là “kẻ đáng thương xót”.

Liên Trì Đại Sư dạy: *“Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị [vãng sanh]. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kèm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập”,* lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có -

Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói ‘ta chính là Phật’, chấp Lý phé Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dấu hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Tức Tai Pháp Ngữ*)

* Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, tuy chưa đạt “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt Sự. Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo. “*Tâm có đủ*” nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy. “*Tâm tạo*” là nương vào lý “*tâm có đủ*” ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện. Do vậy, gọi là “*tạo*”. “*Tâm có đủ*” chính là Lý Thể, “*tâm tạo*” chính là Sự Tu. “*Tâm có đủ*” chính là “*tâm này là Phật*”; “*tâm tạo*” chính là “*tâm này làm Phật*”. “*Tâm này làm Phật*” bèn xứng tánh khởi tu; “*tâm này là Phật*” bèn toàn tu nơi tánh.

Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển. Tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phé sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phé sự! Do vậy, mới nói: “*Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất*”. Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp Thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này? Vì Sự Trì dấu chưa ngộ Lý nhưng há có thể ra ngoài Lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm. Hễ đã ngộ thì Sự chính là Lý, há nào phải cái Lý được ngộ chẳng nằm trong Sự? Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự vô nhị! Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được! Còn tri kiến cuồng vọng chấp Lý phé Sự thì chẳng thể dung hợp được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 9*)

* Tâm này trọn khắp thường hằng, hết như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước; ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vào sự biến hiện của vọng, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng! Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau. Có sai

khác là vì phạm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi!

Tịnh Độ của Phật Di Đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di Đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm. Đã có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai; do vậy, nói: *“Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật”* (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 9*)

* Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phạm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”*. Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”*; không phải như kẻ chấp Lý phê Sự chỉ có cái danh suông, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương!

Ấy chính là *“quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh”*, sanh mà vô sanh vậy. Lấy tín nguyện niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”* của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy vô sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đây chính là ý chỉ tổng quát của Sanh Vô Sanh Luận. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tan Biên, quyển 3, Lời tựa án hành sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa*)

* Nghĩa *“Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung”* thì phân kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, [ông hiểu rõ rồi] thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ. Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là Tịch - Chiếu không hai, Chân - Tục viên dung.

Thế nào là Tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là Tịch. Thế nào là Chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là Chiếu. Thế nào Chân? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là Tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói *“một pháp chẳng lập”*, nhưng *“vạn pháp lại đều có*

đủ”, vạn đức phô bày trọn vẹn (*Vạn pháp vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là Tục*). Tịch chính là Thể, Chiếu là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa này nên gọi là “Tịch - Chiếu bất nhị”. Chân chính là Lý Tánh, Tục chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh (*đấy gọi là “toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh”*). Vì thế nói là “Chân - Tục viên dung” vậy.

Tiếp đó, [kinh văn nói] “*ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt*” nghĩa là “*thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt*”. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có ngày nhìn vào mà bật cười. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sinh Thần*)

* Tam Quán, Tam Đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là Đế, Đế tức là Lý. Nói theo mặt tu trì thì gọi là Tam Quán, Quán tức là Tu. Chân Đế: Một pháp chẳng lập, Tục Đế: Vạn pháp trọn đủ! Quán cái lý nơi Chân Đế thì gọi là Không Quán. Quán cái lý nơi Tục Đế thì gọi là Giả Quán. Không Quán chính là quán Chân Như Pháp Tánh “một pháp chẳng lập”, điều này chính là cái Không “chẳng có cả Không lẫn Hữu”. Đấy chính là tướng Không trong “*chư pháp Không tướng*” của Tâm Kinh.

Chẳng những Sắc Không, Không Không, mà Bồ Đề, Niết Bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là Chân Không! Cái không này của Không Quán trong Tam Quán sao có thể hiểu là “muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm” cho được? Tục của Tục Đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhả tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là Tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong Chân - Giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày. Phép quán nhằm quán lý của Tục Đế được gọi là Giả Quán vì tánh thể của Chân Đế là “chẳng lập một pháp” nhưng có công đức trọn đủ sáu độ, vạn hạnh, các pháp toàn vẹn. Đây chính là “*chư pháp*” trong câu “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phạm phu cho được? Phạm phu thuộc về hai đế Khổ và Tập, còn Không và Giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị Thừa còn chẳng có phần, huống gì phạm phu? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư*

* *Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của Sắc chẳng thể đạt được, há Không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự, ngay cả Không lẫn Sắc đều chẳng thể đạt được, Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng giống như thế; đây chính là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Ngũ Uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là Thật Tướng của Chân Không. Vì thế, gọi là “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp).

Do “*chư pháp Không tướng*” này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ và Trí Huệ cùng với Niết Bàn! (*Niết Bàn là thật tế của chữ Đắc*). Chỉ vì trong Thật Tướng, chẳng có các pháp: thánh, phàm v.v... ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trồng, người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trồng, làm sao con người ở được? Do Không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, coi Lý là Sự, đây gọi là “tà kiến”, chẳng gọi là “biết pháp”, hãy nên suy nghĩ kỹ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bát Nhã sâu xa để soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Ngũ Uẩn là danh xưng đại lược của trăm pháp. Đã thấy chúng đều là không thì Ngũ Uẩn đều trở thành Bát Nhã sâu xa. Như Phật quang vừa chiếu đến thì mọi tối tăm đều tiêu, không một tí tẹo đen tối nào còn lưu lại được! Người học đạo hiểu được chỗ quan yếu này thì Tánh hay Tướng, Hiện hay Mật đều hết như nhau. Nếu không, sẽ chấp vào lời lẽ, trọn chẳng có chỗ chỉ quy; vào biển đếm cát, uổng công nhọc nhằn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa*)

* Kinh Đại Bát Nhã nói rộng, ước theo Phật pháp, chúng sanh pháp để chỉ rõ tâm pháp nên nhiều đến sáu trăm quyển. Còn kinh này nói giản lược, ước trên tâm pháp để dạy rõ Phật pháp và chúng sanh pháp nên văn từ chỉ có hai trăm sáu mươi chữ; nhưng sự - lý, nhân - quả của mười pháp giới không gì chẳng đầy đủ. Dùng đại lược để nhiếp sự rộng rãi,

không sót một nghĩa nào. Nếu nói giản ước thì hai câu “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách) lại chính là mấu chốt của toàn bộ bản kinh. Nếu nói giản lược hơn nữa thì một chữ “*Chiếu*” pháp nào cũng phô bày trọn vẹn, pháp gì cũng hoàn toàn mất, phô bày lần diệt mất đều vắng lặng, Nhất Chân tỏ lộ rõ ràng. Thật có thể gọi là “*tâm ấn của Như Lai, cương tông của Đại Tạng, kim chỉ nam cho chín pháp giới, mấu chốt của Đại Bát Nhã*”, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Tâm Kinh Thiên Giải*)

* (*Dưới đây là luận về tâm tánh*) Tâm vừa tịch, vừa chiếu, bất sanh, bất diệt, rộng rãi, thấu triệt, linh thông, viên dung sống động, là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Dù ở địa vị phàm phu hôn mê điên đảo đầy dẫy phiền hoặc, tâm vẫn cùng một thể giống hết như tam thế chư Phật, trọn chẳng khác gì. Vì thế, nói: “*Tâm, chúng sanh, Phật, ba thứ không sai biệt*”. Nhưng do chư Phật rõ ràng chứng đắc, nên công đức lực dụng được phô bày trọn vẹn triệt để, còn phàm phu toàn thể là mê trái nên đâm ra dùng sức công đức lực dụng ấy khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba món Hoặc - Nghiệp - Khổ dẫn khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tục không ngừng, trải trần diễm kiếp luân hồi dài lâu. Dù muốn thoát lìa cũng không có cách gì!

Ví như trong nhà tôi chạm phải vật báu, chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn bị thương tổn! Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần cũng giống như thế. Như Lai thương xót giảng cho diệu pháp, khiến cho bỏ vọng về chân, khôi phục tâm tánh. Thoạt đầu thì từ nơi vọng liền thấu hiểu tột cùng chân, kế đến thì toàn bộ vọng chính là chân, như gió lặng ắt sóng êm, trời nóng băng phải tan, sóng lẫn băng trở thành nước, nhưng sóng - băng và nước vốn chẳng phải là hai vật! So lúc sóng chưa êm, khi băng chưa tan với lúc sóng đã êm, băng đã tan thì thể tánh trọn chẳng hai, nhưng Tướng - Dụng thật sự khác biệt rất lớn. Do vậy, có câu: “*Tu đức hữu công, tánh đức mới tỏ*”.

Nếu chỉ cậy vào Tánh Đức chẳng chú trọng Tu Đức thì đến tột cùng đời vị lai vĩnh viễn vẫn là chúng sanh uổng có Phật tánh, nhưng không nơi nương tựa! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh chép: “*Quán Tự Tại Bồ Tát khi thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu thấy năm Uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách*”. Toàn thể của Ngũ Uẩn chính là Chân Như

Diệu Tâm, nhưng do cứ một bề mê trái nên trở thành tướng huyền vọng. Vọng tướng đã thành lập thì Nhất Chân liền bị mê. Nhất Chân đã bị mê thì các khổ đều nhóm họp. Giống như gió dậy thì toàn thể nước biến thành sóng, trời lạnh thì nước đang mềm biến thành cứng. “*Chiếu*” là dùng Bát Nhã rất sâu bèn hiểu rõ “*do mê chân nên biến thành vọng, toàn thể vọng chính là chân*”, như gió lặng, trời ấm lại khôi phục bản thể của nước vậy!

Do vậy, biết hết thầy pháp đều do vọng tình biến hiện. Nếu lia được vọng tình thì bản thể hoàn toàn là không; do vậy Tứ Đại đều mất bản tánh, sáu căn có thể dùng lẫn cho nhau. Vì thế, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định mà hiện các oai nghi, nhãn căn có thể làm được Phật sự của nhĩ căn, nhĩ căn làm được Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đang đi trên đất, nước - lửa chẳng thể thiêu đốt, cuốn trôi được, tùy ý đi đứng trên hư không. Cảnh không tự tánh, đều tùy tâm chuyển. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm chép: “*Nếu có một người nhận ra lẽ thật, trở về nguồn, thì mười phương hư không đều bị tiêu tan*”, đây chính là hiệu quả thật sự của việc “*chiếu thấy Ngũ Uẩn đều không*”.

Quy là “*quy đầu*” (giao trở vào), “*quy hoàn*” (trở về), có nghĩa là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có vậy. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có, mà nếu trước hết chẳng quy tâm nơi Tam Bảo, y giáo phụng hành sẽ không thể được! Đã có thể quy tâm Tam Bảo y giáo phụng hành thì sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm triệt chứng Phật tánh rồi thì mới biết tự tâm quý báu nhất, nơi mê chẳng giảm, nơi ngộ chẳng tăng. Chỉ là thuận theo pháp tánh bèn thọ dụng được, hễ trái nghịch pháp tánh bèn bị thương tổn, lợi - hại khác biệt như trời với vực. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Lời bạt cho Quy Tâm Đường*)

* Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Bản thể tâm tánh bình đẳng như một, không hai, không khác, nhưng khổ - vui, thọ dụng cách biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà ra! Lý ấy rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Muốn chẳng tổn lời nên bèn dùng thí dụ để giảng. Chư Phật tu đức đến cùng cực, triệt chứng Tánh Đức, ví như tấm gương báu tròn lớn, thể chất bằng đồng³⁰², biết nó có quang minh, hằng ngày chuyên chú chùi, mài, đồ công chẳng ngừng

³⁰² Thuở xưa, cổ nhân dùng những tấm đồng tròn mài bóng làm gương soi.

thì khi bụi hết, ánh sáng sẽ hiện, dựng trên đài cao, hễ có hình [soi vào gương, thì trong gương] ắt sẽ có bóng: Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi nơi đầu sợi lông, sâu la vạn tượng đều hiện rành rành. Trong lúc vạn tượng cùng hiện ấy, gương vẫn trống rỗng, thông suốt, trọn chẳng có một vật gì. Tâm chư Phật cũng giống như thế: Đoạn hết phiền não Hoặc nghiệp, đức tướng trí huệ sẽ phơi bày trọn vẹn, đến tận cùng đời vị lai an trụ trong Tịch Quang, thường hưởng pháp lạc, độ chín giới thoát lìa sanh tử, cùng chứng Niết Bàn.

Chúng sanh hoàn toàn mê Tánh Đức, không có mảy may Tu Đức, ví như gương báu phủ bụi, chẳng những không có mảy may quang minh nào, mà ngay cả chất đồng cũng bị phủ lấp chẳng còn hiện ra. Tâm chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng ấy sẵn có quang minh chiếu trời soi đất, từ đây chẳng chịu buông bỏ, ngày ngày chăm chú lau chùi, mài giũa. Thoạt đầu hơi lộ chất đồng, tiếp đó, gương dần dần tỏa quang minh. Nếu vẫn cực lực mài sạch thì một mai hết sạch trần cấu, tự nhiên gặp hình bèn hiện bóng, chiếu trời soi đất.

Nhưng quang minh ấy gương vốn sẵn có, chẳng phải đến từ bên ngoài, chẳng phải do mài mà được; nhưng không mài thì cũng không có cách nào đạt được! Chúng sanh trái trần hiệp giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế! Dần dần đoạn Phiền Hoặc, dần dần tăng trưởng trí huệ. Đến khi nào công hạnh viên mãn sẽ đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo, hoàn toàn chẳng khác gì với mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Tuy vậy chỉ là khôi phục cái sẵn có, hoàn toàn chẳng có gì là mới đạt được! Nếu chỉ ý vào Tánh Đức, chẳng khởi Tu Đức thì đến hết đời vị lai sẽ thường chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc hoàn lại cái nguồn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - bài 4*)

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh, thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt chẳng giống nhau, vì sao thế? Do Phật thì trái trần hiệp giác, còn chúng sanh thì trái giác hiệp trần. Phật tánh tuy đồng, nhưng mê - ngộ thật khác, cho nên sướng - khổ, thẳng - trâm khác biệt một trời một vực. Nếu có thể suy xét kỹ nghĩa lý “*tam nhân Phật tánh*” thì không mỗi nghi nào chẳng phá, không ai chẳng muốn tu tập. Tam nhân chính là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

1) Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh sẵn có ngay nơi cái tâm của chúng ta, là Pháp Thân chân thường được chứng bởi chư Phật. Đây chính là cái “*tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong sanh tử chẳng nhiễm, ngộ Niết Bàn chẳng tịnh*”. Chúng sanh triệt để mê trái, nhưng chư Phật rốt ráo viên chúng. Mê - chúng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

2) Liễu nhân Phật tánh chính là Chánh Trí được phát sanh bởi chánh nhân Phật tánh; do từ tri thức hoặc từ kinh giáo được nghe đến nghĩa lý chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ. Biết do nhất niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, cho nên chẳng biết bản thể của cảnh giới lục trần vốn không, tưởng là thật có, bèn khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, đâm ra làm cho chánh nhân Phật tánh biến thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đây liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng theo chân, ngộ hầu khôi phục bản tánh.

3) Duyên nhân Phật tánh: Duyên là trợ duyên. Đã liễu ngộ thì cần phải tu tập đủ mọi thiện pháp hòng tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, khiến cho đích thân chúng được rốt ráo cái lý sẵn có mà mình đã ngộ mới thôi!

Xin dùng thí dụ để làm sáng tỏ. Chánh nhân Phật tánh giống như vàng trong quặng, như lửa ẩn trong gỗ, như ánh sáng từ nơi gương, như mầm nằm trong hạt ngũ cốc, tuy sẵn có, nhưng nếu chẳng hiểu rõ và trải qua những duyên như chung luyện, xoi dùi, giồi mài, vun trồng, mưa thấm ướt v.v... thì chất vàng, lửa, ánh sáng, mầm... sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày phát sanh. Vì thế, biết: Tuy có chánh nhân nhưng nếu không có duyên để hoàn thành thì chẳng thể thọ dụng được.

Do vậy, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, muốn làm cho họ được giải thoát. Chúng sanh do chẳng liễu ngộ nên chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi luân hồi sanh tử bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát ra được! Bởi đó, đức Như Lai rộng bày phương tiện, tùy cơ chỉ dạy, dắt dìu ngộ hầu chúng sanh bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của u-u-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Trước khi chưa chứng, chân tánh thuận theo ác duyên mà thành phiền não, nhưng vẫn bất biến. Thuận theo thiện duyên, tịnh duyên sẽ trở thành Bồ Đề, vẫn bất biến. Ví như vàng ròng tuy gò thành cái bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm, tuy hằng ngày đựng phân, tánh vàng

vẫn bất biến. Nếu đúc thành tượng Phật, tượng Bồ Tát, tuy cực kỳ quý trọng, nhưng tánh vàng vẫn bất biến. Người trong thế gian ai nấy sẵn đủ Phật tánh, nhưng thường tạo ác nghiệp như đem vàng gò thành cái bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, thật chẳng biết tự trọng quá sức!
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh*)

* Phật Quang là Trí Thể sẵn có ngay trong tự tâm của phàm - thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Thể ấy linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủy, vô chung, dọc thì suốt khắp ba đời nhưng ba đời do đây dứt bật, ngang thì trọn khắp mười phương nhưng mười phương do đây tiêu mất. Được gọi là Không, nhưng vạn đức trọn bày. Gọi là Có, nhưng mây trần chẳng lập. Chính là hết thấy pháp, nhưng lia hết thấy tướng, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Tuy Ngũ Nhân chẳng thể thấy được, Tứ Biện³⁰³ chẳng thể tuyên thuyết, nhưng pháp gì cũng phải nhờ vào sức nó, đâu đâu cũng gặp gỡ. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng những không thể thọ dụng được, trái lại còn nương theo sức chẳng thể nghĩ bàn này để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp chuốc khổ, khiến phải sanh tử luân hồi trọn chẳng khi nào hết.

Đem chân tâm thường trụ thọ lấy huyễn báo sanh diệt, ví như người say thấy nhà xoay, nhà thật sự chẳng xoay. Kẻ mê cho là phương hướng chuyển dời, phương hướng quả thật chẳng động. Hoàn toàn do vọng nghiệp biến hiện, trọn chẳng có thật pháp nào để đạt được! Do vậy, khi đức Thích Ca Thế Tôn ta thị hiện thành Phật đạo, triệt chứng Phật quang, bèn than: *“Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lia vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Diệu tánh viên minh lia các danh tướng, vốn chẳng có thể giới, chúng sanh. Do vọng nên có sanh, do sanh nên có diệt. Sanh - diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đấy gọi là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Như Lai”*. Hai thứ danh hiệu này

³⁰³ Biện Tài là biện luận khéo léo, tức tài năng thuyết pháp khéo léo. Tứ Biện tức là Tứ Biện Tài, còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài, chính là Pháp Vô Ngại Biện Tài, Nghĩa Vô Ngại Biện Tài, Từ Vô Ngại Biện Tài, Biện Vô Ngại Biện Tài. Bốn thứ này còn được gọi là Tứ Vô Ngại Giải, Tứ Vô Ngại Trí.

được dùng thay cho nhau. Ngài Bàn Sơn³⁰⁴ nói: “*Tâm nguyệt riêng tròn, ánh sáng phủ trùm muôn hình tượng. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm lẫn cảnh đều mất, nào còn có vật gì?*” Ngài Quy Sơn nói: “*Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi Căn Trần. Thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm chính là Như Như Phật*”. Do vậy, biết: Mọi thứ ngôn giáo của Phật, Tổ, không gì chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê về ngộ, khôi phục cái nguồn, hoàn lại cái cội mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo*)

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh thường quang, tất cả những gì sáng - tối, thông - tắc, xa - gần thấy đều chiếu thấu suốt không sót. Vì vậy, chẳng cần nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc mới thấy được. Hiềm rằng chúng sanh mê muội bản tánh, trái giác hiệp trần, đến nỗi Phật tánh thường quang ấy biến thành phiền não vô minh, chẳng những chỗ tối tăm, ngăn lập, xa xôi không thấy được, ngay cả những thứ ở gần ngay trước mắt nếu không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, dù là Thái Sơn vẫn không thể thấy được, huống gì những thứ khác! Do vậy, luân hồi trong biển khổ sanh tử như người mù không ai dẫn đường, trọn chẳng thể có thở thoát ra được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trần Hải thấp đèn soi sáng biển*)

* (*Dưới đây luận về ngộ chứng*) Cái lý Nhị Không chỉ nói về ngộ thì phạm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh Tự trong Viên Giáo, tuy Ngũ Trụ Phiền Não chưa phục đoạn³⁰⁵ được mảy may nào, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (*Ngũ Trụ: Kiến Hoặc là một Trụ, Tư Hoặc gồm ba Trụ. Hai loại này thuộc về giới nội. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một Trụ. Hai loại này thuộc về giới ngoại*). Nếu nói theo nhà Thiên thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải.

Đại triệt đại ngộ và đại khai viên giải không phải là lờ mờ, phảng

³⁰⁴ Bàn Sơn Bảo Tích là đệ tử nối pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, sanh vào thời Đường, sống tại Bàn Sơn thuộc U Châu (Hà Bắc), tuyên dương Tông phong, nên có hiệu là Bàn Sơn Bảo Tích. Không rõ năm sanh và năm mất, thụy hiệu là Ngưng Tích Đại Sư.

³⁰⁵ Phục đoạn: Khuất phục, đè nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.

phát hình như hiểu rõ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ³⁰⁶ nghe Mã Tổ nói: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”, ngay khi đó, Bàng cư sĩ bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói: “*Gió Nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ*” cũng thế. Ngài Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa đến câu “*là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật*” trong phẩm Dược Vương Bản Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp Thật Tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiên sư, là thầy đắc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: “*Thoạt đầu ta mong được Đồng Luân (tức địa vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng Thật Tướng, vừa dựa vào Thất Báo, phần chứng Tịch Quang. Bạc Sơ Trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bạc Nhị Trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam Trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). Nhưng vì lãnh chứng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi! (Thiết Luân là địa vị Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc. Bát, Cửu, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập Tín, còn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dựa vào Sơ Trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp Thật Tướng).*”

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca, lâm chung có người hỏi: “Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?” Bèn đáp: “*Nếu ta không*

³⁰⁶ Bàng cư sĩ tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chí cầu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: “Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?” Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, về sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”, ngay khi đó Bàng cư sĩ bèn đón ngộ huyền chỉ. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: “Huyền hóa không thật, tùy con duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đúng Ngọ bảo cha!” Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: “Mặt trời đứng bóng rồi lại chệnh, hãy ra xem thử!” Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn leo lên tòa của cha, chấp tay qua đời. Cư sĩ cười: “Con ta lạnh lẽo quá!” Bèn dờn ngày chết lại bây hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đồn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: “Chỉ nguyện không vô sở hữu, chớ dùng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang”. Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

lãnh chúng ắt tịnh được sáu căn” (tức là thuộc địa vị Thập Tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), do tôn mình lợi người nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm”. (Ngũ Phẩm là Quán Hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn trừ được Kiến Hoặc).

Ngẫu Ích đại sư lúc lâm chung để lại bài kệ:

*Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị trí tất cánh phó hà nhân?*

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh Tự còn chưa biết rõ ráo, giao phó cho ai đây?)

(Người thuộc địa vị Danh Tự đã viên ngộ Tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng Kiến Tư còn chưa khuất phục được, huống chi là đoạn! Những người đại triệt đại ngộ trong đời Mạt đa phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bực thượng. Kế đến là như Hải Án Tín làm con gái của Châu Phòng Ngự. Kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạn Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Cối. Rõ ràng là vì Lý tuy đã đốn ngộ, nhưng Hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, tức là tên gọi khác của Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện thuộc địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập Tín, tuy bốn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các Ngài thị hiện ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, cho thấy Thật Tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các Ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã chứng, nên bèn thị hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Án thị hiện sau cùng của ba vị đại sư chúng ta đầu nát xương tan thân cũng không thể báo đáp được!

Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chẳng? Nếu nói Niệm Phật, duyệt kinh hòng vun bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường hầu Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng Thật Tướng sớm hay muộn thì đây là lời quyết định không nghi, hết thấy người vãng sanh cùng được chứng đắc. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Lại nữa, Nhị Không chính là Ngã Không và Pháp không. Ngã Không có nghĩa là đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hiểu rõ dù Sắc

hay Tâm (Sắc là sắc pháp, bốn thứ sau (Thọ, Tướng, Hành, Thức) chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ thể thật ngã. Pháp Không là đối với pháp Ngũ Ấm, hiểu rõ Thể của chúng hoàn toàn là không. Tâm Kinh nói “*soi thấy năm Uẩn đều không*” chính là nghĩa này. Lý Pháp Không này chính là Thật Tướng. Do phá vô minh, chứng Thật Tướng, nên nói “*độ hết thấy khổ ách*”.

Thật Tướng là Pháp Thân Lý Thể, bỏ lia trọn vẹn các tướng sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v... là gốc của hết thấy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là Thật Tướng. Thật Tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị Thừa do mê trái nên chẳng thể thọ dụng được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo nàn lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, dừng bước, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chur Phật, còn về chứng thì Sơ Địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị Địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi Tăng Thượng Mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dầu vạn con trâu cũng khó kéo lại được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ “hạnh khởi, giải tuyệt”³⁰⁷ mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như vậy... Ngu tôi cho rằng: Một chữ Khởi nên hiểu nghĩa là Cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực, dầu có quán niệm vẫn là có Năng, có Sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến Năng - Sở mới tiêu diệt, chân tâm

³⁰⁷ Hạnh khởi, giải tuyệt: Do thấu hiểu (Giải) bèn tu tập (Hạnh), Hạnh Khởi Giải Tuyệt có nghĩa là do đã thấu hiểu đến tột cùng, thâm nhập nghĩa lý, chỉ nhất tâm nhất ý tu tập nhằm thâm nhập, chứng ngộ sự hiểu biết ấy, không còn nghi hoặc, không còn thấy có đối đãi, Giải và Hạnh hợp nhất. Hạnh nhằm hiển lộ Giải, Giải soi đường cho Hạnh.

vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô³⁰⁸, về sau đạo phong [của vị ấy] chói lợi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ Cực mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông -1*)

* Niệm Phật chú trọng tại vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải Niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại. Xưa kia, Minh Giáo Tung thiên sư³⁰⁹ công khóa mỗi ngày niệm mười vạn thánh hiệu Quán Âm; về sau, đối với mọi kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* (*Dưới đây luận về tông giáo*) Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài Chân - Tục nhị đế. Chân Đế thì một pháp chẳng lập, đó gọi là “*Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mây trần*”. Tục Đế thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là “*Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp*” (trong cửa Phật sự, chẳng bỏ pháp nào). Giáo thì Chân - Tục cùng xiển dương, nhưng đa phần luận về Tục. Tông thì ngay từ Tục bèn nói Chân, nhưng quét sạch Tục tướng.

Phải biết: Chân và Tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì. Tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể “người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán”. Sâm la vạn tượng thấy đều hiện. Dầu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào. Dầu trọn không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện!

Đối với chỗ “mọi tướng cùng hiện”, nhà Thiên chuyên nói “trọn không có một vật”; còn Giáo đối với chỗ “trọn không có một vật” lại nói cặn kẽ “mọi tướng đều hiện”. Ấy là đối với Sự Tu, Tông bèn chỉ rõ Lý Tánh; chứ không vứt bỏ Sự Tu. Còn Giáo thì bèn luận Sự Tu nơi Lý Tánh, nhưng vẫn quy về Lý Tánh. Đây gọi là “*xứng tánh khởi tu, toàn tu*

³⁰⁸ Nguyên văn : Mộc đầu nhân, là một thành ngữ chỉ những người ngu độn, ương bướng.

³⁰⁹ Tức ngài Khiết Tung đời Tống. Sư là người Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng, tỉnh Quảng Tây), thông suốt các nội ngoại điển tịch, có tài trước thuật. Năm Gia Hựu thứ 7 (1062) đời Tống Nhân Tông, Sư soạn bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký. Phụ Giáo Thiên v.v... được nhập tạng, nên được vua ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư.

nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng được, Tông - Giáo bất nhị” vậy! Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gỡ lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt; do đó phải ước theo căn cơ vậy!

Giáo thì thể gian pháp, Phật pháp, sự - lý, tánh - tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (*tức là “đại triệt đại ngộ” trong nhà Thiên*) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người. Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu, đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong Trục Chi. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu. Ví như ông Tăng Dao³¹⁰ vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém, hãy nên y theo Giáo tu trì. Ví như thợ vụng làm đồ vật, nếu bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạm Luận*)

* (*Dưới đây luận về trì chú*) Trì chú chẳng cần biết đến nghĩa lý, chỉ chí thành khẩn thiết trì tụng, cạn kiệt lòng thành đến cùng cực sẽ tự có thể nghiệp tiêu, trí rạng, chương tận, phước cao, lợi ích ấy chẳng thể nào nghĩ bàn được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Pháp trì chú chỉ có thể dùng làm Trợ Hạnh, chẳng được coi pháp Niệm Phật là hạnh tu kèm, coi Trì Chú là Chánh Hạnh. Tuy pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành, khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hồng thể đại nguyện của A Di Đà Phật, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì do pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, [sẽ ngỡ rằng không cần bận tâm đến căn tánh] tùy ý tu pháp nào cũng được, bèn thành

³¹⁰ Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là Họa Gia Tứ Tổ (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

“không Thiên, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lân ngàn đời, không một ai nương tựa!”.

Nếu tự biết mình là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoàng thể nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh Độ. Trì chú, tụng kinh để trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được! Nếu sanh tâm làm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông hiểu Lý, giới lực không vững, tâm Bồ Đề chẳng sanh, tâm ta - người càng thanh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng.

Phàm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo; hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dầu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư Tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học theo vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* (*Dưới đây luận về xuất gia*) Phạm Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người khiến cho pháp đạo được hưng thịnh, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm Tăng hòng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ Đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, hoằng dương Tam Học³¹¹ nhưng riêng khen ngợi Tịnh Độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy cũng chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm Tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dầu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, khiến Phật pháp nhục lây, dầu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân, cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được, huống chi là nhiều!

³¹¹ Tam Học: tức Giới, Định, Huệ.

Cổ nhân nói: “*Xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được*”³¹² đây là chân ngữ, thật ngữ, chứ không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả đề cao Tăng Già đâu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật, không phải là kẻ phá vô minh hồng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hồng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được....

Từ rày về sau người cầu xuất gia, thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ Đề lợi mình, lợi người, thứ hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xảy đến nỗi ô uế, bại hoại Phật môn chẳng nhẹ vậy! Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phòng tri thức, y chỉ từng lâm. Nữ dẫu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thế độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời Mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát - 2*)

* Chỉ có hàng Thích Tử chúng ta lấy chuyện thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng. Không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thầy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Vì vậy, mới nói: “*Đạo Hiếu của họ Thích ẩn kín, khó thể hiểu rõ vậy!*” Tuy vậy, đạo Hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chẳng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bảm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bảm thừa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia. Nếu không, chẳng cho xuống tóc. Có người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện, cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp đỡ cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thơm phụng dưỡng mẹ (*Thiền sư*

³¹² Nguyên văn: “*Xuất gia nữ đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi*”. Trong bài giảng Sa Di Luật Nghi Yếu Lục, Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ Tướng thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng thứ hai là tể tướng. Ngài nói Tướng Tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tột bậc.

*Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, Sư thông thạo bác lãm kinh điển thế tục. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiểu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*), ngài Đạo Phi có chuyện lạ “chôn cha” (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sinh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm bảy tuổi. Đến năm mười chín, đời loạn, gạo mắc, bèn cống mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn, thâu thập xương trắng, kiền thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đồng xương trời lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong *Tống Cao Tăng Truyện*). Vì thế kinh nói: “Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát”.*

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chứng Vô Sanh Nhân, đạt địa vị Bất Thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. Như vậy là chẳng giống với đại hiệu của thế gian. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bốn Luận*)

* (*Dưới đây luận về báng Phật*) Phật nghĩ thương chúng sanh từ vô thí trước đến tận vị lai sau, trên lên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc vào đại bi thế nguyện mênh mông. Ví như hư không bao hàm hết thủy, sâm la vạn tượng cho đến trời đất thủy đều chứa đựng hết. Cũng như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dầu kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được ánh sáng chiếu đến mà được làm người. Nếu không có ánh mặt trời chiếu rọi, ắt chẳng có duyên sống còn, nào phải chỉ những người tự thấy được ánh sáng mới được nhờ ơn ư?

Những kẻ Thế Trí Biện Thông cậy vào kiến giải câu nệ, hẹp hòi, chê bai Phật pháp, cho là có hại cho thánh đạo, bịp đời, dối dân, trọn chẳng khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng chửi mặt trời, cho là mặt trời không có ánh sáng vậy! Hết thủy ngoại đạo đều trộm lấy ý nghĩa trong kinh Phật cho là chính mình có, lại còn trộm lấy những danh từ của Phật pháp để hành tà pháp. Do vậy biết Phật pháp chính là gốc đạo của hết thủy pháp thế gian, xuất thế gian vậy.

Ví như biển cả chảy ngầm dưới đất, những chỗ nó tưới tắm, chảy lộ ra ngoài chính là vạt con sông; nhưng vạt con sông, không con nào chẳng đổ vào biển cả. Những kẻ báng Phật kia đâu phải là báng Phật mà chính là tự báng mình đấy chứ! Bởi lẽ một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật nên Phật mới thuyết pháp giáo hóa đủ cách như thế, mong cho họ bỏ mê quy ngộ, tự chứng được Phật tánh sẵn có mới thôi.

Do Phật tánh quan trọng nhất, đáng mến tiếc nhất, nên Phật chẳng tiếc công sức như thế. Dù kẻ ấy chẳng tin nhận thì cũng chẳng nỡ buông bỏ. Nếu chúng sanh chẳng sẵn đủ Phật tánh, chẳng kham làm Phật, Phật cứ ủng hộ công lập bày như thế, hóa ra nếu chẳng phải là gã khờ bậc nhất trong thế gian thì cũng là gã đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian ư? Thiên long bát bộ, tam thừa thánh hiền há chịu hộ trì, y chỉ Phật hay sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải*)

* Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm “đề cao điều chánh, quở trách thói tà”, người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sừng miêng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật.

[Lý luận về] đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiên sư Đại Điền khơi gợi, hướng dẫn, [Hàn Dũ] mới không báng Phật nữa.

Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là “do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập”. Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi [mà lập] như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học [đạo Nho] coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy.

Đại sư Minh Giáo³¹³ muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế [Tống] Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy

³¹³ Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khê Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba

Công³¹⁴ xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: “Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!” Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đây [họ Âu] chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ [của Âu Dương Tu] tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiên Tông, biết được những nghĩa “toàn sự chính là lý” trong kinh và “pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm” của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phé sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy.

Lại còn nói: “Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thân hồn cũng phiêu tán, đâu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thân hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?” Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức [làm lành]. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* (*Dưới đây luận về giới luật*) Nói đến việc trì giới, trước hết phải giữ được hai câu giới luật khái lược của Phật. Giới ấy như thế nào? Chính là “*đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành*”. Hai câu ấy bao trùm hết thủy giới pháp, trọn chẳng sót chút nào! Đây chính là câu trích từ

tuổi được thế phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đặc pháp nơi thiền sư Hiếu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhân mạnh thuyết “Nho - Phật nhất trí”. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v... Những trước tác của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ân vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thâu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

³¹⁴ Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lĩnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

Giới kinh của Như Lai; trong Âm Chất Văn, Văn Xương Đế Quân dẫn câu này; đừng bảo “câu này vốn phát xuất từ Âm Chất Văn!”

Hai câu này nếu nhìn hời hợt dường như chẳng đặc biệt, lạ lùng gì, nhưng nếu kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, giữ được hoàn toàn không phạm thì người ấy đã thâm nhập cảnh giới thánh hiền rồi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3*)

* Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt thô mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của Luật. Nếu ai không biết nhân quả và làm lẫn nhân quả thì đều là phạm Luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiền, Tịnh đều cùng hành cả. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* Tam Quy, Ngũ Giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, hướng chỉ pháp môn Tịnh Độ giản dị, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng soi xét tam nghiệp, chẳng trì Ngũ Giới sẽ không có phân được thân người lẫn nữa, hướng gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 3*)

* Đối với việc thọ giới, nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm sẽ không có cách nào ở được!

Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xưng rằng: “Đệ tử là Phước Hiền, thề giữ năm giới, làm mãn phận Ưu Bà Di (*Ưu Bà Di, Hán dịch là Cận Sự Nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật. Mãn Phạm nghĩa là cả năm giới đều trì*). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (*nếu có vợ chồng thì nói là “không tà dâm”*). Suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu”.

Nói ba lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng phải tự chí tâm thọ trì,

[hễ chí tâm thọ trì thì so với chuyện đến chùa thọ giới] công đức trọn chẳng hơn - kém. Chớ bảo kẻ tự thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này chính là thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* (*Dưới đây luận về Trung Âm*) Trung Âm³¹⁵ là thức thần, không phải là thức thần biến thành Trung Âm, thế tục thường gọi [thức thần] là “linh hồn” vậy. Còn như nói Trung Âm “cứ bảy ngày lại sống chết một lần, bốn mươi chín ngày bèn đầu thai” v.v... chớ nên câu nệ, chấp trước [những thuyết ấy]. Nói đến sự sống chết của Trung Âm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của Trung Âm; chẳng thể ngờ nghêch đem những tướng sanh tử của người đời để luận [sự sống chết của Trung Âm]. Trung Âm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ Trung Âm mới như vậy. Dầu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết hay thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngõ hầu tỏ rõ con người chết đi thân mình bất diệt và quả báo thiện - ác chẳng dối vậy.

Nếu không, người dương gian chẳng biết chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng “con người chết đi thân hình đã mục nát thì thân thức cũng phiêu tán” ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hầm sâu tà kiến “không nhân, không quả, không đời kế tiếp, đời sau”, khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng thêm dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác!

Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết rõ điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án

³¹⁵ Còn gọi là Trung Hữu, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá Tông cho nhất định là có Trung Âm, Thành Thật Tông bác quan điểm này. Còn Đại Thừa cho rằng Trung Âm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân Trung Âm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân Trung Âm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Khi mạng báo đã hết, thì gọi là Vô Hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là Bốn Hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi Âm gọi là Trung Hữu*”.

chôn U Minh v.v...đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi đạo bình trị. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy là do đâu mà có, cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2*)

* Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong sáu đường, thì gọi là Trung Âm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo thì chẳng gọi là Trung Âm. Những hồn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui, đều là tác dụng của thần thức. Đầu thai ắt phải do Thần Thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, Thần Thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở, đã từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có Thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, Bản Thức (tức Thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái Thức thay thế mới ra đi. Bà mẹ của sư Viên Trạch³¹⁶ mang thai ba năm chính là vì lẽ này. Đây là luận theo lẽ thông thường.

³¹⁶ Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Túc Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Án Quang đã kể chuyện thiền sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đây. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái núi Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thể nước chảy xiết, chưa đến tới đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta”. Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đưa bé liền cười. Sau đây, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin Sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chần trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người Tịnh nghiệp đã thành, dầu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ; kẻ ác nghiệp sâu nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, Thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có Thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện. Chúng sanh tuy mê, nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2*)

* (*Dưới đây luận về bốn cõi Tịnh Độ*) Hai cõi Phạm Thánh Đồng Cư độ và Phương Tiện Hữu Dư độ là ước theo phàm phu đời nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật để luận. Nếu ước theo Phật để luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương đều là Tịch Quang; mà ngay cả ngũ trược ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch Quang. Vì thế nói: “*Tỳ Lô Giá Na trọn hết thấy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch Quang*”. Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch Quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến Chiếu Tỳ Lô Giá Na bèn đích thân được thọ dụng. Ngoài ra đều là phần chúng!

Nếu xét từ bậc Thập Tín trở xuống phàm phu, về Lý thì có, nhưng về Sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di Đà Yếu Giải, mà sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (*Tỳ Lô Giá Na (Vairocana)*, Hán dịch là *Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ*, là hiệu chung của *Pháp Thân thanh tịnh được chứng bởi hết thấy chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo*. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na

*Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thương trăng lộ phải bàn
Thẹn thấy cố nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.*

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyền xong xuôi, đưa bé lại đọc:

*Thân trước, thân sau sự vẫn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngó Việt giang sơn chơi khắp cả.
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.*

Rồi ruồi trâu đi mất.

cũng thể. Còn Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc v.v... là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do Hoặc nghiệp đã hết sạch, phước huệ viên mãn. Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật Báo và Tịch Quang vốn cùng là một cõi. Nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật Báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ vừa dự vào Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang. Điều Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được một phần của hai cõi ấy. Đến Điều Giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cõi ấy. Đối với cõi Thật Báo, những vị giảng sư chỉ coi nó là Phần Chứng, chỉ coi cõi Tịch Quang là rốt ráo.

Tịch Quang vô tướng, Thật Báo trọn đủ những Hoa Tạng thế giới hải vi trần số trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Ví như hư không, thể của nó chẳng phải là các tướng, nhưng hết thấy các tướng đều do hư không tỏ lộ. Lại như gương báu, rỗng rang, sáng ngời, xuyên suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ người Hồ đến liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến liền hiện bóng người Hán. Thật Báo và Tịch Quang là một nhưng lại là hai, tuy hai nhưng là một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cõi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* (*Dưới đây luận về xá-lợi*) Như nói đến Xá Lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), hoặc Linh Cốt (xương thiêng), do Giới - Định - Huệ của người tu hành đạt được, chứ không phải do luyện Tinh - Khí - Thần hợp thành. Đây chỉ là tướng biểu thị tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải riêng gì sau khi chết đi, đem thiêu, thit, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi. Xưa có vị cao tăng tắm gội bèn được xá-lợi. Lại còn Tuyết Nham Khâm thiền sư³¹⁷ cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ trong ván in hiện ra xá-lợi. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim

³¹⁷ Tuyết Nham Khâm thiền sư là một vị cao Tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: “*Sơn tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền... Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm*”.

đâm xuống bèn được xá-lợi. Lại có người chết rồi đem thiêu, xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái, đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhân thiền sư trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm. Chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch³¹⁸. Hãy nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do Tinh - Khí - Thần luyện thành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ấn Tâu*)

* **Người biên tập kính cẩn nhận định:** Đêm hôm sau lễ trà-tỳ (hỏa thiêu) đại sư Ấn Quang, kiếm được hơn trăm hạt xá-lợi ngũ sắc, tròn trịa, chói ngời, tỏa sáng lấp lánh. Lại còn có những đóa hoa xá-lợi to hay bé, và xá-lợi máu, răng v.v... (ba mươi hai hạt), tổng cộng hơn một ngàn viên. Tăng, tục trong núi không ai chẳng kinh ngạc, bảo là chuyện hiếm có. Cư sĩ Viên Đức Thường ở Vô Tích lại nhặt lấy linh cốt (vụn xương) của đại sư đem về, cả nhà xúm lại chiêm ngưỡng, chợt thấy trong xương có vô số xá-lợi, sáng ngời lóa mắt. Tôi chép thêm vào đây để trần thuật lòng ngưỡng mộ.

* Xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngần. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên) chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn năm mươi tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A Dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy [xá-lợi] chuyển biến lớn, nhỏ, cao, thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn*)

* (Dưới đây luận về chuyện đốt hương trên cánh tay) Tỳ hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai kinh Lăng Nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết thấy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn

³¹⁸ Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là Thung). Ngoài ra, Thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

giữ thân mình. Đối với kẻ khác bèn giết chóc để ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, hễ muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng... đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu Ba La Mật, cách này thuộc về Bồ Thí Độ.

Thắp hương đốt thân đều gọi là Xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huệ rạng, tội diệt, phước tăng (*Nói “mình lẫn người” nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng phước giới chúng sanh, nên nói là “mình lẫn người”*). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là “*tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp*”³¹⁹.

Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước [thực hiện] cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tỳ hương, dầu có đốt sạch toàn thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tỳ hương*)

* (*Dưới đây luận về cảnh giới*) Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng lìa tướng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tướng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh ngênh tiếp! Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện. Tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện!

Nói “*tướng tùy tâm hiện*” thì được, còn bảo “*chỉ có tâm không cảnh*” thì chẳng thể được. “*Chỉ có tâm không cảnh*” thì phải là bậc Đại Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì. Nếu các hạ nói thì sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến, sẽ là tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiến Vi*)

³¹⁹ Tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp: Tam luân thể không là người thí, người nhận, vật được thí thể đều không; tứ hoằng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn Hoằng Thệ Nguyện.

* Hai thứ tà kiến được nói trong thư gửi đến chính là “đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận; nhưng đức Phật lòng Từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có tâm tham nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa Bà há có thể so sánh được ư?

Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện, rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dầu cầu [được như thế] cũng trọn chẳng thể được.

Đây là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói; chứ quý thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v... Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện. Những kẻ [tà kiến] kia cho rằng “kinh Kim Cang là không”, chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về Lý Tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng Lý Tánh. Sự trang nghiêm nơi Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phàm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là “chẳng hề có chuyện ấy!” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sương*)

* (*Dưới đây là luận về thần thông*) Tha Tâm Thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự chứng đạo thì như ông Chú Am³²⁰ hễ hỏi đến bất cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thảy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp

³²⁰ Theo sách Di Đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại Dương Châu thiên tự, hay cà khịa với vị sư giữ chức Phạn Đầu, chửi bới tục tằn, vô lễ. Trụ Trì quở trách. Về sau, Sư hồi cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường, nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí, chẳng cần đem sách lại, hễ hỏi đến Sư bèn đọc ra thông suốt.

tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ, nhưng trong tâm thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (*Xem kinh Phật cũng giống như thế. Cổ nhân nói: “Nhất nhiễm thức thân, vĩnh vi đạo chủng” (Một phen lọt vào thân thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Hãy nên tin tưởng chắc chắn điều này*). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có Tha Tâm Thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm thức của người khác mà đọc ra. Đây là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải là trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* (*Dưới đây luận về ngoại đạo*) Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu Tứ Niệm Xứ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết ‘thân, thọ, tâm, pháp’ đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh Chân Như tự có thể hiển lộ.

Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc “luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử”; còn hậu thế hể tu theo Đạo giáo thì không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhặt thuộc Thế Đế như Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ v.v... không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v... là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm ngặt. Bởi lẽ, một đấng biết thân tâm là huyễn vọng, một đấng lại khư khư thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, chứ không phải là chân tâm vốn có.

Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tột bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử thì có khác gì lời nói trong mộng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ân Tâu*)

* Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm màu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt, đồn thổi, nói: “*Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo*”. Thật ra, hoàn toàn là dùng thức thân để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của Chân Như Thật Tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: “*Lục Tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, Tăng gia vô hữu pháp*” (Lục Tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, Tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc.

Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là nhờ có hai pháp đặc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hể được minh sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế, bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: “Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!” Vì thế, lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thâm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm!

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt, dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế, trước khi được truyền đạo, trước hết buộc [kẻ ấy] thề thốt: “Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thâm như thế nào đó!” Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này, dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt, thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trang Huệ Cự*)

* (*Dưới đây luận về duyên thù thắng*) Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đây chính là quy y, chẳng cần “phải làm lễ quy y thì mới là quy y”; [đừng nghĩ] không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y! Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đây chính là

“chân quy y”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Kim Chân Khanh*)

* Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não Hoặc nghiệp tham - sân - si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không! Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chi kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thấy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ tuy có thể dùng làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Chư Phật lấy Tám Khổ làm thầy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thành A La Hán, như vậy Bất Tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh. Người trong cõi Bắc Câu Lô Châu³²¹ trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo. Nam Diêm Phù Đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số! Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy sống say chết mộng trong

³²¹ Bắc Câu Lô Châu (Uttara-kuru), còn phiên là Bắc Uất Đan, Bắc Đan Việt, Uất Đan Việt, Uất Đa La La Cứu Lưu, Ốt Đát La Câu Lô, dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng. Theo các kinh Trường A Hàm, kinh Đại Lô Thán, kinh Khởi Thế, kinh Đại Pháp Cổ, Lập Thế A Tỳ Đàm Luận và Câu Xá Luận thì Uất Đan Việt là một trong bốn đại châu ở quanh núi Tu Di, thuộc vùng biển nước mặn ở phía Bắc Tu Di. Châu này vuông vắn, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, hình dáng như nắp hộp, được bao quanh bởi bảy núi vàng và núi Đại Thiết Vi. Vàng ròng làm đất, ngày đêm luôn sáng sủa. Nhân dân cõi ấy mặt mũi giống nhau, luôn an vui, không có những khổ nạn, người ác, tranh chấp. Đồ vật toàn bằng chất báu như vàng bạc, lưu ly... Mọi tài sản là của chung. Nam nữ sống riêng mỗi nơi, nếu khởi tâm dâm dục bèn ân ái cùng nhau. Người nữ mang thai bảy ngày bèn sanh con, đặt bên vệ đường, mọi người đều đến nuôi dưỡng, dùng dầu ngón tay dứt cho liền tiết sữa. Bảy ngày liền khôn lớn, bằng với người hai mươi tuổi ở Diêm Phù Đề, sống thọ ngàn năm. Đến khi lâm chung sanh lên trời Đạo Lợi hoặc trời Tha Hóa Tự Tại. Ba châu khác đều có địa ngục, riêng châu này không có (theo Phật Quang Sơn Tự Điển).

vòng đục lặc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu*)

IX. Dụ Tại Gia Thiện Tín (Khuyên dạy hàng cư sĩ thiện tín)

1. Giảng về đại giáo luân thường

* Chuyện học Phật vốn là phải trọn vẹn đạo làm người thì mới hòng tiến hướng được. Ấy là vì Phật giáo bao trùm hết cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói từ, với con nói hiếu, thầy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn xây lầu cao vạn trượng, trước hết phải đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lầu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt sẽ đến nỗi chưa xây xong đã sụp. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư³²²: “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*” Sư nói: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”. Muốn học Phật pháp, trước hết phải chế ngự lòng ham muốn, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm. Người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo*)

* Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ

³²² Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Nguưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tính Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyên. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với Phục Lễ pháp sư ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tân Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Hang ổ gọi là Khoa, tổ chim gọi là Sào*”). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: “*Thê tử hảo hợp, như cố sắt cầm, huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả đām. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa*” (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm³²³. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vậy). Khổng Tử nói: “*Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ!*” (父母其順矣乎: Thuận lòng cha mẹ vậy thay) chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng theo vậy! Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu! Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt, từng giọt, giống hệt như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh, bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đây chính là pháp lợi ông sẽ đạt được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Pháp Lợi - 2*)

* Con người sống trong thế gian dù thiện hay ác đều phải có người phụ trợ thì mới thành được như vậy! Dẫu là bậc thánh bảm sanh vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ cho đạo đức của vị ấy, hưởng gì những kẻ kém hơn ư? Do vậy, Thái Nhậm dạy con từ lúc còn nằm trong thai (thai giáo) nên sanh ra Văn Vương có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi [Văn Vương] nêu gương đức hạnh từ vợ cho đến anh em, [đức ấy] lan truyền ra cả nước. Nhưng đây mới chỉ là luận theo phía Văn Vương, chứ nếu bàn về đức của bà Thái Tụ³²⁴ thì cố nhiên đức ấy cũng phụ trợ cho đạo của Văn Vương. Như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau bên cànng thấy sáng sủa; hai tay rửa lẫn nhau thì mới được sạch sẽ. Do vậy, mới nói: “*Đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu và hiền thê!*” Ấy là vì vợ có thể ngầm giúp chồng, mẹ có thể dạy con cái từ lúc còn trong thai; hưởng chi mấy năm đầu đời, hằng ngày ở bên mẹ, thân cận

³²³ Sắt (瑟) là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn Tranh, thân đàn làm bằng gỗ Tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhận) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng! Cầm (琴) tức là cổ cầm (còn gọi là Dao Cầm, hoặc Thất Huyền Cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn Sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ Ngô Đồng, âm thanh trầm âm, lan xa, chứ không lạnh lót, réo rất như đàn Sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

³²⁴ Thái Tụ là vợ của Văn Vương

tâm gương tốt lành, thường được răn dạy, nên tánh tình bị chuyển biến mà không biết không hay, có những điều chẳng mong mỏi mà đạt được. Tôi thường nói: “*Dạy con gái là cái gốc của việc tề gia trị quốc*”. Lại thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa*”, chính là vì ý này vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân*³²⁵)

* Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép; như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn. Khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó. Lớn - nhỏ, dày - mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn!

Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này. Vì thế, những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch; những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tẻ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng. Cổ nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một trời một vực! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Khéo dạy dỗ con cái, khiến cho chúng nó đều là người hiền, mềm mỏng, nho nhã, [đấy mới] quả thật là kẻ giữ vẹn luân thường lớn lao! Bởi lẽ, con cái đã đều hiền thiện thì anh em trai, chị em gái, chị em dâu, con cháu đều nhìn theo nhau làm lành. Từ đấy [đời nào cũng] nối tiếp nhau là người hiền thì người hiền sẽ đông, kẻ xấu sẽ ít. [Do vậy] kẻ xấu cũng có thể bị cảm hóa trở thành người hiền, người lành. Nền tảng khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui đều nằm trong sự dạy dỗ con cái. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thần Hiểu Viên*)

* Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, [nếu] mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*”, chớ

³²⁵ Nghi Nhân: Thời Minh, Thanh vợ các quan thuộc ngạch Ngũ Phẩm được phong là Nghi Nhân. Bà Nghi Nhân này họ Phùng, pháp danh là Bình Trai.

nên niệm thâm trong tâm, bởi niệm thâm tâm lực nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đưa con ra, nếu thâm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh.

Nếu chí thành khẩn thiết niệm, chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đưa con mắc các chứng kinh phong v.v... Dầu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dầu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở.

Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự để luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dầu là con gái ruột, con dâu [sanh nở] cũng chẳng dám nhìn đến, huống là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lỏa lò, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuông, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ước đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (*Kinh Dược Sư nói về thế nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bắt tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được*). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thơ Gởi Khấp*)

* Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đưa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiệp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đây chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào!

Đợi tới khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh

nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đây vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dày thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sảy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dầu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc [sanh ra đứa con] bầy bót, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra đã là may mắn lớn!

Lại phải giữ tâm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phạm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đây ấp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bùng bùng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” (Hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao.

Ông giữ tâm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tâm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh! Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì [lúc ấy phải] dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí.

Nữ nhân hễ cần thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng dùng dùng sẽ bị sảy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng dùng dùng, sữa liền biến thành chất độc. [Trẻ bú sữa ấy] nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một

ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết! Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc múc vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng ùng ùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú.

Lúc cho bú, trước hết phải vắt sữa ra chùng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú [thì trẻ] sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bưng bưng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải, tôi mới biết mối họa này!

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn; sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là do chính số mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ, chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền - 1*)

2. Khuyên nên sống trong cõi trần học đạo

* Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Hãy gắng sức tu trì. Do tại gia có đủ mọi hệ lụy, hãy nên coi [những hệ lụy ấy] như những lời cảnh tỉnh³²⁶, hãy sanh cái tâm chán lia lâu dài, ngộ hậu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến cho mẹ phải thở than, dưới chẳng khiến cho gia đình riêng của mình mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thầy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, còn vui nào bằng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*,

³²⁶ Nguyên văn “đương đầu bồng hát”: Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hét để khai ngộ. Nên “đương đầu bồng hát” cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

* Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bốn phận, trách nhiệm. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy chăm chú nơi cái nghề của mình để làm cái gốc nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh. Phàm những việc lành sức mình có thể làm được, bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ. Nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành Trợ Hạnh vãng sanh. Như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba*)

* Nói đến chuyện vun bồi công đức thì mở mang tri thức cho người khác là bậc nhất. Hiện thời Tăng Quảng Văn Sao đã sắp chữ xong xuôi, nhưng vẫn chưa kết thúc. Nếu lệnh đệ chịu bỏ tiền in bao nhiêu bộ để tự mình thí tặng ngõ hầu hết thấy những người đọc [Văn Sao] đều biết nguyên do vãng sanh Tịnh Độ; đem công đức ấy để làm bằng khoán vãng sanh cho cha, lại thêm chí thành, ắt sẽ được như nguyện, sẽ có lợi ích công đức chân thật nhất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như*)

* Nếu là bậc đại thông gia thì Thiên Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bất tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu xa, uyên áo, chỉ nên dừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi! Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiên tu pháp xuất thế. Tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cảm cúi niệm Phật liền sẽ ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh*)

* Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu Tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì

một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đây, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biên pháp Tịnh Độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dựa vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói về Từ, gặp con nói đến Hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tình lự³²⁷, ngõ hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đây gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Nương theo tâm lành ấy, dốc tận sức học đạo, tu hiếu để để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hồng giết - trộm ngầm tiêu, nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ hồng biết đạo trọng yếu thoát khổ.

Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Dem pháp môn Tịnh Độ khuyến dụ cha mẹ, dem pháp môn Tịnh Độ dạy cho con cái và những người thân quen. Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đầu xót thương thân sau của ta. Bất tất phải chọn riêng một chỗ [để lánh mình tu tập]! Gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng được về cõi Tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng để tóc, là Phật tử tại gia vậy! (*Án Quang Pháp Sư Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 1*)

* Lại đừng nói nhà mình bản hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết: Ba nghiệp thân - miệng - ý đều ác thì không ác nào lớn hơn. Nếu như ba nghiệp đều thiện thì không gì tốt lành lớn lao hơn! Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu dần dần tin nhân quả, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, huống chi nhiều người. Nhưng chính mình phải tận lực thực hành không sai sót thì mới hồng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào bắt chước làm lành, há có phải vì nhiều của cải ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1*)

³²⁷ Tình lự: Những mối suy nghĩ, lo lắng do phân biệt chấp trước.

* Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dẫu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thần thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người ta, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phạm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn năm mới chóng lành bệnh. Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay.

Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu họ chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này chắc sẽ do vì điều này mà liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đối với người ấy và đối với ông đều có lợi ích to lớn!

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vạn chớ nên dính đến chuyện ăn năm. Hễ nhể vào chuyện ăn năm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dẫu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bậy bốt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô “y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự!”

Bất luận nam hay nữ (*đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì*), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đây cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thông thường y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đây chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích “sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc” ư!

Cổ nhân nói: “*Bất vi lương tướng, tất vi lương y*” (Chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là “*đại quốc thủ*”. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghề nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghề. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư? Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán [bệnh nhân sẽ] tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ háms lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu tạo lợi ích cho kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo.

Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Hễ có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý vô ý nhân đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là “dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Mã Tinh Tiều*)

* Hết thầy chúng sanh do dâm dục mà sanh. Con phát tâm giữ lòng Trinh tu hành, cần phải nỗ lực. Nếu có những thú tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoát đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cầu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thùng đê, từ đấy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự chiêm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh*)

* Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch. Sức [bồi bổ] của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của

gạo không biết mấy lần. Quang ăn ròng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Án gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. So với sâm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần. Dầu mè Đại Ma³²⁸ cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè Tiểu Ma do bị chưng cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa! Con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đây là mùi của dầu bị cháy! Hạt sen, Quế Viên, Hồng Táo, Khiếm Thực, Ý Mễ³²⁹ đều có thể dùng để bồi bổ. Há cứ phải cần tới huyết nhục mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bổ dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao*

³²⁸ Nguyên văn “ma du” tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:

1) Đại Ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.

2) Tiểu Ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là Hương Du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chưng nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

³²⁹ Quế Viên (Dimocarpus Longan) còn gọi là Long Nhân, Á Lệ Chi, hay Yến Noãn. Vị thuốc Nhân Nhục chính là phần thịt của loại nhân này.

Hồng Táo (Ziziphus Jujuba): Ta thường gọi là “táo Tàu”, để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông Y với tên gọi là Đại Táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.

Khiếm Thực (Euryale Ferox Salisb), còn gọi là Kê Đầu, là một loại thực vật thuộc họ Súng (có sách giảng Khiếm Thực chính là củ Súng, nhưng căn cứ trên hình chụp, miêu tả, nó chỉ giống với hoa Súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tím, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m30. Hoa sắc tím, thường nở vào khoảng Hạ - Thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh dài, rất nhiều cánh hoa, trông tựa tựa như hoa Súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông Y cho rằng Khiếm Thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bệnh di tinh, hoạt tinh, bạch đới, tỳ hư, đi tiêu lắt nhắt v.v....

Ý Mễ chính là Ý Dĩ (Coix Lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt Ý Dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v... Nó thường được nấu chung với Long Nhân, Phở (Thổ) Tai, sương sa (rau câu) v.v... thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi Sâm Bổ Lượng.

X. Tiêu Ưng Độc Điển Tịch (Liệt kê những sách vở nên đọc)

* Mở bày rộng lớn nguyện luân, minh thị sâu xa duyên khởi thì chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên xiển dương pháp quán, dạy thêm về nhân vãng sanh thì chỉ có Thập Lục Quán Kinh. Hai kinh nói trên pháp môn rộng lớn, để lý tinh vi, kẻ độn căn đời Mạt thật khó được lợi ích. Tìm một bản kinh văn tự đơn giản, nghĩa lý phong phú, chữ nghĩa gọn ghẽ, lý đời đời, thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân phụng, tu tập dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dốc sức tu một hạnh mà viên thành vạn đức, khiến cho cái tâm tu nhân nhanh chóng khế hợp quả giác thì chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh mà thôi!

Ấy là vì vừa nghe “y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm hội” thì lòng tin thật sự sẽ nảy sanh, nguyện thiết tha sẽ phát, ắt sẽ có cái thể cuộn cuộn như sông ngòi không sao ngăn được! Từ đấy, khăng khăng gìn giữ, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai tri kiến Phật, cùng được thụ dụng như Phật.

Do vậy, biết rằng: Một pháp Trì Danh chứa đựng trọn vạn hạnh, toàn sự chính là lý, toàn vọng chính là chân, nhân tốt biến quả, quả thâu nguồn nhân, thật có thể gọi là “*đường tắt để trở về nguồn, là môn trọng yếu để nhập đạo*” vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in lại Phật Thuyết A Di Đà Kinh*)

* Kinh A Di Đà có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dẫu cổ Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng. Kinh Vô Lượng Thọ có bản sơ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần Ngài ước theo sự tướng mà phát huy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Cổ nhân muốn cho cả cõi đời cùng tu nên đem kinh A Di Đà xếp vào khóa tụng hằng ngày. Do kinh này lời lẽ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hành giản dị mà hiệu quả nhanh chóng, nên bậc hoằng pháp đại sĩ chú sớ, tán dương, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kê! Trong số ấy, tìm lấy bản thật rộng lớn, thật tinh vi thì không gì bằng bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì. Còn bản thẳng chóng, quan trọng, hay khéo thì không gì bằng bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê pháp sư³³⁰ nắm giữ pháp ấn Đệ Quán Bất Nhị của Thiên Thai Giáo Quán, soạn bộ Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng hàng sơ cơ vẫn hiểu được, văn lưu loát, thông đạt, khiến người tu lâu đều khâm phục. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại cuốn Di Đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì*)

* Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đọc phẩm này sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương tam thế chư Phật. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ*)

* Phần cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm, tức chương Đại Thệ Chí Bồ Tát, chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh Độ thành năm kinh. (*Án*

³³⁰ Ngài U Khê là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Sinh vào năm 1554 nhằm đời Gia Tĩnh nhà Minh, là người huyện Tây An, phủ Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, pháp tự Vô Tận, pháp hiệu Hữu Môn. Lúc nhỏ lễ ngài Hiền Ánh Am thiền sư xin thế độ, sau theo ngài Bách Tùng Chân Giác nghe giảng kinh Pháp Hoa, học Thiên Thai Giáo Quán Tông. Năm 1582, nhân hỏi ngài Bách Tùng về yếu chỉ đại định, bị Sư trùng mắt nhìn, đột nhiên khế ngộ. Ngài Bách Tùng bèn truyền cho kim vân tử ca-sa. Năm Vạn Lịch 15 (1587), về trụ tích tại chùa U Khê Cao Minh trong núi Thiên Thai, giảng dạy học trò, nghiên cứu, tu tập Thiền và Tịnh Độ. Thế gian gọi Ngài là U Khê Đại Sư từ đó. Sư thường tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Từ, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v... Mỗi năm cử hành pháp hội tu bốn thứ tam-muội, luôn đem thân làm gương đốc suất đại chúng. Khi Ngài đang giảng pháp, đại chúng chột nghe có tiếng nhạc trời réo rắt, Sư biết đã đến lúc, giảng xong, bèn viết năm chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, lớn tiếng xướng tụng đề kinh hai lượt, rồi nghiêm nhiên thị tịch, thọ 75 tuổi. Ngài còn để lại các tác phẩm Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tánh Thiện Ác Luận, A Di Đà Kinh Lược Giải Viên Dung Trung Sao, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú, Tịnh Độ Pháp Ngữ, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Quán Kinh Đồ Tụng.

Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4)

* Sách Tịnh Độ Thập Yếu là do Ngẫu Ích đại sư dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh Độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tốt không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đôn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu! Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy! (*Đây là nói ví von pháp môn màu nhiệm, chẳng được hiểu làm là thành tiên!*). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Sách Pháp Uyên Châu Lâm (*một trăm quyển. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành ba mươi tập*) bàn luận chi tiết về nhân quả, Lý - Sự cùng nêu, rành mạch phân minh. Đọc đến khiến người không lạnh mà rét buốt; dầu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng trung hạ căn đều được lợi ích, trọn chẳng đến nỗi lầm lẫn đường nẻo, chấp lý phế sự, rớt vào thói tệ thiên lệch, tà vạy, cuồng vọng (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Bá Thành - 1*)

* Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều cặn kẽ, là cuốn sách kỳ diệu bậc nhất để dẫn dụ sơ cơ. Nếu muốn lợi khắp hết thấy, chẳng thể không khởi đầu từ sách này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tạng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Cuốn Kinh Trung Kinh Hựu Kinh³³¹ (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt) tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia

³³¹ Kinh Trung Kinh Hựu Kinh: là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chử, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tỉnh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tinh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng, không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự lấy hiệu là Nhất Tây Cư Sĩ. Cuốn Kinh Trung Kinh Hựu Kinh của ông được đưa vào Vạn Tục Tạng kinh, tập 62, đánh số 1185.

loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiền thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh Độ. Sách này có lợi ích rất lớn cho kẻ sơ cơ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức. Đọc đến tâm sẽ tự vui sướng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mất mát lớn lao. Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kéo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* An Sĩ Toàn Thư giác thế, mở mang trí óc cho dân, tận thiện, tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim; ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng. Lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy....

An Sĩ tiên sinh họ Châu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách Tam Giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn Niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào trường, bèn chán khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không làm lỗi, rồi do đấy bèn thoát khỏi biển sanh tử. Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết, đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hôi Cuồng. Bởi lẽ, chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là

nhieu nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất.

Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa trực tiếp đem cái tâm rử lòng giáo huấn [của Văn Xương Đế Quân] triệt để mở toang ra, giải bày trọn vẹn, khiến cho ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuối gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật, Tổ, thánh hiền, để kẻ nhả, người tục cùng xem, trí - ngu cùng hiểu.

Ông lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ Tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Thật đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; nếu bảo ông ta không phải là Bồ Tát tái lai, tôi không tin! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên*)

* Ngài Mộng Đông nói: “*Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật*”. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Mộng Đông Ngữ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều châu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm câu cao hơn thì có bộ Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân, quả thật là hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị. Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thầy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh Độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, Tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, cẩn thận, kiên trì, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông nhân³³² trong thế gian gân đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không kiên trì. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Sa Bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử của Phật Di Đà,

³³² Thông nhân: Những người tự xưng là thông đạt, “thâm nhập Bát Nhã”, trọn chẳng giữ thanh quy giới luật, phóng túng mà vẫn tự coi mình mới là người tu hạnh Đại Thừa, chê trách những người giữ giới luật là Tiểu Thừa, thiên chấp!

làm bạn lành của Đại Sĩ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Viru Hoằng Như*)

* Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. So với hết thấy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Muốn biết nguyên do của Thiện và Tịch mà không xem rộng khắp các sách Thiện - Tịch sẽ không thể nào hiểu được. Dẫu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ trở thành đôi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các trước thuật Tịnh Độ, nhưng các trước thuật về Tịnh Độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiện và Tịch, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức, thì có lẽ là bộ *Án Quang Văn Sao* chẳng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: *Nay vì nghĩ cách tạo tiện lợi cho người đọc Văn Sao, tôi trích lục những lời tinh xác nhất, thiết yếu nhất soạn thành tác phẩm Tinh Hoa Lục này. Những vị có chí tu Tịnh nghiệp nếu không rảnh rỗi để đọc kỹ bộ Văn Sao, chỉ lắng lòng nghiên cứu bộ Tinh Hoa Lục này ắt sẽ hiểu rõ văn lẫn nghĩa Tịnh Độ như nhìn vào ngọn lửa vậy!*

* Đại sư Liễu Nhiên từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Sau đây, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biển pháp rất sâu để chư Phật, chư Tổ tự lợi, lợi người rất ráo, liền sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiện và Tịch, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiện Tịnh Song Úc (Thiện và Tịch cùng ra công gắng sức). Tuy đề xưng Thiện Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngõ hầu người tham Thiện chưa ngộ chứng có được đạo để liễu thoát ngay trong đời này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời tựa cho cuốn Thiện Tịnh Song Úc*)

Người biên tập kinh cần nhận định: *Gây đây, Liễu Công Thượng Nhân trước tác hai cuốn sách Nhập Hương Quang Thất và Bát Nhã Tịnh Độ Trung Đạo Thật Tướng Bồ Đề Luận, dùng diệu pháp sự lý viên dung để làm sáng tỏ triệt để diệu nghĩa Tịnh Độ. Vì thế cảm được đức Phật chứng minh, xá-lợi nhiều lần giáng xuống.*

* Kinh Kim Cang chính là quy củ chuẩn mực cho con người hành khắp lục độ vạn hạnh, phổ độ hết thảy chúng sanh, chính là cương yếu của khắp hết thảy các pháp môn trong cả một đời giáo hóa. Ấy chính là ngay nơi tướng mà lìa tướng, sao lại nói không thể dung thông với Tịnh Độ cho được? Pháp độ sanh, chỉ có mỗi Tịnh Độ thật là bậc nhất. Muốn sanh về Tịnh Độ thì phải tịnh cái tâm. Hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Dùng tâm thanh tịnh chẳng trụ vào tướng để niệm Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật, vãng sanh Tây Phương, chứng Vô Sanh Nhẫn, chính là lý sự quyết định chẳng thay đổi vậy, nào còn ngờ gì nữa? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho bản đức kèm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết*)

* Nên lấy Niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh Độ, dầu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì! Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh Độ, dầu thâm nhập Kinh Tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy! Thuốc A Già Đà (*Phạn ngữ A Già Đà, Hán dịch là Phổ Trị (trị khắp tất cả), trị được hết thảy bệnh tật*) trị được vạn bệnh. Không biết điều này, đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

Lời người biên tập

Vị tổ thứ mười ba của Liên tông là Linh Nham Ấn Quang đại sư nương đại nguyện luân, làm sứ giả của đức Như Lai, dũng mãnh hiện thân trong đời Mạt pháp mịt mờ, mênh mông, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngộ trọn vẹn chân thừa. Do sự giải thoát theo đường lối tu tập trong các môn khác khó khăn, chỉ có nương theo pháp Niệm Phật mới thoát được sanh tử, Sư bèn chuyên dốc đề xướng một tông Tịnh Độ, nhiếp khắp các căn cơ. Pháp ngữ [của Ngài được] lưu truyền trọn khắp trong ngoài nước. Những người tôn sùng, kính ngưỡng, xin quy y nào phải chỉ có mấy chục vạn người. Bình sinh, Sư tu trì dũng mãnh, giáo hóa người khác tha thiết, hàng Tăng Già cận đại hiếm mấy ai mong sánh bằng Ngài! Đến cuối cùng, Ngài buông tay liền đi, điềm lành chiếu rạng, trọn không chướng ngại gì, khiến cho những kẻ thấy nghe đều cùng cảm thán, lòng tin tưởng càng thêm kiên cố. Quả thật là bậc hiếm thấy kể từ sau thời Triệt Ngộ lão nhân.

Tịnh Thông then được liệt vào hàng đệ tử của Ngài, nhưng chưa được thân cận! Sư đã thị tịch, hận chưa báo được ân sâu, xót không cách gì thưa hỏi để đạt lợi ích, liền thâm thập những di trước của thầy, sớm tối giờ xem, đọc kỹ, nghĩ chín, cảm thấy mỗi một chữ, mỗi một câu, đều là đuốc huệ trong đường tối, là bè từ trong biển khổ. Như cái trống bỏi thuốc độc, tiếng nào cũng đều vang khắp. Như gương tròn lớn, ánh sáng nào cũng chiếu xen. Có điều [các di trước của Sư] từ nhiều, nghĩa rộng, chưa dễ suy lường, thấu hiểu; do vậy, tôi bèn trích lấy những lời tinh túy nhất, hoặc những câu có cùng ý nghĩa, nhưng được diễn đạt thù thắng, vi diệu, chọn lọc những điểm trọng yếu, lựa lấy những nghĩa u huyền, biên soạn thành một cuốn sách; nhưng những phần đã chọn lọc chỉ hạn cuộc trong hai bộ Chánh Biên và Tục Biên.

Bạn tôi là cư sĩ Đường Huệ Tuấn vẫn hiềm chưa đầy đủ, bèn thương lượng với pháp sư Diệu Chân, trích lấy những đoạn trong bộ Văn Sao Tam Biên chưa được ấn hành, đưa cho tôi chọn lọc, ngõ hầu chỉ đọc những phần tinh hoa trong toàn tập lại đạt được hiệu quả to lớn. Tổng hợp ba bộ Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Tam biên, soạn ra ba trăm ba mươi đoạn, lại dựa theo thứ tự trong tác phẩm Chánh Biên Gia Ngôn Lục để chia thành mười phần, dựa theo [ý nghĩa của từng] câu văn để chấm câu tường tận cho dễ đọc, đặt tên là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục, xếp vào loại tài liệu quý, để giúp mình tìm tòi, lần gỡ đầu

mỗi, hồng khích lệ chính mình tinh tấn mà thôi, chưa vội trình cho người khác biết. Dần dần, sách được các vị đại đức ở Thượng Hải, Tô Châu nghe biết, lấy về xem.

Do tác phẩm này chưa bằng được một phần mười nguyên tác, nhưng tâm truyền của Phật, Tổ, đạo mạch của thánh hiền, ý chỉ huyền áo của Tịnh Độ, công huân kỳ diệu của pháp Trì Danh, phàm những lời bàn xứng tánh nói đúng như sự thật của thầy tôi đã đều được chọn lọc không còn sót, ném một giọt nước biển ắt biết được trọn vị của biển cả; họ bèn cùng đề nghị ấn hành hồng tạo lợi ích cho những người cùng hàng. Lại được hai vị pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm chiêu theo nguyên tác, giám định cặn kẽ, nên tác phẩm mới được hoàn thiện.

Xưa kia, trong bức thư trả lời ông Ly Ân Tâu, đại sư đã từng dạy: *“Văn của tôi tuy không nêu tỏ được điều gì lớn lao, nhưng kẻ sơ cơ đọc đến sẽ hiểu rõ ràng giới hạn giữa Thiên và Tịnh, lợi ích lớn nhỏ giữa Phật lực và tự lực, rành rành như nhìn vào ngọn lửa, sẽ tự chẳng đến nỗi muốn liễu sanh tử mà chẳng biết đường nẻo! Cũng như trong hết thảy các pháp sẽ thấy pháp nào cũng viên diệu, nhưng chẳng đến nỗi không có pháp nào thích hợp để hành theo”*. Thêm nữa, trong thư gửi cho cư sĩ X... ở Vĩnh Gia, Sư dạy: *“Khuyến một người sanh về Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Phàm một người thành Phật sẽ độ vô lượng chúng sanh, nhưng công ấy do ta khởi xướng, công đức lợi ích ấy há thể nghĩ bàn được sao?”*

Tâm độ sanh của đại sư đến tột cùng đời vị lai vẫn vô cùng tận. Chỉ mong những ai đọc cuốn sách này sẽ y giáo phụng hành, rộng vì người khác diễn thuyết, hoặc bỏ tiền của lưu thông, tự lợi lẫn lợi tha, chẳng những đạt được được vô lượng vô biên phước đức, mà còn sẽ chẳng khác gì có cùng lời ăn tiếng nói với đại sư, tiếp nhận pháp do ngài trao truyền, như đã nắm chắc bằng khoán sanh về Tịnh Độ. Tịnh Thông trí huệ hẹp hòi, kém cỏi, đối với di huấn rộng lớn tinh vi của thầy, chỉ hơi hiểu biết được ngoài rìa, chưa thể thấu hiểu cùng tột, thật khó thể nào tránh khỏi lỗi lầm bỏ sót châu ngọc, vẫn mong những vị đại đức trong cõi đời dạy bảo cho.

Đầu Thu năm Giáp Ngọ, tức năm 1954, Bồ Tát Giới đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm, pháp danh Tông Kính, viết tại Văn Tánh Lư ở Thượng Hải vào năm 77 tuổi.

Phụ Lục

Công Đức In Tạc Kinh Tượng

Pháp sư Hoàng Nhất giảng, cư sĩ Vuư Tích Âm bút ký

Chúng sanh trầm luân trong biển khổ, ắt phải nhờ vào thuyền Từ cứu giáo hóa, hướng dẫn thế gian hoàn toàn cậy vào kinh - tượng để duy trì hầu truyền đăng cho vô tận đời sau. Do bởi lẽ ấy, phàm những ai có thể phát tâm đối với kinh Phật, tượng Phật, hoặc khắc, hoặc chép, hoặc tạc, hoặc đắp, hoặc thếp vàng, hoặc vẽ vờ; đối với các cách in tạc như thế hoặc cạn kiệt tâm mình, một mình ra sức lo liệu, hoặc vì sức mình chẳng đủ bèn khuyên bảo rộng rãi mọi người, hoặc lưu thông [những kinh tượng] người khác đã in tạc để cúng dường, hoặc thấy người khác vừa in tạc bèn tán trợ hoặc hoan hỷ thì công đức của những người ấy đều thật rộng, thật lớn, chẳng thể dùng toán số tầm thường để tính toán được. Vì sao vậy? Phật lực vô biên khéo dẹp các khổ; chúng sanh vô lượng nghe pháp khó lắm! Nay những người gây công đức in tạc ấy khai thông cầu pháp, hoằng dương sự giáo hóa rộng lớn, thí rộng khắp bè bấu, giúp khắp những ai hữu duyên. Tâm lượng ấy rộng lớn quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, công đức ấy cũng rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Nay kính cần đem những lời vốn do kinh dạy, nêu đại lược mười điều lợi ích to lớn, kính cần dùng lời văn nông cạn để lần lượt trình bày như sau:

1) Các thứ tội lỗi đã tạo trước đây hề nhẹ bèn lập tức tiêu diệt, nặng thì cũng chuyển thành nhẹ: Tham - sân - si là chủng tử tạo thành oan nghiệt, thân - khẩu - ý là cơ quan để làm ác. Đem thanh tự kiểm điểm, đời này đã phạm nhiều tội chẳng thể tính được. Nếu gộp những tội đã phạm trong nhiều đời thì tội nghiệp đã tạo nhiều như núi băng nơi xứ lạnh, chẳng thể không sợ hãi! Tuy nhiên, tội tánh vốn không, nếu đây động tâm cơ chuộc tội, thệ nguyện lưu thông thánh kinh (kinh điển nhà Phật), trang nghiêm tượng Phật, thì núi băng tội ác một khi gặp phải huệ nhật lẽ nào chẳng tiêu giảm không dấu vết ư?

2) Thường được cát thần (thiện thần) ủng hộ, hết thấy tai nạn ôn dịch, nước, lửa, giặc cướp, đao binh, lao ngục đều chẳng bị hứng chịu: Những thứ ác báo trong nhân gian không gì chẳng phải là do ác nghiệp đã tạo trong nhiều đời cảm thành. Thiện lực trong một niệm có thể xoay chuyển được lòng trời. Tu hành thiện nghiệp phải bắt đầu thực hiện từ công đức thù thắng nhưng thuận tiện, dễ làm nhất là in tạc kinh

tượng, công đức ấy sẽ cảm động những vị thần tốt lành nên sẽ được hộ vệ. Điều này quả thật có mối quan hệ lợi ích lẫn nhau. Bởi lẽ dù là thần đạo hay thiên đạo, nói theo Phật pháp, đều bị túc nghiệp sai sử, chưa thoát khỏi cái nhân khổ luân chuyển bao kiếp. Do vậy, khi đức Như Lai thuyết pháp thường có vô số thiên thần cung kính ủng hộ. Khi ngài A Nan kết tập kinh, tứ đại thiên vương nâng án. In tạo kinh tượng là chuyện chư thiên long thần hoan hỷ phi thường. Do công đức này, cảm được những vị thần tốt lành thường ủng hộ cho. Hết báo thân này, lia các tai ách. Đây là chuyện phải như vậy chứ không phải nhờ may mắn [mà được cát thân ủng hộ] đâu nhé!

3) Oán đối đời trước đều được lợi ích nơi pháp, được giải thoát, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ tầm cừu báo phục: Hết thấy các thứ hành vi ngang ngược kết oán như tranh giành, ghen ghét, dối trá, vu hãm, cướp đoạt, tàn sát... trong nhân gian không gì chẳng bắt nguồn từ ý niệm tự tư tự lợi. Phật pháp lấy phá trừ Ngã Chấp làm công trình bậc nhất để cứu khổ, gột sạch nạn. In tạo kinh tượng lợi ích khắp nhân gian, là công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn, ảnh hưởng rất rộng. Một giọt mưa pháp thừa sức dập tắt lửa sân oán đối nhiều đời, hóa thù thành ân, chuyển họa thành phúc, quyền ấy có bao giờ chẳng do chính ta thực hiện?

4) Dạ-xoa, ác quỷ chẳng thể xâm phạm. Rắn độc, cạp đói chẳng làm hại được: Hạnh xấu keo tham là cái nhân sâu xa khiến đọa lạc trong quỷ đạo. Lửa sân vô minh là điềm gây nên tai ương độc trùng. Kết oán nhiều đời, tầm thù trăm kiếp. Ác duyên chưa chín muồi, mặc ý tiêu dao; đến khi cơ hội đã tới, nhờ ai giải cứu? Quỷ mị xâm hại, cạp rắn bứt bách. Oan nghiệt do mình tự gây, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Người tu kinh sợ, in tạo kinh tượng, hành sẵn chuyện sám hối tội. Do vậy, dù có ác duyên cũng đều tiêu trừ được. Nếu lâm vào hiểm địa liền hóa thành đường bằng phẳng.

5) Tâm được an ủi, ngày không hiểm sự, đêm không ác mộng, vẻ mặt tươi sáng, khí lực sung mãn, việc làm tốt lành, thuận lợi: Trần thế đông người, mười phần có đến bảy tám phần gặp cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Trong một đời chúng ta, trong mười phần có đến bảy tám phần lâm vào cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Ấy là vì chấp ngã, những gì ở ngoài ta đều đứng vào vị trí đối lập, một mình kháng cự mọi người, còn gì nguy hơn? Huống chi dục tâm khó thỏa giống như

hang sâu. Vô sự lại tự khuấy rộn mình, không gió cũng nổi sóng. Đây chính là lý do “*hình là đằm tội, thân là gốc khổ*” vậy. Phật pháp khéo diệt các gốc khổ, những người in tạo kinh tượng sẽ được đơm pháp vị nên thông sáng, hoặc ngầm được gia bị nên trở thành thông suốt, nhanh lẹ, các chương tiêu sạch, tâm yên, thân khỏe, thân sắc tươi nhuận là chuyện chắc chắn vậy!

6) *Chí tâm phụng sự pháp, dầu không mong cầu, tự nhiên cơm áo dư dật, gia đình hòa thuận, phước thọ dài lâu:* Cư xử với người, thấy biết chỉ một niềm chân thật, hễ có cơ hội bèn vội làm ngay, không suy tính, không mong cầu. Phát tâm thật chân thành, thiết tha, vận dụng hết sức lực, tự nhiên thành tựu thật cao trời. Đối với việc in tạo kinh tượng, chí thành ngút trời, người chí tâm phụng sự pháp, thực hiện bằng lòng chân thiết khẩn khoản như thế, dầu chẳng tính đến công đức mà công đức đạt được quả thật không hạn lượng. Ở đây chỉ nói lên một phần phước thế gian người ấy đạt được mà thôi, tự nhiên mỗi một điều đều đạt đầy đủ, không chút khiếm khuyết. Nếu lại có người tâm ôm hy vọng rồi mới làm điều thiện, do phát tâm không chân thật, thiết tha, kết quả liền nhỏ nhoi, mỏng manh, ấy là điều có thể đoán chắc. Tuy nhiên, một niệm lành, một đồng nhỏ nhặt đều chẳng luống uổng, đều có vô lượng quả thù thắng. Ví như một hạt thóc gieo xuống đất màu mỡ, một biến thành trăm, sau năm lần biến đổi, bèn hóa thành trăm vạn triệu. Người tạo công đức hoằng pháp há chẳng thể có kế sách lớn lao, không có quyết tâm như vậy hay sao?

7) *Lời nói việc làm khiến trời người hoan hỷ, đến bất cứ đâu thường được nhiều người dốc lòng thành yêu mến hâm mộ, cung kính lễ bái:* Đời trước mang lòng ganh ghét, thốt lời phi báng, nêu chuyện ác của người, bộc lộ chỗ dở của người, thỏa ý một chốc, chết đi trầm luân trăm kiếp, thảm khổ muôn bề, chịu đủ hết thấy ác báo. Một mai sanh trong nhân gian, nhân duyên xấu hèn, đi đến bất cứ đâu đều bị chán ghét, làm bất cứ chuyện gì đều không kết quả. Nhưng người hoằng dương Phật pháp đã gieo nhân lành từ đời trước, giữ tâm lòng báo ân, mang tâm niệm lợi lạc mọi người, hoặc tịnh tam nghiệp tạo công đức chép kinh, vẽ tượng, hoặc bỏ ra nhiều tiền để làm công đức in kinh, tạo tượng, sẽ đạt được phước thù thắng chẳng thể tính lường. Hiện tại, hết thấy mọi người kính yêu người ấy, vốn là do công đức hoằng pháp trong đời trước mà ra. Sau này, hết thấy những người khiến cho đại chúng vui mừng, kính trọng, quả thật cũng là do công đức hoằng pháp trong hiện tại mà ra.

Trồng cây gai được gai góc, trồng sen được ngó sen, mỗi một hậu quả đều do mình gieo trồng vậy.

8) *Ngũ chuyển thành trí, bệnh tật thành khỏe mạnh, khôn đốn chuyển thành hanh thông. Làm thân phụ nữ thì đến khi báo hết, nhanh chóng chuyển thành thân nam:* Đòi trước keo lặn trong việc dạy dỗ, cũng như phóng túng buông lời báng pháp, mặc sức hủy báng người có đức thì tội nặng trầm luân ắt phải chịu về sau. Lại còn bị quả báo nhiều kiếp ngu xuẩn, vô tri. Đòi trước vì bụng miệng tham lam nên mặc sức giết hại muông thú, chim chóc, cũng như từng làm phường chài, đồ tể, thợ săn, đầu bếp, cũng như từng nắm quyền chế tạo hung khí, hỏa khí, độc dược v.v... giúp cho sát nghiệp hung ác của người khác được thành tựu thì sau khi tội nặng trầm luân đã trả hết, lại còn phải bị quả báo nhiều kiếp tàn phế, bệnh ngặt. Đòi trước tham dục không nhàm, chỉ biết bóc lột người để béo thân mình, keo tiếc, tàn tệ, chẳng chịu mở túi tiền châu cấp thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn bị quả báo nhiều kiếp bần cùng khôn khổ, tai ách. Đòi trước tri kiến hẹp hòi, mang tâm đua vạy, xảo ngôn bóng bẩy, giấu diếm, thù dật dối trá, lựa dịp đưa đẩy, đo lường thiếu hụt, chân chừ, lười nhác, dựa dẫm thành tánh, phiền não cấu nặng nề, oán hận, phẫn nộ dễ phát, tâm đố kỵ sâu dày, tình dục lòng lấy thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn phải nhiều kiếp mắc báo làm thân nữ. Chỉ có Phật pháp khéo cởi gỡ các ràng buộc. Biển khổ vô biên, quay đầu lại là bờ, núi tội muôn nhận³³³, dứt niệm liền thành không. Do vậy, nhờ công đức vô thượng của việc kiên thành lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật, tội tích lũy từ quá khứ tự nhiên giảm trừ, phước thù thắng trong vị lai ngầm được viên mãn thành tựu.

9) *Vĩnh viễn lìa ác đạo, thọ sanh trong thiện đạo. Tướng mạo đoan chánh, thiên tư siêu việt, phước lộc thù thắng:* Hết thấy hàm linh xả thân, thọ thân, qua lại trong sáu đường như bánh xe quay. Ngàn đời vạn kiếp thường trong cảnh mộng, làm thiện không ngừng, tội hết ắt thăng lên. Kiêu căng, phóng túng quên gốc, gieo nhân đọa lạc. Làm ác lắm nổi, phước hụt, thọ tổn trăm ngàn vạn lần, ác báo thật đáng kinh hãi! Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh đọa trong ba đường ác, muôn kiếp trầm luân. Khó được dễ mất, thân người như vậy đó! Tạo nghiệp Thập Thiện, tu hành Ngũ Giới, sanh trong trời người, tức phước chẳng nhẹ! Chư Phật Như Lai thương lẫn xót đều sâu, rộng thuyết pháp cho, đầu tiên chú

³³³ Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một Nhận bằng khoảng chừng tám thước Tàu.

trọng nhiếp tâm, chánh niệm vô tác, lia câu vượt trần. Vì thế, in tạo kinh tượng thì khế hợp tâm Phật; chỉ mang ý nguyện nhỏ nhặt này đã gieo nhân phước. Từ đây về sau, làm bậc tái lai, các phước trọn đủ, lỗi lạc siêu quần.

10) Có thể làm các thứ thiện căn cho hết thảy chúng sanh, dùng tâm chúng sanh làm đại phước điền, đạt vô lượng quả thù thắng. Sanh ở nơi đâu cũng thường được thấy Phật nghe pháp, mãi cho đến khi Tam Huệ rộng mở, tự chứng Lục Thông, mau được thành Phật.

Trong thời đức Phật có những người ở trong một thành khó thể nhiếp hóa. Phật nói những người ấy có duyên với ngài Mục Liên. Do đó bèn sai ngài Mục Liên qua đây. Dân chúng toàn thành quả nhiên đều dốc lòng nhận lãnh sự giáo hóa. Các đệ tử hỏi Phật về nhân duyên, Phật dạy: “Trong kiếp xưa, Mục Liên từng làm tiều phu, một ngày nọ lên non đốn củi, kinh động vô số ong bay tán loạn, thế thật hung hăng, toan đến xâm phạm. Mục Liên răn chúng đừng hành hung, lại còn khuyên nhủ: ‘Các người đều có Phật tánh, mai này nếu ta thành đạo, sẽ độ các người’. Nay dân chúng trong thành ấy chính là hậu thân của bầy ong khi đó. Do Mục Liên từng phát một niệm độ hết thảy, nên có duyên với họ”. Gieo nhân trong nhiều kiếp trước, một mai cơ duyên chín muồi, thân được quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này. Do đây mà thấy, chúng ta trong nhiều đời trải qua nhiều thời đại, nơi nơi từng tiếp xúc vạn loại, mỗi mỗi đều có duyên với ta. Tâm địa hết sức linh diệu của mỗi một chúng sanh đều có thể làm phước điền vô thượng cho ta và người cùng được lợi. Ta đã gieo rắc hạt giống phước đức trong tâm điền của mỗi một chúng sanh thì mỗi một chúng sanh đều có đại duyên với ta. Trong tâm điền của hết thảy chúng sanh đã kết vô lượng quả phước to lớn. Tuy nói là [thành tựu] quả phước lớn lao vô lượng đời không hết, nhưng nói đó chính là gieo nhân cho phẩm vị diệu trang nghiêm trong thời kỳ đạo quả thành thực cũng không phải là không đúng.

Vả nữa, chúng ta trước hết phải đối trị sao cho tâm điền của chính mình thanh khiết để tiếp nhận vô thượng pháp bảo của mười phương tam thế chư Phật Như Lai, tạo thành chủng tử để thoát thai đổi cốt, chuyển phàm thành thánh. Thân ta có đại nhân duyên với mười phương tam thế chư Phật Như Lai. Mỗi một công đức thù thắng nơi biển nguyện của chư Phật đều nhiếp trong tâm ta, nguyện của ta và nguyện của Phật không sai biệt. Từ nguyện (nguyện lực từ bi) của chư Phật cùng nhiếp thọ, nhân trùn biển quả, quả thấu nguồn nhân, vô biên phước thù thắng được kết

tạo trong chân tâm in tạo kinh tượng hồng pháp lợi sanh ngày hôm nay. Phổ nguyện hết thảy những kẻ hữu duyên trong hiện tại và vị lai hãy khéo tìm phước điền, khéo kết thắng duyên, chớ mặc cho quang âm tốt đẹp nhất có diệu dụng trong hiện tiền như nước cuộn cuộn trôi qua trước mắt, chảy qua dưới chân!

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho hết thảy phụ mẫu, tổ tiên, sư trưởng, quyến thuộc, các tịnh lữ, những người hữu duyên, hoan hỷ, tán thán, tu trì pháp môn Tịnh Độ, hoặc những ai ché gièm pháp môn Niệm Phật đều cùng được vãng sanh Cực Lạc, cùng chứng đại Bồ Đề.

Mục Lục

Gia Ngôn Lục Tục Biên

Lời Tựa.....	003
I. Tán Tịnh Độ Siêu Thắng	015
II. Khuyên Tín Nguyện Chân Thiết	038
III. Thị Tu Trì Phương Pháp	050
IV. Luận Sanh Tử Đại Sự	102
V. Miễn Cư Tâm Thành Kính.....	126
VI. Khuyên Chú Trọng Nhân Quả.....	136
VII. Phân Thiền Tịnh Giới Hạn	180
VIII. Hiền Chánh, Biện Ngộ	185
IX. Dụ Tại Gia Thiện Tín	258
X. Tiêu Ứng Độc Kinh Điển.....	310
Phụ Lục	325

Văn Sao Tinh Hoa Lục

Lời Tựa.....	331
I. Tán Tịnh Độ Siêu Thắng	333
II. Thành Tín, Nguyện Thiết	353
III. Thị Tu Trì Phương Pháp	371
IV. Luận Sanh Tử Đại Sự	427
V. Miễn Cư Tâm Thành Kính.....	442
VI. Khuyên Chú Trọng Nhân Quả.....	451
VII. Phân Thiền Tịnh Giới Hạn	463
VIII. Thích Phổ Thông Nghi Hoặc	474
IX. Dụ Tại Gia Thiện Tín	507
X. Tiêu Ứng Độc Điển Tịch	518
Lời Người Biên Tập	525
Phụ Lục	527